Huyền Quang-Xuân Khôi-Đạt Chí

VIỆT HOA BANG GIAO SỬ

góc nhìn sử Việt

Công cuộc bang giao từ thời thượng cổ
đến thời đại cận kim

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

alphabooks

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trìnhđó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng,khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chíXưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa

học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt độngtrong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị… về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

LỜI NÓI ĐẦU

Nước Việt Nam ta, trải qua bốn nghìn năm lịch sử, đã có hàng chục thế kỷ nằm dưới quyền Bắc thuộc, nền văn hóa Trung Hoa đã có một ảnh hưởng sâu xa vào văn hóa nước nhà. Hai dân tộc Việt Hoa đã có một cuộc bang giao truyền thống trải qua mấy ngàn năm lịch sử.

Kể từ thượng cổ thời đại cho đến thời đại cận kim, cuộc bang giao giữa Việt Nam và Trung Hoa lúc nào cũng tỏ ra rất khăng khít. Một khi những cuộc chiến tranh xẩy ra đã tạm yên rồi, người Việt Nam lại phải cố gắng gây tình hòa hiếu với Trung Hoa cho yên mặt bắc. Với một số cư dân quá ít ỏi so với Trung Hoa, người Việt chẳng dại gì lại gây hấn với ông bạn láng giềng to lớn và mạnh mẽ hơn mình gấp trăm lần.

Người Việt đã thần phục Trung Hoa không phải đó là một dấu hiệu hèn kém, vì lịch sử đã hiển nhiên chứng tỏ người Việt Nam lúc nào cũng có óc tự cường, không bao giờ chịu đi làm nô lệ cho người khác. Chứng cớ là trong thời kỳ Bắc thuộc, rất nhiều người Việt đã nổi lên chống lại người Tàu đặng mở ra những triều đại tự chủ mới. Bà Trưng, bà Triệu, Lý Bốn, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền là những nhân vật bằng xương bằng thịt hẳn hoi đã nổi lên chống lại Trung Hoa và sức bành trướng của họ.

Kể từ nhà Ngô trở đi, nước Việt Nam ta mới thực sự hoàn toàn bước vào giai đoạn tự chủ. Nước ta đã thoát hẳn cái ách ngoại xâm và lệ thuộc vào ông bạn to lớn phương Bắc. Tuy vậy, không phải chúng ta đã dứt được hẳn những mối liên quan với Trung Hoa. Như trên chúng tôi đã nói, nền văn hóa Trung Hoa đã có ảnh hưởng sâu xa mật thiết vào văn hóa nước nhà, cho nên các triều đại tự chủ, Việt Nam vẫn phải mở mang cuộc bang giao hòa hiếu với họ.

Bị sáp nhập vào bản đồ Trung Hoa ngót 11 thế kỷ, ta đã noi theo

Tàu kể từ tôn giáo, tập quán và học thuật. Sức tiến hóa trong nước hoàn toàn dựa vào sức tiến hóa của ông bạn láng giềng. Đối với Trung Hoa, ta chỉ biết bắt chước họ, chứ ngoài ra không thấy phát biểu được một sáng kiến gì mới, ngoài việc Hàn Thuyên dựng cờ sáng tạo ra chữ Nôm về đời vua Nhân Tông nhà Trần (1279-1284)1.

Về phương diện kinh tế và chính trị, nước Việt Nam ta ở vào tình trạng thua kém, giáp giới phía nam có Chiêm Thành, Ai Lao, văn minh sơ khai, cho nên nước ta chỉ biết nhắm vào Trung Hoa ở phía bắc để làm khuôn mẫu.

Từ khi Triệu Đà lập ra nước Nam Việt, đem văn minh Tàu sang truyền bá ở phương Nam, cho nên từ đó về sau người nước mình đều nhiễm cái văn minh ấy. Học thì toàn dùng Tứ thư, Ngũ kinh và triết lý Khổng, Mạnh. Giấy mực và sách vở cũng mua ở Tàu, hấp thụ nền văn hóa Trung Hoa đến cội rễ, nên các vua ta cũng sợ Trung Hoa tuyệt giao với mình. Ta chỉ sợ nếu sợi dây bang giao đứt, Trung Hoa sẽ không bán sách vở, điền khí và đồ sắt cho ta nữa.

Nước đã nhỏ bé, nên từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, vua Việt Nam phải nhận tước phong của Tàu. Mặc dầu những cuộc xung đột diễn ra, nhưng khi tấn kịch tranh thủ hạ màn, thì Việt Nam lại sang Tàu và vua Việt Nam lại nhận tước phong. Mỗi một lần thắng trận xong, vua Việt Nam muốn giữ tình giao hảo cố hữu ấy lại phải phái Tuế cống sứ sang Tàu. Tấn kịch mâu thuẫn ấy cứ luôn luôn diễn ra, kẻ chiến thắng thường phải cầu hòa và thần phục kẻ chiến bại.

Hơn nữa, chúng ta lại luôn luôn phải vượt núi, qua sông, tiến đánh các nước Chiêm Thành, Ai Lao, Chân Lạp. Nước Việt Nam phải đem hết sức mình ra để áp đảo và mưu cuộc bình trị ở phương Nam, nên ta không thể luôn luôn có một lực lượng hùng hậu để cự với những đạo quân dũng mãnh của Trung Hoa được.

Bởi vậy, chúng ta đã thần phục ông bạn Bắc phương chẳng qua là để tâm chú trọng vào cuộc Nam tiến. Khuất phục kẻ mạnh để xúc tiến tự cường bên trong, đó chẳng qua cũng là mánh khóe ngoại giao của các triều vua nước ta vậy.

Ở đây, chúng tôi không chú ý vạch lại những cuộc chiến tranh đầy gian lao và hiểm nghèo của người dân Việt. Chúng tôi chỉ muốn phác họa lại một cách rõ ràng và tế nhị về những mối bang giao Việt – Hoa kể từ khởi thủy đến thời đại cận kim.

Cái công việc đó là của những nhà học giả uyên thâm, quảng bác, sức học năm xe, nhưng ở đây làm cái việc "đánh trống qua cửa nhà sấm", chúng tôi chẳng qua mang một thành ý là nêu lên một vấn đề và mong mỏi các bậc cao minh nghiên cứu kỹ càng hơn, ngõ hầu tạo nên một bộ sách đầy đủ và hoàn toàn!

Kẻ viết những trang sử bang giao Hoa – Việt này, lúc nào cũng mang một thành ý là phơi bày sự thực đã ghi trong sử sách. Chúng tôi chỉ muốn nói ra một sự thật của những cây bút vô tư, chứ không bao giờ muốn khơi lại đống tro tàn đã tắt ngấm từ những triều đại trước. Xin đừng ai ngộ nhận những quan điểm của chúng tôi mà kết thù vì những chuyện đã qua, không bao giờ trở lại.

Trên dòng lịch sử, cái hay cũng như cái dở, chúng ta cần phải thẳng thắn nói ra, miễn sao bằng một ngòi bút khách quan là hơn hết, Việt – Hoa bang giao sử chỉ là những tấn kịch đã hạ màn, tuy vậy mối kết giao giữa anh em Hoa – Việt vẫn còn bền bỉ đời đời. Nhắc lại đây, chúng tôi e là một chuyện thừa, dù sao cũng vẫn phải minh biện để khỏi có sự ngộ nhận.

Chúng tôi tin rằng, các bạn Trung Hoa, khi đọc những dòng này, đã hiểu rõ thành ý của tác giả.

Sau hết, chúng tôi xin ghi ở đây mấy lời thành thực cảm tạ bác sĩ Trần Văn Lai, đã có nhã ý cho mượn sách làm tài liệu và các bạn khác đã chỉ bảo hay giúp đỡ chúng tôi, trong khi biên tập cuốn sách nhỏ này.

Hà nội, ngày 6 tháng tư năm 1952.

Soạn giả: ***Huyền Quang, Xuân Khôi và Thi Đạt Chí***

NHỮNG CUỘC BANG GIAO VỀ THƯỢNG CỔ THỜI ĐẠI

Nước Việt Nam ta lập quốc từ đời Hồng Bàng, họ Hồng Bàng làm vua được 18 đời. Nhưng xét kỹ từ đời Kinh Dương Vương đến đời Hùng Vương thứ 18, cả thảy có 20 ông vua, trị vì vừa được 2622 năm tính từ Nhâm Tuất (2879) đến Quý Mão (258) trước kỷ nguyên.

Trong thời gian đó, cuộc bang giao của nước Việt ta vẫn còn lờ mờ, vì các sử gia coi đời Hồng Bàng là một chuyện không được xác thực cho lắm.

Căn cứ vào sách vở cũ, sử Tàu có chép rằng năm Tân Mão (1109 trước kỷ nguyên) đời vua Thành Vương nhà Chu, có nước Việt Thường ở phía nam xứ Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Nhà Chu phải sai người thông ngôn mới hiểu được tiếng. Sau đấy, ông Chu Công Đán lại phải chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt Thường về nước. Duy có một điều là người ta không hiểu đất Việt Thường và đất Giao Chỉ có phải là đất của ông tổ Hùng Vương của chúng ta thời bấy giờ hay không?

Sau đó, Hùng Vương thứ 18 bị Thục Vương Phán đem quân sang đánh lấy mất nước Văn Lang, Hùng Vương thua chạy, nhảy xuống giếng tự tử. Thục Vương chiếm được nước Văn Lang, tự xưng là An Dương Vương, và cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô tại Phong Khê.

oTrong khi An Dương Vương làm vua ở nước Âu Lạc thì bên Tàu vua Thủy Hoàng nhà Tần đã nhất thống cả thiên hạ. Năm Đinh Hợi (214 trước kỷ nguyên) Thủy Hoàng sai tướng là Đô Thư đem quân đi đánh lấy Bách Việt (vào quãng những tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông, và Quảng Tây bây giờ).

An Dương Vương thế yếu nên cũng phải cho sứ giả sang xin thần

phục nhà Tần. Bấy giờ, nhà Tần mới chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm 3 quận gọi là: Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (Quảng Tây) và Tượng Quận (Bắc Việt bây giờ).

Năm Quý Tỵ (208 trước kỷ nguyên) là năm thứ 50 đời vua An Dương Vương. Triệu Đà, một viên quan úy ở quận Nam Hải sang đánh lấy nước Âu Lạc lập ra nước Nam Việt.

Triệu Đà tự xưng là Vũ vương và đóng đô ở Phiên Ngung, gần thành Quảng Châu bây giờ.

Hồi ấy, bên Tàu, Lưu Bang đã diệt được nhà Tần, nhà Sở, thống nhất thiên hạ rồi, lên ngôi hoàng đế tức là vua Cao Tổ nhà Hán.

Năm Ất Tỵ (196 trước kỷ nguyên), năm thứ 12 đời Vũ vương nhà Triệu, Cao Tổ có sai Lục Giả sang phong cho Vũ vương. Vốn tính kiêu căng, không muốn thuần phục nhà Hán, khi sứ thần Lục Giả sang tới nơi xin vào yết kiến, Vũ vương cứ ngồi xếp vành tròn không chịu đứng dậy tiếp, Lục Giả thấy vậy liền nói:

– Nhà vua là người nước Tàu, mồ mả và thân thích đều ở cả châu Chân Định. Nay nhà Hán đã làm vua thiên hạ, sai sứ sang phong vương cho nhà vua. Nếu nhà vua kháng cự sứ thần, không chịu làm lễ thụ phong, Hán Đế tất phải tức giận, hủy hoại mồ mả và giết hại thân thích của nhà vua rồi đem quân sang đánh thì nhà vua làm thế nào?

Vũ vương nghe thấy những lời bày tỏ của sứ Tàu Lục Giả, hoảng nhiên tỉnh ngộ, vội đứng lên làm lễ và mỉm cười nói:

– Tiếc thay ta không được khởi nghiệp ở nước Tàu, chứ không thì ta cũng chẳng kém gì Hán Đế!

Năm Mậu Ngọ (183 trước kỷ nguyên) vua Cao Tổ nhà Hán băng, bà Lữ Hậu lâm triều, rồi nghe theo những lời gièm pha, cấm không cho người Hán buôn bán những đồ vàng, đồ sắt và đồ điền khí với người Nam Việt. Vũ vương tức giận, liền tự lập thành Nam Việt hoàng đế và cử binh mã sang đánh quận Trường Sa (tỉnh Hồ Nam bây giờ).

Khi Lữ Hậu mất, Hán Văn Đế lên ngôi, lại sai Lục Giả đưa thư sang khuyên Vũ Đế về thần phục nhà Hán. Thư rằng:

Trẫm là con trắc thất vua Cao Đế, phụng mệnh ra trị nước Đại, vì non sông cách trở, thẹn mình phác lậu2,cho nên lâu nay chưa từng đưa thư sang hỏi thăm nhà vua.

Từ khi đức Cao Đế, xa bỏ quần thần, đức Huệ Đế qua đời, bà Cao Hậu ra lâm triều, không may bị bệnh, để cho họ Lữ chuyên quyền, toan đem con họ khác để nối vị đức Huệ Đế. May nhờ nhà Tôn miếu linh thiêng các công thần ra sức dẹp kẻ tiếm nghịch.

Trẫm vì các vương hầu cùng bách quan cố ép, cho nên phải lên ngôi hoàng đế. Mới rồi trẫm nghe nhà vua có đưa thư cho Long Lư Hầu, nhắn tin anh em họ hàng ở quận Châu Định; và xin bãi binh ở quận Trường Sa.

Trẫm cũng nghe lời thư của nhà vua, đã ra lệnh cho Tướng quân Bắc Dương hầu bãi binh về. Còn anh em họ hàng nhà vua ở Châu Định thì trẫm đã cho người thăm nom, lại sai sửa sang phần mộ nhà vua, thật là tử tế.

Thế mà vừa rồi trẫm nghe nhà vua còn đem binh quấy nhiễu ngoài biên; quận Trường Sa thật khổ mà Nam quận lại còn khổ hơn. Làm như thế, nước nhà vua có chắc lợi được một mình không? Tất là tướng tá quân sĩ chết nhiều, làm cho vợ người góa chồng, con người mô côi bố, cha mẹ mất con, được một mất mười, trẫm không lòng nào nỡ làm như vậy.

Vả lại được đất nhà vua cũng không lấy làm to; được của nhà vua cũng không đủ làm giàu. Vậy từ phía nam núi Lĩnh thì mặc ý nhà vua tự trị lấy. Nhưng nhà vua cứ xưng đế hiệu, hai bên cùng là đế quốc, mà không sai sứ giao thông, thế chẳng hóa ra ganh nhau ư? Ganh nhau mà không nhường, thì người nhân không thèm làm.

Trẫm nay xin cùng nhà vua gác bỏ điều cũ, từ nay trở đi, thông sứ như xưa. Vậy trẫm sai Lục Giả sang đem ý trẫm khuyên nhà vua nên nghe, chớ làm chi nhiều sự cướp bóc tai hại.

Lời lẽ trong bức thư của Hán Văn Đế thực là nhân từ và tử tế. Cuộc bang giao hòa hảo này do sứ giả nhà Hán đem thư sang đã khiến cho cõi lòng ông vua hiếu chiến nước ta phải cảm phục. Triệu Vũ Đế liền phúc đáp bằng một bức thư khác, lời lẽ như sau:

Man d3i đại trưởng lão phu thần, Đà, muội tử tái bái, dâng thư lên hoàng đế bệ hạ, lão phu là kẻ cô lại nước Việt; khi Hiếu Huệ hoàng đế lên ngôi, tình nghĩa không dứt, vẫn hậu đãi lão phu. Đến khi Cao Hậu lâm triều, lại phân biệt ra Trung Hoa ngoại di; hạ lệnh cấm không được bán cho Nam Việt những đồ vàng sắt và điền khí; còn ngựa, trâu, dê thì chỉ bán cho giống đực, chứ không bán cho giống cái.

Lão phu ở phương xa mà không có vật cúng tế thì phải tội, vì thế có sai Nội sử Phan, Trung úy Cao và Ngự sử Bình, ba lượt dâng thư sang

Thượng quốc tạ quá, đều không trở về cả.

Lão phu lại phong văn4 rằng nhà Hán đem hủy hoại cả phần mộ lão phu cùng giết cả anh em tôn tộc lão phu, cho nên có bàn riêng với chúng rằng nay trong đã không còn vẻ vang với nhà Hán, ngoài lại không có gì hơn được nước Ngô, vậy có xưng đế hiệu; mà chẳng qua cũng chỉ là tự đế ở nước mình mà không dám hại gì đến thiên hạ.

Cao Hậu nghe thấy thế, lấy làm tức giận, đem tước bỏ sổ Nam Việt đi, không cho thông sứ, lão phu trộm nghĩ rằng hẳn vì Trường Sa vương gièm pha cho nên lão phu có đem binh đánh.

Lão phu ở nước Việt đã bốn mươi chín năm nay, bây giờ đã có cháu rồi, nhưng vẫn sớm khuya trằn trọc, ăn không ngon, ngủ không yên mắt không dám trông sắc đẹp, tai không dám nghe đàn vui, chỉ vì không được phụng thờ nhà Hán. Nay nhờ bệ hạ đoái thương, cho lại hiệu cũ, thông sứ như xưa, lão phu nhờ ơn, dẫu có chết xuống cũng không nát.

Vậy xin cải hiệu từ đây và xin có cống phẩm phụng hiến hoàng đế bệ hạ.

Cùng với thư phúc đáp này, Triệu Vũ vương lại sai sứ sang cống nhà Hán: một đôi ngọc trắng, 10 bộ sừng tê giác, 500 con đồi mồi, 1.000 con chim trả, một đôi khổng tước, một hộp quế đố (cà cuống).

Từ khi Triệu Vũ vương chịu bỏ đế hiệu, Nam Bắc lại mở cuộc bang giao hòa hiếu, không có điều gì xích mích nữa.

Triệu Vũ Vương làm vua được hơn 70 năm, sau truyền ngôi cho cháu đích tôn tên là Hồ lên làm vua, tức là Triệu Văn vương, tính tình nhu nhược không được kiên quyết như Vũ vương. Thời vua Văn vương trị vì, vua nhà Hán sai người Trang Trợ sang dụ Văn vương vào chầu, nhưng đình thần xin đừng đi, nên nhà vua cho thái tử Anh Tề đi thay, mãi đến khi Văn vương mất mới về nối ngôi, tức là Triệu Minh vương.

Hồi ở bên Hán, Anh Tề có lấy người vợ lẽ là Cù Thị, và đẻ được một người con tên là Hưng. Khi về Việt Nam làm vua, Cù thị5 được sắc phong làm hoàng hậu và Hưng làm thái tử.

Triệu Minh vương mất, thái tử Hưng lên nối ngôi, lấy hiệu là Triệu Ai vương.

Vua Hán, hồi ấy lại sai An quốc Thiếu Quý sang dụ vua Nam Việt

vào chầu. Sứ giả Thiếu Quý trước là tình nhân của Cù Thị, nên khi sang Nam Việt thông sứ, lại tư thông với Cù Thị và dỗ dành Ai vương đem nước Nam Việt dâng về nhà Hán.

Quan Tể tướng Lữ Gia biết rõ ý định của Cù Thị và Ai vương, can ngăn mãi nhưng không được, liền hợp với mấy vị đại thần, đem quân cấm binh vào giết sứ nhà Hán, Cù thị và Ai vương.

Việc này đến tai vua nhà Hán, Vũ đế liền sai Phục Ba Tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc sang đánh Nam Việt. Cuộc bang giao hòa hảo không còn nữa, quan Thái phó Lữ Gia đem quân chống lại không nổi, phải đem Triệu Dương vương chạy, quân Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại cả.

Nước Nam Việt mất quyền tự chủ và bị người Tàu chiếm lấy cải là Giao Chỉ bộ, và chia làm 9 quận, đặt quan cai trị như các châu quận bên Tàu.

Cuộc bang giao Việt – Hoa đã chấm dứt bằng những nét khá bi thảm trên những trang sử Việt.

Nước Nam Việt đã mất quyền tự chủ và sa vào một thời đại Bắc thuộc trong ngót một ngàn năm.

MỐI BANG GIAO VIỆT HOA TRONG THỜI ĐẠI TỰ CHỦ

Trải qua một thời kỳ hơn ngàn năm Bắc thuộc, cuộc bang giao bình đẳng giữa hai nước không còn nữa. Tuy vậy, trong thời kỳ lệ thuộc này, một người Việt Nam đầu tiên được thụ tước phong của Bắc Triều là Khúc Thừa Dụ, quán tại làng Hồng Châu (Bình Giang và Ninh Giang, Hải Dương). Khúc Thừa Dụ được vua Đường Chiêu Tuyên phong cho làm Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ (năm Bính Dần, 906) để cai trị Giao Châu, sau lại gia phong làm Đồng bình chương sự.

Kế nghiệp họ Khúc (906-923) đến đời nhà Ngô (937-965); lúc ấy nước Tàu đang hồi loạn lạc, nên cuộc thông sứ không có, vì các vua Tàu không rảnh tâm nghĩ đến miền Nam.

Ngô Vương Quyền đã khởi thủy đặt móng xây nền cho thời đại tự chủ của nước ta. Lâu đài tự chủ này lại càng thêm vững bền khi Vạn Thắng vương Đinh Bộ Lĩnh dẹp xong loạn Thập nhị sứ quân.

Năm Mậu Thìn (968), Vạn Thắng vương lên ngôi hoàng đế, tức là Tiên Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

Cuộc bang giao giữa Trung Hoa và Việt Nam chính thức khởi từ triều đại này. Năm Canh Ngọ (970), Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình nguyên niên và đặt ra năm ngôi hoàng hậu. Nguyễn Bặc được phong Định Quốc công, Lê Hoàn làm Thập đạo Tướng quân và con là Đinh Liễn được phong làm Nam Việt vương.

Hồi này, bên Tàu ông Triệu Khuông Dẫn[6] lên nối nghiệp nhà Hậu Chu tức là vua Thái Tổ nhà Tống. Năm Canh Ngọ (970), Tống Triều sai tướng là Phan Mỹ sang đánh lấy Nam Hán. Vua Tiên Hoàng sợ quân nhà Tống sang đánh, bèn sai sứ sang thông hiếu với Tống triều.

Năm Nhâm Thân (972), Tiên Hoàng lại sai Việt Nam vương là Liễn đem lễ vật sang cống nhà Tống. Năm Quý Dậu (973) Tống Thái Tổ liền sai sứ sang phong cho Đinh Tiên Hoàng làm Giao Chỉ Quận vương và Nam Việt vương Đinh Liễn Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ. Sang năm Bính Tý (975) Đinh Liễn lại được gia phong làm Giao Chỉ Quận vương. Từ đó, nước ta cứ giữ lễ triều cống nước Tàu.

Nhưng một khi vua Đinh Tiên Hoàng băng, tự quân còn nhỏ dại lên kế nghiệp. Tống triều thừa dịp ấy muốn sang lấy nước ta, mới hội đại binh ở gần biên giới. Trước bức tối hậu thư quỷ quyệt của vua Thái Tông nhà Tống, Thập đạo Tướng quân là Lê Hoàn đã nhún mình lấy lời Vệ vương Đinh Tuệ xin phong, để làm chước hoãn binh. Thư rằng:

... Đời đời nhờ lệnh Thiên triều bao tưởng, nước thì mếch về góc biển, được lĩnh chức Tiết chế ở nơi mọi rợ, thường lo liệu việc tuế cống, không may nhà thần phúc bạc, gặp khi đức tiên thế tử lộc thì ngọc lụa vội dâng, dám mong được phần trợ tế, nhưng tuy là thổ địa kế truyền, chưa được lĩnh chức thụ phiên. Cha thần là Bộ Lĩnh, anh là Liễn, đều đội ơn Thiên triều, được dự phần khôn ký7, giữ gìn cương vực, dám đâu có lòng phản bội. Cái công lao mồ hôi ngựa chưa có gì mà cái tin buồn mù buổi sáng thoắt đến. Nhà thần sắp tan, có tang chưa đoạn thì các quận nội quân dân, quan tướng, các bô lão phiên trấn đều đến trước gối đất đệm cỏ, xin thần tạm nắm quyền việc quân lữ, thần đã ba bốn lần chối từ, họ cứ nằng nặc cố xin. Toan đợi tâu lại với bệ hạ, nhưng lo rằng nếu để chậm thì cái thói ác độc của mường mọi, dân giáo quyệt trong núi động, không theo cho vừa lòng nó sợ sinh biến chăng. Cho nên thần chỉn8 đã nhiếp9 chức Tiết độ hành quân Tư mã, quyền lĩnh các việc trong châu, cúi trông xin được chân mệnh, để cho đủ chức với biệt phiên,yên ủy tấm lòng tận trung của thần và tỏ cái lễ diên thưởng của Thiên triều, đặng thần đủ sức kế nghiệpcủa cha ông và vỗ về mọi rợ nơi biên viễn. Ở cõi đồng trụ may chỉ đủ sức hãn10 ngự mà dưới cửa khuyết được mãi mãi tỏ tấm lòng thành dâng cống, xin bệ hạ cúi xét tình đầu11, không nỡ làm tội.

Thư này đưa sang nhà Tống sau khi Lê Hoàn nhờ bọn Phạm Cự Lạng12 suy tôn lên làm vua rồi. Tuy vậy, trong thư vẫn nói dối là lời của Đinh Tuệ (đã bị truất xuống làm Vệ vương) xin phong có ý để nhà Tống hoãn binh lại.

Vua Tống không nghe, sai sứ sang trách Đại Hành rằng sao lại được xưng đế, và lại nói:

– Nhà Đinh truyền tập đã ba đời rồi, vậy cho Đinh Tuệ làm thống

soái, Lê Hoàn làm phó. Nhược bằng Đinh Tuệ còn trẻ tuổi không làm được thì Lê Hoàn phải bắt mẹ con Đinh Tuệ sang chầu Bắc triều, rồi sẽ phong quan tước cho Lê Hoàn.

Vua Đại Hành biết mưu nhà Tống, không chịu vâng lời, liền sửa sang mọi cách phòng bị. Tháng ba năm Tân Tỵ (981), Lê Hoàn phá tan quân Tống ở Chi Lăng (Ôn Châu, Lạng Sơn) và chém được tướng Tống là Hầu Nhân Bảo.

Quân ta tuy thắng trận nhưng vua Đại Hành sợ thế lực không chống với Tàu được lâu, bèn thi hành một chính sách ngoại giao khôn khéo. Năm 982, nhà vua sai sứ sang nhà Tống thông hiếu và báo tin về việc đánh thắng được Chiêm Thành.

Năm Thiên Phúc thứ 5 (985), sứ Tàu lại sang và khi về vua Đại Hành cho đưa rùa vàng và ngà voi sang biếu, để xin lĩnh tiết trấn. Tháng mười năm sau, Tống triều sai chức Tả cổ khuyết là Lý Nhược13 và Hữu cổ khuyết Quốc tử giám bác sĩ là Lý Giác đem chế sách sang phong cho Lê Hoàn làm "Kim tử Quang lộc Đại phu kiêm hiệu Thái úy An Nam đô hộ Tĩnh Hải Quân Tiết độ sứ, Kính triệu quân, Khai quốc hầu".

Trong bài chế sách này, có những câu: "Sĩ Nhiếp là người thông minh, khai hóa cho dân tộc đất Việt được yên ổn, Triệu Úy Đà là người kính thuận, tuân theo chiếu chỉ của nhà Hán mà không trái, vỗ về dân di lạc để tỏ đức hóa của Trung triều."

Lê Hoàn nhận tờ chế sách đó một cách rất kính cẩn và tiếp đãi sứ giả rất hậu, lại sai đem giả14 hai tướng của nhà Tống bắt được năm trước là bọn Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân. Cùng năm ấy, Lê Hoàn lại sai sứ giả Ngô Quốc Ân đem đồ cống sang Tàu, nhân tiện tâu về việc người Chiêm Thành là Bồ La Át đem họ hàng hơn 100 người sang xin nội phụ.

Năm Thiên Phúc thứ 7 (987), Tống Thái Tông phái Lý Giác sang sứ Việt Nam. Vua Đại Hành liền sai Thiền sư Đỗ Pháp Thuận (tục gọi sư Thuận) cải trang giả làm lái đò ra đón ở chùa Sách Giang. Sứ giả Lý Giác vốn là một nhà thơ, thấy trên sông từng đôi chim thiên nga tung tăng bơi lội, bất giác nổi thi hứng, tức khẩu hai câu thơ:

Nga nga lưỡng nga nga,

Ngưỡng diện hà thiên nhai.

Thiền sư Đỗ Pháp Thuận ứng khẩu nối tiếp hai câu:

Bạch mao phô lục thủy,

Hồng trạo bài thanh ba.

……

Phải chăng đó là một mánh khóe tự kiêu trong cách giao thiệp của một người đã từng chiến thắng về quân sự để nêu thanh danh cho Tổ quốc.

***

Cuộc bang giao Việt Hoa về đời nhà Lý (1009-1225)15, khởi đầu từ năm Canh Tuất (1010) niên hiệu Thuận Thiên nguyên niên đời Lý Thái Tổ (1010-1028), Tống Chân Tông (998-1022) cũng phong cho Lý Thái Tổ làm Giao Chỉ Quận vương. Rồi vào khoảng niên hiệu Thiên Hỷ (1017-1021) lại gia phong làm Nam Bình Quận vương. Vua Lý Thái Tông (1028-1054), Lý Thánh Tông (1054-1072)16 đổi quốc hiệu là Đại Việt đều thụ tước kể trên.

Đến đời Lý Nhân Tông, cuộc giao bang Việt Hoa đã trải qua một thời kỳ gay go nhất. Tống Thần Tông (1067-1085)17 dùng Tể tướng Vương An Thạch đặt ra phép mới để cải tổ việc chính trị nước Tàu. Vương An Thạch đặt ra ba phép về tài chính và hai phép về binh chính.

An Thạch có ý muốn lập công ngoài biên, bèn sai Lưu Di18 kinh lý19 việc đánh Giao Châu, Lưu Di sai người đi biên các khe ngòi, đồn lũy, sửa binh khí, làm thuyền bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn bán với người Giao Châu.

Lý triều thấy sự tình như thế, mới viết thư sang hỏi Tống triều, song Lưu Di giữ lại không để về kinh, Lý triều tức giận, sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đan đem quân sang vây đánh Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu và giết hại quân, dân nhà Tống đến 10 vạn người, rồi lại bắt người lấy của đem về nước.

Năm Bính Thìn (1076); quân Tống sang đánh báo thù. Lý Thường Kiệt đem binh cự địch, đánh chẹn được quân Tống ở sông Như Nguyệt (làng Như Nguyệt ở Bắc Ninh, tức sông Cầu bây giờ). Quân Tống đến đóng ở bờ sông Phú Lương.

Hai bên chiến đấu dữ dội, quân Tống không tiến lên được. Quân Tống bị chết quá nửa vì không phục thủy thổ, nên phải lui về chiếm giữ châu Quảng Nguyên, châu Tư Lang, châu Tô, châu Mậu và huyện Quảng Lang (thuộc hai tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn bây

giờ).

Đến năm Mậu Ngọ (1078), Lý Nhân Tông sai sứ giả Đào Tôn Nguyên đưa voi sang cống nhà Tống và đòi lại những châu huyện ở mạn Quảng Nguyên. Vua Tống bắt phải trả những người châu Khâm, châu Liêm và châu Ung mà quân nhà Lý bắt về ngày trước, rồi mới trả châu huyện cho nhà Lý. Vua ta y lời tha cho về cả, tổng số gồm 221 người thì vua nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên.

Mùa hạ năm Giáp Tý (1084)20 Nhân Tông sai quan Binh bộ Thị lang là Lê Văn Thịnh sang nhà Tống bàn việc chia địa giới. Lê Văn Thịnh phân giải mọi lẽ, nhà Tống lại trả nốt mấy huyện mà trước còn giữ lại. Từ đó nước Tàu lại mở cuộc giao bang hòa hảo như cũ.

Năm Đinh Mão (1087), vua nhà Tống lại phong cho Nhân Tông làm Nam Bình vương. Đời vua Lý Anh Tông (1138-1175)21, khoảng năm Giáp Thân (1164), Tống Hiếu Tông22 đổi Giao Chỉ quận làm An Nam quốc và phong cho vua Anh Tông làm An Nam Quốc vương.

Nguyên trước kia, nước Tàu vẫn gọi ta là Giao Chỉ quận, sau đổi là Giao Châu, đến đời nhà Đường (618-907) lại đặt là An Nam đô hộ phủ. Nhà Đinh (968-980) lên đặt là Đại Cồ Việt, vua Lý Thánh Tông (1054-1072) đổi là Đại Việt. Nhưng nước Tàu vẫn phong cho vua ta là Giao Chỉ Quận vương, đến đời Lý Anh Tông mới đổi là An Nam Quốc vương. Nước ta thành tên là nước An Nam khởi đầu từ đấy.

Trong đời Tiền Lê (980-1009), nhà Lý (1009-1225)23, các triều vua vẫn thường theo gót nhà Đinh, phái sứ giả sang cống hiến nước Tàu. Cống phẩm thời bấy giờ gồm có: vàng bạc, châu báu, tê giác, ngà voi, bạch phấn y hương, giáng chân hương, trầm hương, tốc hương, mộc hương, hắc tuyến hương, chỉ phiến, tự giáng hương, hạt cau (binh lang), sa nhân, chu sa, tô hợp dầu, v.v..

***

Nhà Lý mất ngôi rồi, nhà Trần (1225-1400) lên làm vua ở An Nam. Bên Tàu, Mông Cổ đánh lấy nhà Tống và từ đó tất cả nước Tàu thuộc về Mông Cổ cai trị.

Năm Đinh Tỵ (1257) đời vua Trần Thái Tông (1225-1258), tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai (Uriyangqatai)24 sai sứ sang bảo vua Trần Thái Tông về thần phục Mông Cổ. Thái Tông không những đã không chịu, lại bắt giam sứ Mông Cổ rồi sai Trần Quốc Tuấn đem binh chống giữ mạn Bắc. Lần này, Mông Cổ tràn sang

nhưng bị thua phải rút về.

Vào khoảng niên hiệu Thiệu Long (1258-1272), Bảo Phù (1273-1278), đời Trần Thánh Tông (1258-1278), vua Mông Cổ sai sứ phong vương cho Thánh Tông và buộc ba năm phải một lần cống. Mà lệ cống phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền, mỗi hạng ba người cùng với các đồ sản vật như là sừng tê, ngà voi, đồi mồi, châu báu và các vật lạ.

Năm Bính Dần (1266), sứ Mông Cổ lại sang, Thánh Tông sai quan sang Tàu đáp lễ và xin đừng bắt nho sĩ, thầy bói và các thợ thuyền sang cống. Vua Mông Cổ ưng cho, nhưng lại bắt chịu 6 khoản khác: 1) Vua phải thân vào chầu; 2) Vua phải cho con hay em sang làm tin; 3) Biên sổ dân sang nộp; 4) Phải chịu việc binh dịch; 5) Phải nộp thuế má; 6) Vẫn cứ đặt quan giám trị.

Thánh Tông lần lữa không chịu. Năm Tân Mùi (1271), Hốt Tất Liệt cho sứ sang dụ Thánh Tông sang chầu, nhưng nhà vua cáo bệnh không đi. Năm sau, Nguyên chủ cho sứ sang tìm cột đồng trụ của Mã Viện trồng ngày trước, nhưng Thánh Tông sai quan sang nói rằng: cột ấy lâu ngày mất đi rồi, không biết đâu mà tìm nữa. Việc ấy cũng thôi.

Năm Ất Hợi (1275), Trần Thánh Tông nhận chiếu của nhà Nguyên, nhưng không chịu bái mạng, lại không trọng đãi thiên sứ. Nguyên Thế Tổ25 biên thư sang trách. Thánh Tông sai Lê Đà và Đinh Củng Viên sang sứ để biện bác. Thấy sứ thần Việt Nam vào chầu, vua Mông Cổ thét hỏi:

– Các ngươi là sứ thần Nam Man phải không?

Đinh Củng Viên đáp:

– Tâu Thiên triều, xứ mọi rợ mới là "Man". Nước Đại Việt chúng tôi là nước văn hiến xưa nay, chưa từng tranh bờ lấn cõi nước nào, cũng không hà hiếp ai, không thể gọi là "Man" được. Chúng tôi là sứ thần Đại Việt chứ không là sứ thần Nam Man.

Nguyên Thế Tổ thấy trả lời có vẻ xàm báng liền hỏi:

– Nam chúa nhà các ngươi không biết sức mình sao mà lại dám ngạo nghễ với Thiên triều?

Đinh Củng Viên cứng cỏi đáp:

– Chúa chúng tôi vẫn chịu thần phục Thiên triều, mới phái chúng

tôi sang cống hiến, sao lại gọi là ngạo nghễ?

– Vậy, sao chiếu thư của trẫm đến nơi, chúa các ngươi không chịu lạy mà cũng không trọng đãi thiên sứ?

– Lễ bái chẳng qua là hư văn, che mắt thiên hạ. Chúa chúng thôi kính trọng Thiên triều, cốt ở trong lòng. Nếu Thiên triều xử nhân đạo, thì dù ngoại quốc chẳng giữ lễ nhưng vẫn kính trọng muôn phần. Không kính trọng thì bầy hương án, áo mũ lễ thì tình cũng chẳng ra gì. Và sứ thần chỉ là một người Thiên triều phái sang. Bệ hạ là vua của một nước lớn, chúa chúng tôi cũng là vua một nước nhỏ, chỉ chịu kém bệ hạ, lẽ nào kém cả bầy tôi Thiên triều.

Nguyên Thế Tổ hầm hầm quát:

– Quân trẫm đi đến đâu tan đến đấy, chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan. Cớ sao vua tôi nhà ngươi lại dám chống cự?

Đinh Củng Viên ung dung tâu:

– Nếu hoàng đế bệ hạ đem nhân nghĩa ra trị thiên hạ, tất ai cũng phải kính phục. Nhưng nếu chỉ cậy binh hùng tướng dũng thì nước nào chẳng có binh, có tướng, có sông núi hiểm trở. Vì thế, nước chúng tôi tuy nhỏ, song cũng đường đột chống cự lại quân Thiên triều.

Nguyên Thế Tổ thấy sứ thần Việt Nam đối đáp trôi chẩy, biện bác hợp tình và lý, bèn cho ra sứ quán nghỉ ngơi. Lần này, vua Nguyên không ưng việc bỏ chức quan giám trị mà lại bắt theo sáu điều đã định trước. Thánh Tông cũng không chịu.

Khi Nguyên chủ nghe tin Trần Thái Tông mất và Thánh Tông nhượng vị, liền sai Lễ bộ Thượng thư là Sài Thung sang và đi từ Giang Lăng (Hồ Bắc) qua Ung Châu (Quảng Tây) rồi sang nước Nam, chứ không đi qua tỉnh Vân Nam như các sứ thần trước.

Sài Thung đến kinh thành, lên mặt kiêu ngạo, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Đường Minh, rồi cho người đưa thư vào trách Nhân Tông rằng: "Sao không xin phép triều đình nhà Nguyên mà dám tự lập, vậy phải sang chầu Thiên triều hoàng đế mới xong". Nhân Tông sai quan đại thần ra tiếp. Thung không thèm đáp lễ. Vua bày yến mời, Thung cũng không thèm đến. Đình thần An Nam ai cũng lấy làm tức giận.

Sau vua phải dọn yến ở điện Tập Hiền, mời mãi Sài Thung mới đến. Trong khi uống rượu, Nhân Tông bảo Thung: "Quả nhân xưa

nay sinh trưởng ở trong cung, không quen phong thổ, không thể nào đi được".

Được mấy hôm, Sài Thung về nước, Nhân Tông sai sứ mang thư sang Tàu, nói không thể sang chầu được.

Năm Nhâm Ngọ (1282), Nguyên chủ lại cho sứ sang dụ: "Nếu vua nước Nam không sang chầu được thì phải đưa vàng ngọc sang thay và phải nộp hiền sĩ, thầy âm dương bói toán, thợ khéo mỗi hạng hai người."

Nhân Tông sai người chú họ là Trần Di Ái và Lê Tuấn, Lê Mục sang thay cho mình, nhưng Nguyên chủ không bằng lòng, xuống chỉ lập tòa Tuyên phủ ti, đặt các liêu thuộc để sang giám trị các châu huyện nước Nam. Quan nhà Nguyên sang đến nơi, Nhân Tông không nhận đuổi về Tàu.

Nguyên chủ thấy vậy giận lắm, lập bọn Trần Di Ái làm An Nam quốc vương. Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ và Lê Tuấn làm Thượng thư lệnh và sai Sài Thung dẫn 1.000 quân đưa bọn ấy về nước. Sài Thung đưa bọn Trần Di Ái đến gần ải Nam quan thì có tin phi báo về kinh đô. Nhân Tông liền sai tướng dẫn một đội quân lên đón đường, đánh lũ nghịch thần.

Sài Thung bị tên bắn mù mất một mắt, chạy trốn về Tàu, còn bọn Trần Di Ái bị bắt phải tôi đồ làm lính. Nguyên chủ mới mượn cớ Sài Thung bị thương, sai con là Thoát Hoan cùng với bọn Toa Đô và Ô Mã Nhi dẫn 50 vạn quân sang đánh nước Nam. Lần này, Mông Cổ bị đại bại và Thoát Hoan phải chạy về Tàu.

Giữa buổi can qua, sứ giả Việt đã có lần sang quân doanh của tướng Nguyên, để điều đình. Ấy là vào hồi tháng giêng năm Ất Dậu (1285), khi chiếm xong các cửa ải Lạng Sơn, quân Nguyên tiến xuống Vạn Kiếp. Quân An Nam thua chạy, bao nhiêu chiến thuyền mất cả. Quân Nguyên thừa thế chiếm vùng Võ Ninh, Gia Lâm, Đông Ngàn và kéo đến đóng tại bến Đông Bộ Đầu. Giữa khi ấy, Toa Đô đi đường bể sang đánh Chiêm Thành, cũng theo đường bộ kéo ra mặt Nghệ An.

Trước tình thế nguy ngập đó, Trần Nhân Tông (1279-1293) muốn sai tướng đến quân doanh Nguyên điều đình xin tạm hoãn binh, luôn tiện đó xem lực lượng quân địch thế nào? Đỗ Khắc Chung tình nguyện lĩnh trọng trách ấy. Đến nơi, Ô Mã Nhi đem hai chữ "Sát Thát" ra trách và nói: "Ai xui quân nhà ngươi thích chữ vào cánh tay xấc láo như vậy, thế là khinh nhờn "Thiên binh", lỗi ấy to

lắm.

Đỗ Khắc Chung ung dung trả lời:

– Đó là lòng trung phẫn của quân sĩ, tự chạm lấy chứ, không phải ai xui. Chó nhà chủ vẫn thường cắn người lạ, sao Tướng quân lại nỡ giận trách thế?

Ô Mã Nhi lại nói:

– Đại quân Thiên triều ở xa đến, sao vua quan nhà ngươi không làm lễ nghênh tiếp lại dám
chống lại?

Đỗ Khắc Chung đáp:

– Hiền tướng không theo cái kế của Hàn Tín đánh nước Yên, đóng quân ở đầu cõi đưa thư báo tin trước, như thế mà chúng tôi không thông hiểu thì mới là có lỗi. Nay hiền tướng đến tận nơi, muông thú đến lúc cùng thì cắn, chim đến lúc cùng thì mổ, huống chi người.

Ô Mã Nhi nói:

– Đại quân mượn đường đánh Chiêm Thành, quốc vương các anh nếu ra mặt thì trong nước được yên, không phạm một mảy lông, trái lại núi sông đều thành bình địa. Vua tôi các ngươi sẽ thành cỏ nát, dẫu muốn hối cũng không kịp nữa.

Đỗ Khắc Chung cáo từ ra về. Ô Mã Nhi bảo các tướng:

– Ta lấy oai vũ dọa nạt mà Đỗ Khắc Chung từ khí cứ tự nhiên, không chịu nói chủ mình là đạo chích, không nịnh ta là vua Nghiêu, chỉ nói chó nhà cắn người, thật là khéo ứng đối mà không làm nhục mệnh vua. Nước Nam còn có người khá chưa dễ mưu tính được.

Sau hai lần đại phá quân Nguyên, người đời Trần đã làm cho Mông Cổ khiếp phục. Theo sách Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì Trần Cương Trung sang sứ Nam vào sau hồi Trần Hưng Đạo đại phá quân Nguyên (1288), lại còn để ý cả đến phong tục, tập quán của ta, đã viết về lễ nhạc nước ta khi Trần Nhân Tông (1288-1293) ban yến như sau:

Nhà vua thường ban yến ở điện Tập Hiền, đào kép mỗi bên 10 người, đều ngồi giữa đất, có đàn tì bà, loại đàn tranh nhà Tần một

dây. Tiếng đàn cùng tiếng hát hòa nhau. Giọng ca ngân dài rồi đến lời hát. Dưới điện có trò đi đầu cây sào và múa rối. Lại có trò mang gấm phủ vào mình rồi múa, nhẩy, gào thét. Đàn bà nhuộm 10 móng chân đỏ, đứng trên sàn hát múa. Thêm vào đó, còn một bọn con trai hơn 10 người, cởi trần nắm cánh tay nhau, nối gót đi vòng quanh mà hát. Trong khi đi, một người giơ tay thì cả bọn đều giơ tay, mà hạ xuống thì đều hạ. Lời ca gồm có các khúc. Trang Chu mộng điệp, Bạch lạc thiên26, Mẹ biệt con, Vi sinh ngọc tiêu, Đáp ca, Thanh ca, còn lời than về thời thế thì rất thảm thiết. Đại tiệc ở trên điện thì phường đại nhạc ngồi ở sau nhà chài, người và nhạc khí đều không thấy. Mỗi lần rót rượu, quân lính hô to: "Nhạc tấu!" thì ở dưới nhà chài ca những khúc Giang châu long27, Nhập hoàng đối, Yến giao tri, âm điệu cũng giống như âm điệu cổ thời nhưng ngắn và gắt.

Sứ giả Tàu Trần Cương Trung lại còn tỏ lòng khiếp phục binh sĩ đời Trần, trong một bài thơ lúc đi sứ Việt Nam về, tuy buổi ấy binh đao đã lặng từ lâu:

Ngẫu nhiên tuổi trẻ chức quan to,

Sai sứ sang Nam, nhẹ tựa tờ!

Muôn dặm Thượng Lâm không nhạn đến;

Ba canh Hàm Cốc có gà o.

Lờ mờ giao sắt, lòng kinh khiếp:

Vững vàng trống đồng, tóc bạc phơ.

May được trở về thân mạnh khỏe,

Chiêm bao thấy lại vẫn còn lo.

Quân nhà Nguyên sang đánh An Nam tuy thua hai ba phen thật, nhưng nước Nam ta sánh với nước Tàu là một nước nhỏ mọn mà chiến tranh mãi thì muôn dân phải lầm than, khổ sở. Vì lẽ ấy, tháng mười năm Mậu Tý (1288) vua Nhân Tông sai quan là Đỗ Thiên Thu sang sứ nhà Nguyên, xin theo lệ cống hiến như xưa. Nguyên chủ cũng thuận cho thông hòa.

Văn thư ngoại giao về hồi này rất nhiều. Đây là vài bức thư lục tục gửi sang Tàu sau cuộc thắng trận:

Thế tử nước An Nam, thần mọn là Trần Nhật Huyên trăm lạy sợ sệt

liều chết chịu tội dâng thư lên đức hoàng đế bệ hạ mệnh trời dành ngôi. Bằng nay: gió Nam mát mẻ, kính chúc thánh cung nằm ngồi đều đặng vạn phúc, cha con thần mọn quy thuận Thiên triều đã hơn 30 năm nay, tuy thần mang bệnh tật, đường sá xa xôi, bệ hạ bỏ qua không hỏi mà sự cống hiến phương vật, sứ giả sang dâng, chưa hề thiếu thốn.

Năm Chí Nguyên thứ 21, chức Hải nha Bình chương là A Lý gây việc ở biên giới, trái với thánh chỉ. Thế rồi sinh linh nước thần hóa thành bùn than. Sau khi đại quân đã về, thần mọn chắc rằng tình dưới ủng trệ28,miệng lưỡi gièm pha thêu dệt nên tội, mới riêng sai chức Thông thị đại phu là Nguyễn Nghĩa Toàn và Hiệp trung đại phu là Nguyễn Đức Vinh phụng cống các phương vật sang, trước nạp để xin, nghĩ rằng bệ hạ sẽ rủ lòng thương, không ngờ cả mấy người đều không được về.

Mùa đông Chí Nguyên thứ 24, lại thấy đại quân thủy bộ tiến sang, đốt chùa miếu trong nước, khai quật phần mộ tổ tiên, cướp bóc dân gian già trẻ, phá phách sản nghiệp trăm họ, mọi tàn ác không việc nào là không làm. Thần vì lúc ấy sợ chết, đã trốn tránh trước, thì Ô Mã Nhi Tham chính nói với người trong nước truyền đến tai thần rằng: "Mày chạy lên trời, ta theo lên trời, mày xuống đất, ta theo xuống đất, mày lăn vào nước, ta lăn nước theo, mày băng lên ngàn, ta lăn lên ngàn theo" mọi lời nhục nhã, nói chẳng tiếc miệng.Thần nghe lời ấy lại càng chạy xa, để mong thái tử thương đến, chịu theo lời tình nguyện của nước hèn mà lui đại quân. Ô Mã Nhi Tham chính lại lĩnh quân thuyền riêng ra ngoài biển bắt hết dân miền duyên hải, kẻ lớn thì giết đi, người nhỏ thì bắt đi, đến nỗi treo trói mổ chặt, đầu lìa khỏi xác. Trăm họ bị bức tử đều nổi lên cái họa chó cùng dứt dậu, thần mọn tự sợ vạ vương, thân hành ra ngăn cấm nhưng vì đường sá không kịp. Rồi thấy trong dân giải đến một người là Tích Lệ Cơ Đại vương tự xưng là thuộc dòng quý thích đại quốc. Thần trong buổi ấy đối đãi ngang hàng, rất là tôn trọng. Kính hay chẳng kính, Đại vương cũng đã hay, đến như Ô Mã Nhi làm việc khốc ngược, Đại vương cũng thấy tận mắt, thần mọn đâu dám nói càn. Nước hèn thần, thủy thổ rất độc, lửa chướng chẳng lành, thần lo rằng Đại vương trú ở đây lâu sẽ sanh bệnh tật, dầu thần phụng dưỡng hết lòng cũng không thể tránh cái tội của kẻ tham lợi ở ngoài ven cõi họ nói gièm vậy.Thần bèn sắm sửa lễ vật đi đường, sai người đi trước đến đầu cõi đưa Đại vương về nước. Cúi trông bệ hạ đức sánh trời đất, ơn quá mẹ cha, trí như đuốc soi khắp nơi tối, sáng khôn có thể hiện ra thật giả, xin rủ lòng thương xét lại, thêm bề khoan nhân, may chi thần được khỏi tội lệ, trọn cái lòng thủy chung thờ nước lớn. Chẳng những thần mọn cùng sinh linh một phương, xương thịt chết sống đều đời đời chịu cái ơn đại tạo sinh thành, mà những nước trong một trời đều được hạnh

phúc đội lòng nhân bệ hạ không khi nào hở. Ngoài ra đại quân thất lạc có hơn số nghìn, thần đã phát lịnh cho về rồi. Hoặc sau này nếu có thấy ai, thần cũng tìm kiếm cho về. Nước hèn này gần đây bị binh lửa, nay thêm khí trời còn nóng nực, sứ giả cống vật khó mà hiện ngay được. Xin đợi đến mùa đông sẽ sai sang. Lòng thần khôn xiết, cầu trời lạy đất liều chết phục tội.

Cẩn tấu

Chí Nguyên năm thứ 25 tháng tư

Và đây là một bức thư thứ hai viết vào tháng ba năm sau:

.... Bằng nay: tháng ba xuân đẹp, muôn cảnh tốt tươi, kính chúc thánh cung nằm ngồi đều đặng vạn phúc. Ngày mồng một tháng ba năm Chí Nguyên thứ 26, thần mọn thấy Lưu thiên sứ mang tờ chiếu và dẫn sứ thần của nước hèn là bọn Nguyễn Nghĩa Toàn mấy người cùng về. Thần khôn xiết hân hạnh liền kính cẩn ra điện chính, đốt hương lạy đọc và đồng thời bận lễ phục ra tiếp kiến. Thần mọn thần hồn đều rối, gan ruột như vò, ấy gọi là vui chưa trọn mà sợ lại, mừng chưa hết mà khiếp tới. thần mọn ở mếch về góc biển, mang bệnh từ lâu, đường sá xa xôi, thủy thổ không phục, dẫu là mệnh bởi số trời cho mà chết là tình người ai cũng sợ. Gia chi dĩ đại quân đánh giết nhiều người anh em vô lương tâm lắm kẻ thêu dệt nhiều lời. Trước kia quốc thúc là Di Ái, chính là một tên có tội trốn ở ngoài cõi, dám vu với thánh chỉ là có quyền chuyên sát, còn trọng đệ là Ích Tắc, sai đi trước quân lạy thay, lại sang trước tự lấy làm công mình. Huống nữa, sai người đi tâu thay, trở lại nói ngoa. Thiệt thân mười phần chết cơ hồ không được một phần sống. Bệ hạ đức quá Đường Ngu, sáng cùng nhật nguyệt, thiệt giả việc gì lại chẳng hiểu. Tối tăm mọn mãy không nơi nào là không soi. Đại quân đồ diệt trước sau hai lần, mà thần chỉ lấy hai chữ trung quân khắc vào tâm phủ, sự tuế cống phương vật chưa từng phế trệ. Là vì cậy có bậc thánh trên cao, như mặt trời chiếu soi, không có chỗ nào là không sáng. Khi đại quân vừa lui, thiên sứ chưa đến, thần đã sai Trung đại phu là Trần Khắc Dụng và Tùng Nghĩa Lang là Nguyễn Mạnh Thông29 mang thư trần tạ, vật mọn dâng lên. Chỉn mong lượng trên để lòng thương xót cho và cũng để tỏ tấm lòng thần tham sống sợ chết. Ngoài ra tuyệt không dám làm điều gì nghịch mệnh cả.

Năm trước, trăm họ nước hèn này giải đến trong quân, thần mọn thân hỏi chỉ được ba người là Đại vương Tích Lệ Cơ, Tham chính Ô Mã Nhi, Tham chính Phàn Tiếp, ai nấy đều bảo họ đã giết vợ con, đốt phá nhà cửa người ta, nhiều kẻ muốn buông tuồng làm điều phi nghĩa, nhưng thần hết sức che chở, cấp dưỡng rất hậu, vợ con hoàn

toàn, quần áo đầy đủ, trước kiếm lễ vật đi đường riêng sai Tùng Nghĩa Lang Nguyễn Thịnh theo Đại vương Tích Lệ Cơ tới cửa khuyết. Trong khi đó thì hai vị Tham chính còn ở lại sau. Nguyên khi đại quân vừa lui, lòng còn sợ hãi vị Tham chính chưa tắt lòng giận lại gây vạ, cho nên mới khoan khoan sẽ đưa về. Không ngờ thần mọn vô phúc, sự chẳng như nguyện: Tham chính Phàn Tiếp bỗng mắc bệnh nóng, thần thuốc thang hết lòng, sai thầy thuốc bộ hạ điều trị mà không được, đến nỗi bỏ mạng. Thần mọn làm lễ hỏa táng, tu công đức xong, nhân cấp thớt ngựa giao cho vợ con đưa hương cốt về, sai Thiên hộ là bọn Mai Thế Anh hộ tống. Ngày Lưu thiên sứ đến cũng nói rằng, đã gặp ở châu Ung. Phàm những việc đối đãi ngày thường, kính hay là chẳng, xin hỏi lại vợ con họ cũng đủ biết. Còn như Tham chính Ô Mã Nhi lục tục về sau thì lại đi con đường qua Vạn Kiếp. Nhân Tham chính vào nhà Hưng Đạo để sửa soạn hành lý, không may nửa đêm thuyền bị nước ngấm, Tham chính thân thể to lớn, khó lòng cứu vớt, thành thử chết đuối, thê thiếp và đầy tớ cũng bị chìm đắm như người nhẹ và nhỏ nên cứu được thoát. Thần đã sai hỏa táng tu công đức, Lang trung cũng được trông thấy, nếu như không kính còn vợ con ở đó, khó lòng che đậy được. Thần sắm đủ lễ đưa, cũng giao cho vợ con sẽ cùng với Lang trung về nước tiếp sau. Ngoài ra còn một số nữa, thần mọn sai quân lính đến hơn 80 người. Trong đó hoặc có những đầu mục đều không biết tên, nay vâng chiếu bệ hạ hỏi đến thần lại tra soát, hễ được đầu mục mấy người, quân nhân mấy người, đều sẽ cho theo thiên sứ về cả. Sau này còn có hạng trốn sót chưa thấy, thần cũng sai tìm kiếm, không dám lưu một người. Cúi mong bệ hạ bao trùm trời biển, che giấu bụi nhớp, sáng cả dải che mắt, tỏ cả dải đậy tai, đại độ khoan hồng, gác bỏ bên ngoài, để thần được bảo lĩnh một đời, cho trọn lòng thờ nước lớn. Lại kỳ vọng đời đời kiếp kiếp, tan xương nát thịt, báo lại ơn thánh trong muôn một, và cả sinh linh trong nước, muôn miệng một lời, đều chúc thánh thọ vô cương, vạn vạn tuế. Thần mọn ngửa trông trời thánh khôn run sợ.

Cẩn tấu

Chí Nguyên thứ 26 tháng ba

Lời lẽ những văn kiện ngoại giao trên, tuy vẫn tự hạ, song vẫn bao hàm cái khí phách hiên ngang của kẻ chiến thắng. Từ buổi thua trận, vua Nguyên tuy ngoài mặt thuận cho hòa hiếu, nhưng trong bản tâm vẫn chưa nguôi cơn giận và vẫn có ý muốn cất binh sang đánh báo thù. Đình thần san, xin để cho sứ sang dụ vua An Nam sang chầu xem đã, nếu không sang cau sẽ liệu.

Nguyên chủ liền y theo kế đó sai Thượng thư Trương Lập Đạo sang sứ An Nam, vua Nhân Tông lấy cớ có tang, không đi và sai

quan là Nguyễn Đại Phạp30 đi thay.

Nguyễn Đại Phạp sang sứ Tàu, nói năm sau vua An Nam sẽ sang chầu. Qua năm sau, Nguyên triều không thấy vua An Nam sang, lại sai Lại bộ thượng thư là Lương Tằng và Lễ bộ thượng thư là Trần Phu sang giục Nhân Tông sang chầu.

Nguyên triều tuy bức bách, nhưng vua Nhân Tông vẫn không chịu đi, lại sai sứ là Đào Tử Kỳ đưa đồ vật sang cống Tàu. Nguyên chủ thấy vua ta không chịu sang, nhất quyết khởi binh sang đánh, liền bắt giam Tử Kỳ ở Kim Lăng và sai Lưu Quốc Kiệt chọn ngày phát binh. Đương trong thời kỳ đó, Nguyễn Thế Tộ là Hốt Tất Liệt mất, Nguyên Thành Tôn lên ngôi, mới bãi việc binh và cho sứ An Nam là Đào Tử Kỳ về nước.

Từ đó, Nguyên triều với nước Nam thông hòa, không gây ra cuộc đao binh nữa.

Số đông các nhà ngoại giao thời Trần đã lập được nhiều công trạng hoặc làm cho người ngoại quốc kính phục, trong số đó Đỗ Khắc Chung, Đinh Củng Viên, Phạm Sư Mạnh và Mạc Đĩnh Chi, v.v...

Mạc Đĩnh Chi đi sứ Trung Hoa vào khoảng năm Canh Tuất (1310) đời vua Trần Anh Tông. Tuy thân hình nhỏ bé và xấu xí nhưng trí óc ông siêu phàm, xuất chúng.

Một buổi tối về cuối thu, Mạc Đĩnh Chi được Tể tướng Trung Hoa thết tiệc. Dự tiệc có đông đủ các văn võ triều thần. Tiệc gần tan, Mạc Đĩnh Chi liếc nhìn bức tranh của một nhà danh họa dâng quan Tể tướng. Tranh vẽ một con chim sẻ đậu trên cành trúc, nét vẽ đơn sơ nhưng linh hoạt. Đang lúc ngà ngà say, Mạc Đĩnh Chi tưởng là sẻ thật, liền đứng dậy chạy ra vồ. Cử tọa phá lên cười. Mạc Đĩnh Chi biết mình lầm, giật phắt ngay bức tranh xuống và xé ra làm mấy mảnh, rồi ung dung về chỗ, nét mặt thản nhiên như không. Một vị quan lớn đứng lên hạch:

– Dám hỏi vì lẽ gì Trạng nguyên An Nam lại tự ý xé bức tranh quý giá của quan Tể tướng?

Mạc Đĩnh Chi điềm tĩnh trả lời:

– Tôi thường thấy người ta vẽ chim sẻ đậu cành mai, thế mà ở đây lại vẽ chim sẻ đậu cành trúc, nên tôi phải xé bỏ. Vì trúc là hạng cây quân tử, sẻ là loài chim tiêu biểu cho loài tiểu nhân, nay vẽ như thế, tức là để cho kẻ tiểu nhân đứng trên hạng người quân tử. Tôi e

rằng đạo tiểu nhân mỗi ngày một thịnh mà đạo quân tử mỗi ngày một suy. Tôi mạn phép xé bức tranh là vì thế.

Quan khách dự tiệc ai nấy đều phải công nhận là có lý. Từ đấy, danh tiếng của Mạc Đĩnh Chi nổi lên như sóng cồn, danh sĩ Trung Hoa đến tìm ông kết giao rất đông. Trong khi danh tiếng Mạc Đĩnh Chi đang lẫy lừng, bà trưởng công chúa Tàu tạ thế!

Trong buổi làm tế điếu công chúa, Mạc Đĩnh Chi được quan Lễ bộ Thượng thư Tàu cắt ra đọc văn tế. Không ngờ bài văn đó chỉ có gọn bốn chữ "Nhất".

Mạc Đĩnh Chi hiểu ngay là các quan Tàu muốn "chơi chữ" thử tài mình. Nhưng ông vẫn điềm tĩnh như không cất giọng sang sảng đọc:

Vu sơn nhất đóa vân.

Hồng lô nhất điểm tuyết;

Thượng uyển nhất chi hoa,

Quảng hàn nhất phiến nguyệt.

Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!

Dịch nghĩa:

Một đóa mây núi Vu,

Một điểm tuyết lò hồng!

Một cành hoa vườn Thượng uyển.

Một mảnh trăng cung Quảng.

Ôi! Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!

Mấy câu đó Mạc Đĩnh Chi ứng khẩu ra, hiện thời còn chép trong sử sách Trung Hoa và được người Tàu hết sức tán thưởng.

Ít lâu sau bên Tàu, nhà Nguyên suy. Chu Nguyên Chương lấy binh ở đất Từ Châu (tỉnh An Huy), chiếm giữ thành Kim Lăng rồi trong 15 năm rứt được nhà Nguyên, dẹp yên thiên hạ và dựng nên cơ nghiệp nhà Minh.

Năm Mậu Thân (1368) đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369), Minh

Thái Tổ sai sứ đưa thư sang dụ nước ta, Dụ Tông sai quan Lễ bộ Thị lang là Đào Văn đi sang cống.

Tuy vậy, Minh triều lúc nào cũng có ý dòm ngó đất An Nam và thường cho sứ giả đi lại thách cái nọ, đòi cái kia. Năm Giáp Tý (1384)31, Minh Thái Tổ cho sứ sang bắt An Nam phải cấp 5.000 thạch lương cho quân nhà Minh đóng ở Vân Nam. Năm sau (1385), lại cho sứ sang đem 20 tăng nhân An Nam về Kim Lăng, rồi lại đòi phải cống gỗ quý, phải nộp lương, chủ ý để xem tình hình nước ta thuở ấy ra sao.

Họ Hồ tiếm nghịch, Quý Ly bỏ Thiên đế (1398-1400) rồi tự xưng là đế, đổi họ là Hồ, và đặt quốc hiệu là Đại Ngu. Làm vua chưa được một năm trời, bắt chước các vua nhà Trần, Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương32 rồi làm Thái Thượng Hoàng để cùng coi việc nước.

Khi Hán Thương mới lên ngôi (1401-1407), đã cho sứ giả sang nhà Minh nói dối vì dòng dõi nhà Trần không còn người nào nữa cho nên cháu ngoại lên thay để quản lý việc nước. Tuy vậy, khi nhà Hồ và vây cánh giở thủ đoạn tranh cướp ngai vàng của nhà Trần, liền bị các nhà chí sĩ tôn thờ họ Trần vùng dậy phản đối. Một phái ngấm ngầm tổ chức trong nước. Một phái đi nhờ ngoại viện, phần nhiều họ đều là học trò và quan lại mà đại biểu là Bùi Bá Kỳ và Lê Cảnh Tuân33, Bá Kỳ đã sang Tàu cầu cứu vua nhà Minh trừ hộ họ Hồ.

Bá Kỳ có viết một tấm biển cáo nạn đưa lên vua Minh Thái Tông như sau:

Cha ông thần đều làm quan Chính đại phu chết vì việc nước, mẹ thần cũng có họ hàng gần với họ Trần, cho nên thuở nhỏ thần được vào hầu quốc vương, quan đến ngũ phẩm, sau theo làm tỳ tướng với Vũ Tiết hầu Trần Khát Chân. Cuối năm Hồng Vũ, Khát Chân đi dẹp giặc ở Đông Hải mà rồi cha con tặc thần Lê Quý Ly giết chủ, tiếm ngôi tàn sát kẻ trung lương, kẻ bị diệt tộc, kể có trăm mươi mấy người mà vợ con anh em thần cùng đều ngộ hại. Bọn họ sai người bắt thần định làm thịt ướp muối, thần phải bỏ quân chạy dài ẩn nấp hang núi, ước mong tội của khuyết dạng bày gan phơi ruột, dần dà đến vài năm mới được thấy thiên nhan. Thần trộm nghĩ rằng: "Quí Ly là con viên cố Kinh lược sứ Lê Quốc Kỳ, đời đời thờ nhà Trần được sủng vinh, lại con là Thương cũng đội ơn trao cho trọng trách, nay nhất đán đắc trí trở nên kẻ soán đoạt, thay họ đổi tên, chiếm ngôi đạt hiệu, không tuân mệnh triều đình khiến cho kẻ trung lương phải chướng mắt đau lòng, chỉn mong dậy quân điếu phạt, tôn nghĩa nổi giọng, trừ tiệt bọn

gian ác, lập lại con cháu nhà Trần, thì thần chết cũng không hờ. Thần bắt chước lòng trung của Thân Bao Tư[34] *kêu gào dưới cửa khuyết, mong đức hoàng đế xúi xét cho...*

Kèm theo tờ biểu trên là một bài thơ (nguyên văn ở phần chữ Hán):

Tôi trung côi cút quyết ra tay,

Lặn suối trèo non mới đến đây.

Thềm ngọc nát dâu tràn huyết lệ,

Ngửa mong Hoàng thượng giúp dân này.

***

Chưa chắc nhà Trần đến nỗi này,

Ngậm oan nuốt giận có trời hay.

Phận tôi Nam Việt ôm trung nghĩa,

Giết Quý Ly thề quyết xả thây.

Khi Minh Thành Tổ dẹp xong dư dảng nhà Nguyên ở phía Bắc rồi, có ý muốn sang lấy nước An Nam làm thuộc địa. Cho nên khi Hồ Hán Thương sai sứ sang xin phong, Minh Thành Tổ sai quan là Dương Bột sang xem hư thực thế nào. Hồ Quý Ly bèn bắt những quan viên phụ lão làm tờ khai nói y như lời sứ An Nam đã sang nói. Vì lẽ đó, Minh Thành Tổ không có cớ gì mà từ chối, phong cho Hồ Hán Thương làm An Nam quốc vương.

Đến năm Giáp Thân (1404), có Trần Khang[35] ở mạn Lào Qua đi đường Vân Nam sang Yên Kinh[36], đổi tên là Trần Thiêm Bình[37], xưng là con vua Nghệ Tông, rồi kể rõ sự tình Hồ Quý Ly tiếm nghịch. Minh Thành Tổ sai sứ giả là Ngự sử Lý Ỷ sang tra xét việc ấy, Lý Ỷ về tâu quả thật họ Hồ làm điều soán đoạt.

Năm Ất Dậu (1405), nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộc Châu. Trước Hồ Quý Ly đã không chịu, sau phải cắt ra 59 thôn ở Cổ Lâu nhượng cho nước Tàu rồi luôn luôn giữ lễ triều cống. Tuy vậy, nhà Minh vẫn cứ trách nhà Hồ làm điều tiếm nghịch. Sứ nhà Hồ sang Tàu thì nhà Minh giữ lại không cho ai về. Trái lại, Minh triều lại cho người sang An Nam dò xem sơn xuyên đạo lộ hiểm trở thế nào, để liệu đường tiến binh.

Từ khi Lý Ỷ trở về Tàu, nhà Hồ cho sứ sang dâng biếu tạ tội, và xin rước Trần Thiêm Bình về. Bấy giờ, Thiêm Bình cũng kêu van với Minh chủ xin cho đem binh sang đánh báo thù. Vì vậy, năm Bính Tuất (1406), Minh Thành Tổ sai đốc tướng Hàn Quan và bọn Hoàng Trung dẫn 5.000 quân đưa Thiêm Bình về nước. Quý Ly được tin sai các tướng lên đón ở cửa Chi Lăng, đánh quân Minh và bắt được Thiêm Bình đem về giết đi.

Sau đó, Minh Thành Tổ sai các chức Thành quốc công là Chu Năng và Tân Thành hầu Trương Phụ đem binh sang đánh. Họ Hồ chống không nổi, đều bị quân Minh bắt được cả ở núi Cao Vọng. Thế là nước Nam ta hoàn toàn lệ thuộc vào nhà Minh.

Hồi thuộc Minh (1424-1427), hàng năm nước ta đã phải đóng góp cho Tàu: 13 triệu 80 vạn hộc (mỗi hộc độ60 lít) thóc thuế; 135.900 con vừa voi, bò và ngựa; 8.700 chiếc thuyền và 2.539.000 thứ quân giới.

Năm Mậu Tuất (1418) đời Minh Thành Tổ niên hiệu là Vĩnh Lạc đời thứ 16, ông Lê Lợi người làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa cùng với các tướng Lê Thạch và Lê Liễu khởi binh ở núi Lam Sơn và tự xưng là Bình Định vương, rồi truyền hịch gần xa kể tội nhà Minh để rõ cái mục đích của mình khởi nghĩa đánh kẻ thù của nước.

Trải mười năm gian khổ kháng chiến với quân Minh, Lê Lợi thường có rất nhiều giấy tờ giao thiệp với các tướng Tàu. Những giấy tờ đó nhà vua đều sai văn thần là Nguyễn Trãi làm ra cả.

Năm Nhâm Dần (1422) Bình Định vương thua trận phải rút về núi Chí Linh lần thứ ba, lương thực một ngày một kém, trong hai tháng trời hết lương ăn, chỉ ăn rau củ, có bao nhiêu voi ngựa cũng làm thịt ăn hết. Tướng sĩ mệt mỏi đều muốn nghỉ ngơi, xin vương hãy tạm hòa với quân Minh. Vương bất đắc dĩ sai Nguyễn Trãi viết thư này và truyền cho Lê Vận38 đi xin hòa với các tướng Minh là Sơn Thọ. Mã Kỳ. Bức thư đó đại lược như sau:

Tôi nghe sinh thủa thái bình, người chẳng ai không được yên sở, gặp thời thạnh minh, người chẳng ai không vui sống. Nay tôi sinh trưởng thời lành, gặp gỡ đời thịnh mà thường phải thở than về nỗi thất sở là cớ làm sao? Buổi trước nhân viên tri huyện làng là Đỗ Phú cùng tôi có mối hiềm khích, hắn đút lót viênTham chính Lương Nhữ Hốt39 để bảo tôi xấc xược với quan trên, cậy mạnh mà làm bậy, nếu không sớm trừ, tất sinh hậu hoạn. Nhữ Hốt bèn nói với quan quản binh và nội giám Mã Kỳ, đem quản quân đến đánh úp. Bộ thuộc của tôi không kỳ

già trẻ đều bị chém chết và bắt sống, họ hàng chết chóc, vợ con lìa tan, lại đào mồ mả ông cha tôi, bỏ phơi hài cốt. Tôi không biết kêu vào đâu được, tới lui đều khó, bèn sai thân nhân đến Ba Ty tạ tội, những người sai đi mấy lần đều bị giết chết, chẳng người nào được tha về. Tôi không biết tính kế làm sao bèn phải chạy đi trốn tránh, sống trộm ngày tháng, để đợi quan trên xét tính, rau cháo trong rừng trải đủ sáu năm, ngày hai bữa ăn, chưa từng được no bao giờ cả. Song Tinh Vệ, chẳng nề lấp bể khó nhọc, oan khốc chẳng quản sống chết báo đền, bởi thế mới đem bộ chúng đánh úp nhà Đỗ Phú, bắt lấy quyến thuộc họ hàng nhà nó, ngõ hầu rửa mối thù cũ, cũng chẳng dám có chi gì khác. Nay nghe quan tổng binh đức lớn thấm người, ân rộng tươi vật, lấy lòng dỗ giặc của Đặng Vũ làm lòng, lấy chính hóa dân của Hoàng Bá làm chính, thật là một dịp cho tôi đổi lỗi sửa mình. Vậy kính sai anh họ là Lê Vận phụng thư đến trước cửa viên kể bày mọi nỗi oan khổ. Cúi xin rộng tha cái lỗi đã rồi, mở cho con đường đổi mới. Nếu được mở lượng khoan hồng như vậy, thật là cái sức của tạo hóa càn khôn.

Trong khi Bình Định vương còn đóng quân ở miền rừng núi Thanh Hóa, tướng Minh là Phương Chính đưa thư kể tội. Vương thấy vậy liền sai Nguyễn Trãi viết thư trả lời, Trãi vâng mệnh liền viết như sau:

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Đạo làm tướng, lấy nhân nghĩa làm gốc, trí dũng làm cành. Nay lũ mày chỉ chuộng lừa dối, giết hại những kẻ vô tội, hãm người ta vào đất chết chẳng động lòng thương, trời đất không thể dong40, người ma đều phải giận. Bởi thế luôn năm đi chinh phạt chỉ thua lụn bại. Vậy mà không biết tự đổi lỗi, còn bơi bôi ra nữa, sau này hối lại còn kịp nữa sao! Huống nay, nước xuân mới nhóm, lâmchướng càng dậy, thế không thể chịu đựng lâu được. Vậy mà mày tay cầm đại binh, lữa lần không tiến, khiến quân sĩ nhuộm phải lâm chướng mà chết, đó là tội lỗi của ai?

Binh pháp nói rằng: "Bậc nhân giả lấy yếu trị mạnh, bậc nghĩa giả lấy ít địch nhiều." Nay mày muốn đánh nhau thì nên tiến binh vào cùng ta quyết sống mái một keo, đừng nên dùng dằng để khổ cho hai quân nữa.

Phương Chính, viên tướng Tàu nhận được bức thư trên tức giận lắm viết thư mắng lại Bình Định vương rằng muốn đánh nhau thì hãy kéo quân xuống chốn đồng bằng đất phẳng. Vương lại ủy cho Nguyễn Trải trả lời bằng thư này:

Bảo mày giặc dữ Phương Chính. Xưa nay người giỏi dụng binh, không chỗ nào hiểm cũng không chỗ nào không hiểm; không chỗ nào dễ cũng

không chỗ nào không dễ; được thua là ở tướng, chứ có phải ở địa thể hiểm với dễ đâu. Vào chỗ hiểm mà đấu, như hai hổ đấu nhau trong cái hang không, khéo chơi thì thắng, vụng chơi thì bại. Cho nên đất không có hình thường nhất định, chiến không có thế thường nhất định có gì là phân biệt hiểm với dễ đâu! Mày nếu không lui, nên dẫn binh vào mà quyết chiến.

Khoảng tháng năm năm Bính Ngọ (1426), quân ta kéo đến dưới thành Nghệ An khiêu chiến, nhưng tướng Minh đóng kín cửa thành không chịu ra. Bình Định vương bèn đem quân vây thành, quân Minh cố thủ, nên ta lại gửi thư này:

Bảo mày giặc dữ Phương Chính, ta nghe bậc danh tướng, quý nhân nghĩa mà rẻ quyền mưu. Lũ mày thì quyền mưu cũng còn chẳng đủ, huống lại nói gì nhân nghĩa. Ngày xưa, thư mày gửi đến cho ta, thường cười ta náu núp ở chỗ núi rừng, không dám ra giao chiến ở đồng bằng đất phẳng. Nay ta đã đến đây, ngoài thành Nghệ An đều là chiến trường cả, mày bảo đó là núi rừng hay là đồng bằng? Mày đóng kín cửa thành ngồi xó trong ấy, có khác gì một mụ già không? Ta e lũ chúng mày không trốn đâu được khỏi cái nhục khăn yếm.

Sau đấy, Vương lại có thư trả lời Phương Chính:

Phàm đồ việc lớn, lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công lớn, lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa vẹn toàn thì công việc mới trôi chảy được.

Nước mày nhân việc họ Hồ lỗi đạo, mượn cái danh "thương dân đánh tội" để thỏa cái thực "cướp của giết người", lấn chiếm bờ cõi ta, hiếp đáp sinh dân ta, nặng thuế, nghiêm hình, bòn gio đãi sạn, dẫu kẻ tiểu dân ở trong chỗ thôn cùng ngõ hẻm, cũng không được yên thân mà sống. Nhân nghĩa mà như thế ư? Nay dân oán thần hận, nước mày lại gặp đại tang41, như thế mà không biết xét mình đổi lỗi, lại còn kéo dài mãi việc binh cách ở phương xa, khiến quân lính phơi thây, nhân dân lầm cát. Ta e mối lo của Quý thị ở ấp Chuyên Du mà sẽ xảy ra ngay bên kẽ vách42.

Sau khi bị thua một trận lớn phải lui vào cố thủ tại thành Đông Quan, lại thấy tướng sĩ các thành khác lục đục mở cửa đầu hàng quân Nam. Vương Thông biết sự thế nguy cấp, liền một mặt sai sứ đi lại với Bình Định vương, giả cách nghị hòa, nhưng một mặt khác đã sai người phi báo về triều xin quân cứu viện. Không những thế, sợ quân của triều đình đến lâu, Vương Thông lại cầu cứu cả với Cố Hưng Tổ là trấn thủ tỉnh Quảng Tây nữa.

Thấy Vương Thông cho người đi thư xin hòa và xin cho đem toàn quân về nước, Bình Định vương ưng thuận. Nhưng sợ bấy giờ có mấy người An Nam theo nhà Minh như những tên Trần Phong, Lương Nhữ Hốt sợ quân Minh về bọn chúng sẽ phải chết, bèn lấy chuyện Ô Mã Nhi nhà trước, can Vương Thông đừng rút quân về.

Vương Thông nghe lời, bề ngoài tuy nói hòa, nhưng bề trong lại sai người đào hào, đắp lũy, rắc chông, rồi cho người đi lẻn đem thư về Tàu cầu cứu. Bình Định vương bắt được người đưa thư, giận lắm, không mở cuộc bang giao hòa hiếu với quân Minh nữa và viết thư này đưa cho Vương Thông, Sơn Thọ:

Tôi nghe điều tín là vật báu của nước. Người mà không có điều tín thì còn làm trò gì! Trước đây tiếp được thư của các Ngài và các ngài sai người ra nói, ước sự hòa giải, tôi đã nhất nhất nghe theo. Nay xem trong thành vẫn đào hào, đóng cọc, đắp lũy, dựng rào, hủy đồ cổ để đúc súng đạn, sửa chiến khí43. Như vậy, thì các ngài định rút quân về chăng? Định bền giữ thành trì chăng? Đều không sao hiểu được. Truyện có câu rằng: "Bất thành vô vật" nghĩa là nếu không thành thực thì việc gì cũng đều hỏng cả. Ngài nếu thực không bỏ lời trước, thì việc làm tưởng nên minh bạch những lẽ lợi hại. Định rút quân thì rút quân, định đóng giữ thì đóng giữ. Cớ sao mặt ngoài thì vờ vĩnh kết hiếu, bên trong lại ngầm ngầm mưu toan? Tưởng chẳng nên sau trước trái nhau, trong ngoài bất nhất như vậy. Kẻ tiểu dân ngu nhưng mà tinh lắm. Tôi dầu mờ tối không biết gì, nhưng thật có như lời cụ Khổng Tử nói: "Xem cách dùng, nhìn lối đi, xét chỗ đứng", như vậy thực dối của lòng người, dầu nhỏ bằng tơ tóc cũng không thể che giấu được.

Thư trên gửi đi mà không nhận được thư phúc đáp, nên Bình Định vương lại gửi một bức thư khác chiêu dụ, lời lẽ ôn tồn, lúc cương lúc nhu, tựu trung vẫn một mực khoa trương thanh thế làm kế dụ hàng. Thư này cũng đưa cho Vương Thông:

Thư đệ đến quan Tổng binh Thành Sơn hầu.

Bức thư bữa trước, chưa thấy đáp phúc; sai người vào chực đợi lại cũng chẳng thấy về... Vậy thì câu nói: "Ngôn hành phải đi đôi với nhau" của đại nhân ngày trước, nay đâu rồi ư? Tôi nghĩ cái đạo nước nhỏ thờ nước lớn phải nên kính sợ, và nghĩ lời nói của đại nhân ngày trước, nghĩa không nỡ tuyệt, cho nên gửi thư đến mãi, chẳng chút ngại phiền. Nhưng chẳng được như lòng, không biết có phải tình thế khiến vậy hay không? Theo tôi trộm tính cái kế của đại nhân lúc này, không gì bằng rút quân khải hoàn, để cởi cái khổ can qua cho hai nước, để gỡ cái vạ hao hại cho quốc gia, để vẹn cái nghĩa dựng hộ

nước bị đổ, nối hộ dòng bị đứt, để tỏ cái nhân của đấng vương giả, coi bốn bể đâu cũng như đâu, trên không phụ sự ủy nhiệm của triều đình, dưới không trái nghĩa xuất khổn của đại tướng, khiến tên ghi sử sách, há chẳng tốt đẹp lắm sao! Dữ kỳ noi theo vết xấu của Hán, Đường hãm đất lớn, thích công to, sao bằng làm cái quân nhân nghĩa, chỉ cốt vì dân mà đánh kẻ có tội. Nay không nghĩ đến điều đó mà chỉ chăm chăm đắp thành, đào hào, ngày ngày lén mở cửa thành, cho quân ra đánh cắp rơm củi, sao mà tự khổ đến thế!

Đại nhân nếu bảo thành trì hiểm cố có thể giữ để chờ đợi, thì tôi e nước xa không cứu được lửa gần. Nếu bảo những quân dũng cảm ở trong thành còn nhiều, muốn quyết một trận sống mái; thì tôi tưởng khi tôi còn ở Khả Lam, Trà Lân, các ngài có mấy vạn quân tinh nhuệ, mà tôi chỉ có mấy trăm quân tâm phúc, tôi còn đánh tan đi được để thành cái thế chẻ nứa, huống nay tôi gồm thu Diễn, Nghệ, Thanh Hoá, Tân Bình, Thuận Hóa, Đông Đô các lộ, tuyển quân tinh nhuệ có hàng mấy chục vạn, vậy thì cái sống mái, có thể ngồi tính mà biết được rồi.

Song nước thịnh hay suy, quan hệ ở trời, quân mạnh hay yếu, không cứ ở nhiều. Đại nhân thường đem việc họ Hồ ngày trước, khác nhau xa lắm. Họ Hồ dối trời ngược dân mà tôi thì kính trời thuận dân, lý thuận nghịch khác nhau là một. Quân của họ Hồ trăm vạn, nhưng trăm vạn lòng, quân của tôi chỉ vài chục vạn nhưng hết thảy đều cùng một lòng, điều đó khác nhau là hai. Nay đại nhân nếu "không vì người mà bỏ lời nói phải" quyết kế rút về, sai người thân tín cùng với Sơn đại nhân (Sơn Thọ) sang sông hội họp, tôi sẽ xin lui quân ngay về các miền Thạch Thất, Thanh Đàm (Thanh Trì), Khoái Châu để đợi xuất xử. Nếu không như vậy, tôi cũng chẳng biết làm sao được.

Đạo quân của Cố Hưng Tổ, kéo sang cứu viện vào hồi tháng sáu năm Đinh Vị44 (1427) đã bị các tướng của Bình Định vương là Lê Lưu, Lê Bội đánh một trận tan ở cửa ải Pha Lũy45, Vương Thông rất thất vọng, đành chỉ bó gối ngồi đợi viện binh chính thức của Minh triều phái sang. Biết Vương Thông không còn kế sách gì khác nữa. Bình Định vương lại tấn công bằng một bức thư dụ hàng nữa:

Thư kính cùng quan Tổng binh và các vị Đại nhân.

Xưa nay người giỏi dùng binh là chỗ hiểu biết thời thế. Được thời và có thế thì biến mất làm còn, hóa nhỏ thành nhớn; mất thời và không thế thì trở mạnh ra yếu, đổi yếu làm nguy, chỉ ở trong khoảng trở bàn tay mà thôi. Nay các ngươi không rõ thời thế, chỉ dối giá quen, há chẳng phải là hạng sất phu46 đớn hèn, sao đủ nói chuyện việc binh

được. Dạo trước trong mang gian dối, ngoài thác giảng hòa, đắp lũy đào hào, chờ quân cứu viện, tâm tình không tỏ, trong ngoài bất nhất, khiến ta tin sao được mà chẳng phải ngờ. Cổ nhân có câu rằng: "Kẻ khác có lòng, ta lường đoán thấy" tức là thế đó. Ngày xưa, nhà Tần thôn tính sáu nước, chuyên chế bốn bề, quốc chính không tư, mình tan nước vỡ. Nay Ngô47 mạnh đã đâu bằng Tần mà hà khắc hơn Tần nhiều lắm, chẳng qua chỉ trong vòng một năm, sẽ đến nối nhau mà chết hết, đó là mệnh giời chứ chẳng phải sức người. Hiện nay, phía Bắc có kẻ địch Thiên Nguyên48 bên trong có một nỗi lo Tầm Châu các xứ, Giang tả một khu không tự giữ được, huống lại còn chực đi lấn chiếm nước khác nữa sao! Bọn các ngươi không thể hiểu sự thể, bị ta đánh bại, lại còn chực níu lấy Trương Phụ để nhờ uy thanh, như thế có phải là đại trượng phu không, hay chỉ là đàn bà thôi đó?

Sự thế ngày nay, dù có vị thượng tướng đem quân đến đây, cũng quyết chẳng làm trò gì được. Huống chi Trương Phụ chẳng qua đến mà nộp mạng chứ bõ nói gì!

Ngày xưa vua Chiêu Liệt49 nhà Hán là giống sót lại của họ Lưu. Khổng Minh còn giúp cho nghiệp lớn lại dấy lên được. Huống nay con cháu của Hoàn Trần50 mệnh trời thuận cho lòng người theo về, nước Ngô kia còn chực đoạt làm sao được! Vả đời xưa các bậc hào kiệt chưa gặp thời ẩn náu, thấy cơ hội thì dấy lên. Cho nên Y Doãn chỉ là một gã thợ cầy ở đất Sần, Thái Công chỉ là một chàng câu cá ở sông Vị, thế mà một người làm đến vương tá, một người làm đến sư, vậy đó là người hào quý chăng? Lại như Mộ Dung nước Yên, Thạch Lặc nước Triệu, đó là người Trung Quốc chăng? Là người man rợ chăng? Ta nghĩ nhời của nhà ngươi nói, thật là nhời của kẻ tiểu nhân rợ mọi, không phải là nhời nói của người Trung Quốc.

Nay các ngươi kế cùng sức, lính tráng mỏi mệt, trong không lương thảo, ngoài không cứu viện, bám bíu lấy một khoảng đất, thoi thóp trong một mảnh thành, chẳng phải là miếng thịt trên thớt, con cá trong chậu rồi sao? Vậy mà còn lừa dối dân ta, dụ dỗ những điều phi nghĩa. Các kẻ trung thần nghĩa sĩ của nước ta, trong khi cùng ách, còn nếm mật nằm gai, không chịu đem lòng kia khác, huống chi như ngày nay, còn ai tin nghe những lời bất nghĩa của lũ ngươi. Chỉn e trong thành, người Nam thì nhớ thương chúa cũ, người Ngô thì không chịu được khổ, cùng hai lũ người rồi đem nhau ra hàng, như Trương Phi, Lã Bố ngày xưa, bị hại bởi tay những thủ hạ, ấy là cái lý tất nhiên đó.

Nay các thành từ Đô Ty trở xuống, đều tức giận lũ ngươi lừa dối, nhiều người vượt lũy ra ngoài, báo cáo những tình hình bên trong; kẻ bị khốn cực thì đâm chém lẫn nhau, không đợi phải đến quân lính của ta nữa. Ta ngồi suy tính cho lũ ngươi thì cái cơ bại vong có sáu:

nước lụt mênh mông, tường đổ rào nát, củi cỏ thiếu thốn, ngựa chết lính mệt, bại vong đó là một. Ngày xưa Đường Thái Tông bắt Kiến Đức và Thế Sủng phải ra hàng, nay bao nhiêu ải quan hiểm trở đều có binh tướng đồn đóng, viện binh nếu đến tất nhiên bị bại, viện binh đã bại, lũ ngươi còn trốn đằng giời, bại vong đó là hai. Nước ngươi binh khỏe ngựa béo, nay còn để cả miền Bắc để phòng bị quân Nguyên, không rồi đâu nhìn ngó xuống phía Nam được, bại vong đó là ba. Can qua bận rộn, chinh phạt rối ren, người chẳng sống yên, nhao nhao thất vọng, bại vong đó là bốn. Tôi gian chuyên chính, chúa yếu trị vì, xương thịt tàn nhau, vạ khởi ở trong tường vách, bại vong đó là năm. Nay ta nổi dậy quân nghĩa, trên dưới cùng lòng, anh hùng tận lực, quân lính ngày một luyện, khí giới ngày một tốt, vừa cầy ruộng, vừa đánh giặc, trong thành mỏi mệt, tự phải diệt vong, bại vong đó là sáu. Ngồi giữ một mảnh thành con, để chờ đợi sáu cái bại vong ấy, ta thật tiếc thay cho lũ ngươi. Cổ nhân có câu: "Nước xa không cứu được lửa gần". Dù có viện binh đến đây cũng không ích gì cho sự bại vong cả. Ngày xưa Phương Chính, Mã Kỳ chỉ chuyên làm những sự hà ngược, sinh linh lầm than, thiên hạ oán trách; nào đào mồ mả của nhà ta, nào bắt vợ con của dân ta, kẻ chết hàm oan, người sống bị khổ. Lũ ngươi là những người xét rõ sự cơ, hiểu sâu thời vụ, vậy nên chém đầu Phương Chính, Mã Kỳ đem đến cửa quân dâng nộp, như vậy trong thành sẽ khỏi nạn cá thịt, trong nước sẽ khỏi vạ đau thương, hòa hiếu lại thông, can qua xếp nép. Nếu muốn rút lui về nước ta sẽ sửa sang cầu cống, mua sắm tàu thuyền, thủy lục hai đường, tùy theo ý muốn, quân ra khỏi cõi muôn phần đảm bảo được yên ổn không lo ngại gì; nước ta lại phụng cống dâng thần theo như lệ cũ. Nếu không nghe lời ta như vậy thì nên sắm quân dàn trận, ra giao chiến ở giữa bình nguyên để quyết một trận thư hùng, để xem cái tài hơn kém, không nên ngồi rú một xó, bắt chước cái điệu bộ của đàn bà nữa".

Từ khi quân Minh thua trận Tụy Động, Vương Thông cho người về tâu với Minh đế xin thêm viện binh. Quân Minh chia hai đường Quảng Tây và Vân Nam sang đánh nước ta. Kết cục, An Viễn hầu Liễu Thăng bị chém ở núi Đạo Mã Pha (bấy giờ là Mã Yên sơn, ở làng Mai Sơn thuộc Ôn Châu). Bảo Định bá Lương Minh cũng bị chém giữa trận, Binh bộ Thượng thư Lý Khánh tự tử chết. Công bộ Thượng thư Hoàng Phúc và Đô đốc Thôi Tụ cũng bị bắt sống với ba vạn quân. Kiềm quốc công Mộc Thạnh đem quân chạy bị đuổi theo chém được hơn một vạn người và bị bắt được cả người lẫn ngựa hơn một nghìn.

Vương Thông biết rằng viện binh sang đã thua, sợ hãi quá, viết thư xin hòa. Vương thuận cho, rồi cùng Vương Thông lập đàn thề ở phía nam thành Đông Quan, hẹn đến tháng chạp thì đem quân

về Tàu.

Bình Định vương đã hòa với Vương Thông rồi, quân binh ở Tây Đô và ở các nơi đều giải binh cả. Vương sai Lê Thiếu Dĩnh, Lê Quang Cảnh và Lê Đức Huy đem tờ biểu và phương vật sang sứ nhà Minh.

Những đồ phương vật là:

1. Hai người bằng vàng để thay mình gọi là "Đại thân kim nhân";
2. Một lư hương bằng bạc;
3. Một đôi bình hoa bằng bạc;
4. Ba mươi tấm lụa;
5. Mười bốn đôi ngà voi;
6. Mười hai bình huân y hương;
7. Hai vạn nén hương vòng;
8. Hai mươi bốn cây hương trầm[51]

Và lại đem hai cái dấu đài ngân, đôi hổ phù của Chinh lỗ[52] phó Tướng quân An Viễn hầu Liễu Thăng cùng với sổ kê những người quan quân nhân mã đã bị bắt đem trả lại Minh triều.

Ngoài ra, Vương lại đứng lên Trần Cảo dâng một tờ biểu lên Minh đế mà đại lược như sau:

Khi vua Thái Tổ Cao hoàng đế mới lên ngôi, tổ tiên tôi là Nhật Khuê vào triều cống trước nhất, bấy giờ ngài có ban thưởng, phong cho tước vương. Từ đó, nhà tôi vẫn nối đời giữ bờ cõi, không bỏ thiếu lễ triều cống bao giờ.

Mới rồi nhân họ Hồ thoán nghịch, vua Thái Tôn Văn hoàng đế đem quân sang hỏi tội. Sau khi đã dẹp yên rồi, ngài có hạ chiếu tìm con cháu họ Trần để giữ lấy dòng dõi cúng tế. Bấy giờ, quan Tổng binh Trương Phụ tìm chưa được khắp, đã xin đặt làm quận huyện.

Nguyên tôi lúc trước vì trong nước có loạn, chạy trốn về xứ Lão Qua[53], cũng là muốn để tìm chốn yên thân mà thôi, không ngờ người trong nước vẫn quen thói mọi, nhớ đến ân trạch nhà tôi thuở trước, lại cố ý ép tôi phải về, bất đắc dĩ tôi cũng phải theo.

Dẫu rằng trong khi vội vàng bị người trong nước cố ép, nhưng cũng là cái tội tôi không biết liệu xử. Mới đây, tôi có xin lỗi trước hàng quân, nhưng không ai chịu nghe, bấy giờ người nước tôi sợ phải tai vạ, liền đem nhau ra phòng bị các cửa ải, cũng là một kế giữ mình.

Ngờ đâu quan quân xa xôi mới đến thấy voi sợ hãi, tức khắc vỡ tan.

Việc đã xẩy ra như vậy, dẫu bởi sự bất đắc dĩ của người trong nước cũng là lỗi của tôi. Nhưng bao nhiêu những quân và ngựa bắt được, đều phải thu dưỡng tử tế, không dám xâm phạm một tý gì.

Dám xin Hoàng thượng ngày nay lại theo như lời chiếu của Thái Tôn Văn hoàng đế, tìm lấy con cháu họ Trần, nghĩ đến cái lòng thành vào triều cống trước nhất của tổ tiên tôi ngày xưa, mà xá cái tội to như gò núi ấy, không bắt phải phạt nặng bằng búa rìu, khiến cho tôi được nối nghiệp ở xứ Nam để giữ chức triều cống.

Tôi đã sai người thân tín mang tờ biểu tạ và đưa trả những ấn tín nhân mã tới chốn sư, nay lại xin đệ tâu những danh số ấy.

Vua nhà Minh lúc bấy giờ là Tuyên Tông xem biểu trên biết là giả dối nhưng cũng muốn nhân dịp ấy để thôi cuộc chiến tranh, bèn đưa tờ biểu cho quần thần xem song ai nấy đều xin hòa. Minh đế liền sai chức Lễ bộ Thị lang là Lý Kỳ đưa chiếu sang phong cho Trần Cao làm An Nam quốc vương rồi bỏ tòa Bố chính, và triệu quân về Tàu.

Quân Minh lục đục về Bắc, bấy giờ nước Nam lại được tự chủ như cũ.

Tự đấy trở đi, nước ta lại mở một cuộc bang giao hòa hảo như thường lệ và ba năm lại phải mang phương vật sang cống hiến một lần. Nhiều sứ giả Việt Nam khi sang sứ đã tỏ ra có một tài năng đặc biệt, khiến người Tàu phải kính phục.

Khoảng niên hiệu Đại Hòa (1143-1453) đời Lê Nhân Tông, Trạng nguyên Nguyễn Trực và Bảng nhỡn54Trịnh Thiết Trường sang sứ Trung Hoa. Gặp kỳ thi, hai vị cùng xin ứng cử, văn của Trịnh Thiết Trường có phần hay hơn văn của Nguyễn Trực, Trường liền bảo Trực.

– Ở nước nhà tôi đỗ Bảng nhỡn mà bác đỗ Trạng nguyên, chẳng lẽ sang đây tôi lại đỗ cao hơn bác. Vậy tôi giả viết lầm một chữ để lại đỗ kém bác một chút cho khỏi mang tiếng nước nhà tuyển trạch không tinh.

Trong bài văn của Trịnh Thiết Trường: "Nam chi chu, bắc chi mã" ông liền viết chữ "mã" có ba nét chấm, do đó văn ông tuy hay nhưng quan trường chỉ lấy đỗ Bảng nhỡn mà Nguyễn Trực đỗ Trạng nguyên.

Song, người Tàu vẫn căm tức chữ "Bắc mã" là ngựa Tàu mà chỉ có ba chấm tức là có ba chân, nên khi tiễn sứ Việt Nam họ đem con

ngựa buộc lại một chân để Trịnh Thiết Trường cưỡi. Nếu Thiết Trường không đi được sẽ phải lưu lại Trung Hoa để Nguyễn Trực về trước. Trịnh Thiết Trường biết vậy mới làm một cái chân giả bằng gỗ buộc chân ngựa, nên ngựa ba chân song vẫn đi được đến một dặm đường. Thấy thế, sĩ phu Trung Hoa phải phục Trịnh Thiết Trường là người ứng biến giỏi, liền cởi chân ngựa cho đi đều với ngựa của Nguyễn Trực.

Một sứ giả khác là Lê Quang Bí sang sứ Tàu đời vua Lê Cung Hoàng đã được người ta mệnh danh là Tô Vũ Việt Nam.

Niên hiệu Thống Nguyên (1527) đời Lê Cung Hoàng, Lê Quang Bí lĩnh chức Hộ bộ Tả Thị lang, được cử đi sứ Trung Hoa, Bí là con Lê Nại, cháu Lê Thúc Hiển, cháu ngoại Vũ Quỳnh, chắt Lê Cảnh Tuân, người làng Mộ Trạch Hải Dương. Lên năm tuổi ông đã nổi tiếng thần đồng, mười sáu tuổi đỗ Hương giải và đỗ Hoàng giáp năm mười ba tuổi.

Bấy giờ có cả Trung sứ đi theo giữ cống phẩm. Nhưng đến Nam Ninh viên Tổng đốc Quảng Tây mở hòm cống ra duyệt lại thì thấy tượng vàng "Đại thân kim nhân" là vàng giả liền tâu về kinh. Minh Thế Tông cho là vô lễ bắt Bí giam vào ngục Bắc Ná Quan, lấy vỏ hến úp vào hai mắt gắn chặt lại rồi tuyên bố rằng bao giờ dê đực đẻ, ngựa mọc sừng, Bí mới được về nước Nam.

Lê Quang Bí vẫn điềm tĩnh như thường, không chút sợ hãi. Bấy giờ về mùa đông, hễ thấy trời nóng Bí lại nằm phơi bụng ra ngoài trời. người Minh hỏi thì Bí vỗ bụng nói:

– Tôi phơi sách vở trong bụng này cho khỏi mốc!

Người Minh nghe nói giật mình, lập tức bắt Bí phải đọc cả bộ Đại học, Bí đọc suốt một lượt không bỏ sót qua một chữ nào. Triều thần Trung Hoa thấy vậy liền xin vua Tàu tha cho Bí, bỏ hai vỏ hến gắn mắt đi rồi cho vào ngự tại khách quán. Rảnh tâm Quang Bí soạn ra tập thơ đề là: Vịnh cố hương chi tiền bối và Tư hương vận lục trong đó có hai bài vịnh Lê Cảnh Tuân và Vũ Quỳnh, lời lẽ rất lâm ly.

Tài học của Lê Quang Bí dần dần trở nên lừng lẫy khắp kinh đô Trung Hoa. Mộ tài Bí có một người Tàu tên là Đặng Hồng Thần đã đỗ Cử nhân đến xin làm học trò. Đến khoa thi năm Kỷ Vị55, Thần đỗ Tiến sĩ được bổ làm Tri huyện hạt Quảng Đông rồi được thăng chủ sự ở Yên Kinh. Thương thầy học cũ bị yểm lưu ở đất Tàu đã lâu, Đặng Hồng Thần làm sớ kể rõ tình trạng của Bí tâu lên Minh

đế, Minh đế cho vời Lê Quang Bí vào chầu, an ủi ít câu rồi ba tháng sau cho về nước. Thần đặt tiệc khoản đãi và tiễn thầy gấm bạc rất nhiều.

Bấy giờ là năm Ất Tỵ (1545) tính ra từ lúc Lê Quang Bí đi sứ đến khi về vừa đúng 17 năm chẳng khác nào Tô Vũ đời Hán, Quang Bí về nước thì ngôi vua vào tay họ Mạc. Hiến Tông Phúc Hải (1541-1546) thăng Bí làm Lại bộ Thượng thư Tô Xuyên hầu, khi mất lại được truy phong Thiếu bảo Tô Quận công.

Năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua và đặt niên hiệu là Minh Đức. Minh Thế Tông Gia Tĩnh muốn thừa dịp thôn tính Việt Nam, liền sai người sang tra xét việc bên An Nam hư thực ra sao. Quan nhà Lê lại sang Vân Nam kể rõ họ Mạc làm điều thí nghịch.

Năm Đinh Dậu (1537) vua nhà Minh bèn sai Đô đốc Cửu Loan, Tán lý Quân vụ Mao Bá Ôn đem quân sangđóng gần cửa Nam quan để uy hiếp Mạc triều. Người Minh lại sai sứ sang đưa thư cho Mạc Đăng Dung, buộc phải đưa sổ ruộng đất và nhân dân sang nộp và chịu tội sẽ được tha cho khỏi chết, Mạc Đăng Dung sai bọn Nguyễn Văn Thái sang sứ nhà Minh để xin hàng.

Tháng mười một năm Canh Tý (1540) Mạc Đăng Dung thấy quân nhà Minh sửa soạn sang đánh, sợ hãi quá chừng, bèn để Mạc Phúc Hải ở lại giữ nước, rồi cùng cháu là Mạc Văn Thịnh, đảng thuộc là Vũ Như Quế và 42 trường lĩnh qua Trấn Nam quan, chân đi đất, cổ đeo gông đến phủ mạc tướng Mao Bá Ôn cúi đầu tạ tội. Dâng hàng biểu rồi, Mạc Đăng Dung còn đem sổ điền thổ và sổ dân đinh nộp quan Tàu và xin hiến đất Tô Phù (thuộc Thiệp Lang), Kim Lạc, Cổ Lâm, Liêu Cát, La Phù (thuộc Như Tích) để Trung Hoa sát nhập vào Khâm Châu. Đăng Dung lại đem vàng bạc dâng riêng cho nhà Minh.

Quân nhà Minh tuy làm bộ hống hách nói đem binh sang đánh, nhưng cũng sợ phải cái vạ như mấy năm Bình Định vương ngày trước và lại được tiền bạc của Đăng Dung rồi, cái lòng nhiệt thành vị quốc cũng nhạt đi, nên mới tâu với Minh đế xin phong cho Mạc Đăng Dung làm chức Đô thống sứ hàm quan nhị phẩm nhà Minh.

Như vậy, Minh triều đã trực tiếp công nhận chủ quyền của họ Mạc trên đất nước Việt Nam rồi vậy. Các vua nhà Mạc vẫn rập theo khuôn mẫu của Lê triều để cai trị đất nước.

Năm Tân Sửu (1541) đời vua Mạc Phúc Hải, niên hiệu Quảng Hòa

(1541-1546) vua Mạc mở khoa thi hội và thân đứng làm sách sĩ, lấy được Lê Như Hổ đỗ Tiến sĩ, liền sai sang sứ nhà Minh.

Như Hổ là người làng Tiên Châu, huyện Tiên Lữ (tỉnh Hưng Yên bây giờ), có sức khỏe lại có văn tài, tương truyền ăn khỏe nhất nước Nam. Khoảng 30 tuổi, ông đỗ Tiến sĩ, được sung chức Tả Thị lang và phụng mệnh vua sang sứ nhà Minh, dâng tuế cống. Lúc ấy có một người ở cùng huyện thuộc làng An Chiếu là anh hàng thịt rất có khẩu tài. Như Hổ liền cho theo làm tùy phái.

Sang đến Yên Kinh người Tàu nghe nói Như Hổ có tiếng ăn khỏe, làm một mâm cỗ 18 tầng khoản đãi. Như Hổ bắc thang trèo lên ăn, cứ ăn hết tầng nào lại thu bát đĩa ném xuống rồi lên ăn tầng trên. Khi đến tầng trên cùng Như Hổ thấy có bốn cái đầu người, liền lấy hai chiếc đũa xâu vào hai mắt giơ lên, người ngoài trông thấy đều ngoảnh mặt đi không ai dám nhìn, Như Hổ gọi tùy phái bảo:

– Ta chưa được ăn những vị lạ mấy khi, nay hoàng đế ân ban cho ta chắc là món ngon, nhà ngươi lấy giấm đem đây cho ta!

Những đầu ấy không phải là đầu người ta, chính là đầu cá "Nhân ngư", trông chẳng khác chi đầu người, người tàu đã đặt những món ấy để thử xem Như Hồ có dám ăn không, chẳng ngờ ông đã biết trước, chấm ngay đầu cá vào giấm mà ăn.

Có lần nhà Tàu lại thử Như Hổ, bưng kín hai mắt lại, sai người dắt đi chỗ khác, hai ba ngày lại đưa về chỗ cũ và hỏi nếu biết được là chỗ nào sẽ tha cho. Như Hồ hiểu nói ngay là chỗ ăn yến hôm trước, người Tàu phải phục là thông tuệ.

Hồi ấy, bên nước Tàu gặp kỳ đại hạn luôn mấy tháng không mưa, Minh đế truyền cho các sứ thần đảo vũ56, Như Hổ biết trước trời chưa thể nào mưa được bèn vào bệ kiến tâu lên:

– An Nam vốn là một nước nhỏ, chúng tôi đâu dám tranh khôn vậy xin nhường sứ thần các nước lớn, nếu không linh ứng tôi sẽ xin hiệu lực sau.

Minh đế liền sai sứ thần các nước khác cắt phiên nhau làm lễ đảo vũ. Không thấy linh ứng, lúc ấy vua Minh mới triệu đến sứ giả An Nam, Như Hổ lại tâu:

– Hạ thần có một người tùy phái học được dị pháp của Gia Cát Vũ hầu, hô phong hoán vũ, linh tiệp như thần, xin bệ hạ cho vời người ấy.

Minh đế liền truyền cho người tùy phái của sứ giả nước Nam được vào bệ kiến. Người tùy phái đó tâu với Minh đế xin chọn ngày làm phép, rồi đi xem các rễ si và cỏ gà, thấy đều đốm trắng, biết đã sắp tới kỳ mưa, liền trở về tâu lập đàn đảo vũ. Cầu đảo xong quả nhiên trời mưa như trút nước. Vua Tàu và các quan đều mừng rỡ và bảo nhau:

"Đầy tớ còn giỏi thế chắc thầy còn giỏi hơn nhiều!"

Từ đấy thầy trò Như Hổ được biệt đãi hơn cả sứ thần các nước khác. Minh đế muốn lưu Như Hổ lại dạy Hoàng tử. Ý ông không muốn ở, song không dám từ chối, nên mới tâu xin cho dựng một cái lầu và sắm đủ các thức giáo cụ, hễ hoàng tử có lỗi một chút là trừng trị ngay một cách thực nghiêm khắc, hoàng hậu có tính thương con liền tâu vua cho sứ nước Nam về.

Sau khi Như Hổ về nước rồi, vì có công nên ông được thăng chức Thượng thư và được phong làm Xuân Giang hầu.

Hồi Mạc Đăng Dung được thăng chức Đô thống sứ, hàm quan nhị phẩm Minh triều, Minh Gia Tĩnh (Thế Tông 1522-1567) lại đổi 13 trấn nước ta làm 13 Tuyên phủ ty; Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc, Minh Thuận (Tuyên Quang), Hưng Hóa, Sơn Tây, An Bang, Hải Dương, Trung đô phủ (Hà Nội), Sơn Nam, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Quảng Nam.

Khi Mạc Đăng Dung mất, Mạc Phúc Hải lên tập chức Đô thống sứ, Mạc Phúc Hải sai Mạc Kính Điển đem phương vật sang cống nhà Minh.

Một lư hương bằng vàng và 4 chiếc bình hoa nặng 1049 lạng, một lư hương bằng bạc hai chiếc bình hoa nặng 150 lạng, 12 cái mâm bằng bạc nặng 641 lạng một con rùa bằng vàng nặng 90 lạng[57], một con hạc bằng bạc và một chiếc đai[58] cũng bằng bạc nặng 51 lạng, 60 cân trầm hương, 18 cân hồi hương, 30 bó giáng chân hương, 20 cặp sừng tê giác, 30 cặp ngà voi.

Năm Nhâm Thìn (1592) Trịnh Tùng phục hưng được nhà Lê thì con cháu nhà Mạc chạy sang Tàu kêu với Minh đế rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi chứ không phải là con cháu nhà Lê trung hưng lên được. Minh Thần Tông (1573-1620) sai Vương Kiến Lập sang cửa Nam quan khám xét.

Mạc Kính Cung chạy sang kêu với nhà Minh, trước còn trú ở đất Long Châu sau lại đem quân về đánh Cao Bằng, Lạng Sơn. Trịnh Tùng đem quân lên đánh nhưng Mạc Kính Cung được Minh đế che

chở, đưa thư sang bắt nhà Lê phải để đất Cao Bằng cho con họ Mạc ở.

***

Trịnh Tùng đã thu phục được Thăng Long rồi. Nhà Mạc chạy biệt sang tàu cầu cứu Minh đế.

Tháng ba năm Bính Thân (1596), Lê Thế Tông (1573-1599) sai Hộ bộ Thượng thư Đỗ Uông và Đô ngự sử Nguyễn Văn Giai lên Nam quan tiếp đón sứ Tàu.

Sau đó nhà vua lại ủy hai vị hoàng thân là Lê Cánh, Lê Lựu cùng Công bộ Thị lang Phùng Khắc Khoan đem 10 kỳ mục, 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, cái ấn An Nam Đô thống sứ của nhà Mạc và cái ấn An Nam quốc vương của nhà Lê ngày trước, đưa lên Nam quan để sứ Tàu Vương Kiến Lập khám xét. Tuy thế, quan Tàu lại đòi Lê Thái Tông phải thân đến hội kiến ở Nam quan.

Trịnh Tùng sai bọn Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu đem một vạn quân đi hộ giá, đưa vua sang phó hội. Song đến nơi, quan Minh lại đòi phải cống người vàng như đời Lê Thái Tổ và không chịu đến hội. Vua chờ lâu không xong việc lại phải trở về. Tháng tư năm sau (1597), sứ nhà Minh lại mời Lê Thế Tông lên hội ởNam quan, triều đình sai Thái úy Hoàng Đình Ái đem 5 vạn quân hộ giá.

Năm Đinh Dậu (1597) khi xa giá Lê Thế Tông ở Nam quan về đến Thăng Long, Bình An vương Trịnh Tùng (1570-1623)59 sai Phùng Khắc Khoan sung chức Chánh sứ Nguyễn Nhân Thiệm60 làm Phó sứ đem cống phẩm sang Yên Kinh, cống hiến nhà Minh và xin thụ phong.

Phùng Khắc Khoan đi sứ không làm nhục mệnh vua và lại đem được sở học của mình ra giúp ích cho dân trong nước. Khoan đỗ thủ khoa đời Lê Trung Tông và Bảng nhỡn niên hiệu Quang Hưng thứ hai (1580) đời Lê Thế Tông. Lĩnh trọng trách trong tình thế khó khăn vì bấy giờ nhà Minh còn ngả về họ Mạc, Phùng Khắc Khoan đã tỏ ra là một sứ giả cứng cỏi và biện thuyết giỏi nhất. Khoan đến Yên Kinh vừa ngày gặp tết nguyên đán, đình thần và sứ giả ngoại quốc mỗi người đều phải dâng một bài thơ chúc mừng Minh đế.

Riêng Phùng Khắc Khoan một lúc dâng 36 bài thơ, bài nào cũng hay, Minh Thần Tông cực lực khen ngợi và phê vào tập thơ: “Hà địa tất sinh tài” (đất nào chẳng có người tài) rồi đặc cách tặng

Phùng Khắc Khoan làmTrạng nguyên (ở nước nhà, Khắc Khoan chỉ đỗ Nhị giáp Tiến sĩ).

Phùng Khắc Khoan lại còn biện bác để tránh cho Nam triều khỏi phải đúc người vàng cống hiến như về đời Mạc. Lúc rảnh, Khoan lại họa thơ đối đáp với Lý Toại Phong, sứ thần Cao Ly, khiến Lý rất bái phục. Tuy nhận cống phẩm của triều Lê nhưng Minh Thần Tông vẫn thiên về họ Mạc và chỉ phong cho Lê Thế Tông làm An Nam Đô thống sứ hàm quan nhị phẩm Minh triều. Minh đế lại ban cho Chánh sứ Phùng Khắc Khoan một đồng kim tiền, Phó sứ Nguyễn Nhân Thiệm một đồng ngân tiền, niên hiệu của Thần Tông là Vạn Lịch, nên trong hai đồng tiền ấy đều khắc bốn chữ "Vạn Lịch thông bảo". Thấy Minh đế chỉ ban cho vua nước mình một chức nhỏ, Phùng Khắc Khoan dâng sớ tâu:

"Đô thống sứ là tước cũ của họ Mạc, vua nước Việt Nam của chúng tôi hiện thời là dòng dõi chính thống, con cháu nhà Lê. Thiên triều phong cho chức ấy thật không xứng đáng. Chúng tôi không dám nhận sắcmệnh. Xin hoàng đế xét cho."

Minh Thần Tông trả lời:

– Vẫn biết họ Lê không thể ví như họ Mạc được, nhưng buổi đầu hãy tạm giữ chức ấy, sau này hãy ban cho chức vương tướng cũng không muộn.

Phùng Khắc Khoan hậm hực lui ra, trong lòng tức giận lắm. Trở về nơi quán dịch, Khắc Khoan tháo đồng kim tiền ra ném xuống đất nói:

– Vua Tàu khinh vua nước mình thế, ta còn giữ vật này làm gì cho thêm nhục!

– Phó sứ Nguyễn Nhân Thiệm cúi xuống nhặt đồng tiền trao lại cho bạn và nói:

Vẫn biết Minh đế xử với vua nước mình tệ thật, song mạnh được yếu thua, đó là lẽ thường. Ta không ưng thuận cũng chẳng xong, nào mà tránh sao cho khỏi nạn binh hỏa, ở đây nhà xa, cảnh lạ, xung quanh tai vách mạch rừng, ta hãy nên cố nhẫn nhục. Ví có ai biết chuyện mình ném tiền Minh đế đã ban cho mà tâu lên, tôi e rằng hai ta khó lòng mà về nước được. Vậy, nếu ông đeo chiếc kim tiền là nhục thì cho quách tôi, tôi sẽ để cả hai đồng vàng, bạc chung vào một hộp, giữ làm kỉ niệm về việc hai ta sang sứ Tàu.

Phùng Khắc Khoan nói gắt:

– Thì đây, tôi cho ông đó. Xin thêm tước cho vua mà không được thì mình còn ham lĩnh thưởng mà làm gì? Cả đến chức An Nam Đô thống sứ tôi còn chẳng coi vào đâu nữa là đồng tiền vàng một lạng. Ông lấy thì nên giữ mà chơi, về nước nhà thì đừng có đeo mà thêm nhục.

Chuyện này rồi cũng bay đến tai các quan Tàu, muốn làm nhục Khoan, họ vin vào chuyện Mã Viện sang đánh ta, dựng cột đồng trụ khắc mấy chữ "Đồng trụ chiết, Giao chỉ tuyệt" mà ra một vế đối ngụ ý khinh bỉ nước Nam:

Đồng trụ chí kim đài vị lục

(Cột đồng đến nay rêu chưa xanh)

Phùng chẳng nể nang gì, liền đem ngay những việc Ngô Vương Quyền đuổi Hoằng Tháo và Trần Hưng Đạo đánh quân Nguyên tại sông Bạch Đằng mà đối lại:

Đằng giang tự cổ huyết do hồng

(Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ)

Thấy đấu trí không ăn thua, họ tìm cách ngăn cản không cho Phùng đem sách Tàu về nước. Tuy vậy, họ không sao ngăn được cái trí nhớ quá sáng láng của ông. Ngoài ra, ông còn học được những bí mật nghề dệt tơ lụa về truyền cho đồng bào trong nước. Cây ngô và cây vừng cũng do Khắc Khoan mang hạt giống từ bên Tàu về, do đấy gây được cho nước một nguồn lợi lớn.

Chuyến đi sứ này của Phùng Khắc Khoan không có kết quả mỹ mãn song từ đó nhà Minh và nhà Lê, lại thông sứ với nhau như trước.

Cách đó ít lâu, Minh đế lại khôi phục tước cũ cho họ Lê. Đến đời Lê Chân Tông (1643-1649), Minh Quế Vương thất thế, phải thiên đô đến đất Triệu Khánh (thuộc Quảng Đông)61 có ý muốn nhờ An Nam cứu viện, cho nên sai sứ sang phong cho vua Chân Tông làm An Nam quốc vương và cho Trịnh Tráng62 làm phó vương.

Năm Quý Mão (1663) nhà Minh mất ngôi, nhà Thanh (1664-1911) dấy nghiệp ở nước tàu và cho sứ sang dụ An Nam sang triều cống. Tây vương Trịnh Tạc (1657-1682) mới cho sứ đem đồ cống lễ sang Yên Kinh (Bắc Kinh) để cầu phong cho vua Lê.

Đến năm Đinh Mùi (1667), vua Khang Hi nhà Thanh sai sứ sang phong cho Lê Huyền Tông (1663-1671) làm An Nam quốc vương. Từ đó đến đời Lê Mẫn Đế (1786-1788)63, các vị vua vừa kế vị Lê Huyền Tông đều được Thanh triều phong làm An Nam quốc vương.

Trong thời Lê trung hưng, Lê Thế Tông vin vào cớ đường sá xa xôi, hiểm trở xin Trung Hoa cho nước An Nam sáu năm một lần cống hiến. Cống phẩm sẽ nhiều gấp đôi, Minh Thần Tông ưng thuận. Năm Đinh Mùi (1667), Tuế cống sứ Nguyễn Nhuận hết sức biện bác tâu xin vua Khang Hi (1662-1722)64 vui lòng bỏ bớt đi nhiều sự yêu sách về việc cống hiến. Nhưng mấy năm sau vì tình hình chánh trị thay đổi, Thanh triều lại buộc nước ta cứ bốn năm cống hiến một lần. Trong thời kỳ ấy, cống phẩm được ấn định như sau này:

600 cây trầm hương, 1.200 cây phấn y hương, 4 ngà voi, 4 sừng tê giác, 600 tấm lụa, 500 tấm vải chúc bâu65, v.v...

***

Ở nước ta, trong thời Nam triều và Bắc triều phân tranh với nhau, lấy sông Linh Giang làm giới hạn thì ở ấp Tây Sơn nổi lên anh em Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải đất Quy Nhơn.

Năm Mậu Thân (1788) quân nhà Thanh muốn tiến sang cứu nhà Lê, chiếm giữ thành Thăng Long, có ý muốn lấy đất An Nam. Binh mã bốn tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Quảng Đông, Quảng Tây, tất cả gồm 20 vạn quân rầm rầm rộ rộ, chia ba đường đồng thời tiến vào nước ta.

Bắc Bình vương được tin nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng Long, lập tức hội các tướng sĩ để bàn việc đem binh ra đánh. Ngày 25 tháng một năm Mậu Thân66, Bắc Bình vương sai đắp đàn ở núi Bàn Sơn làm lễ lên ngôi hoàng đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh quân Thanh. Hai mươi vạn quân Thanh do Tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị điều khiển bị tan vỡ. Nửa đêm hôm mùng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1780), Sĩ Nghị hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy lính kỵ chạy qua sông Bắc và một mạch về Tàu.

Sau khi quân Thanh đại bại, Càn Long67 nghiến răng căm hận, đòi Tôn Sĩ Nghị về kinh hậu cứu và cử Phúc Khang An làm Tổng đốc Lưỡng Quảng định đem 50 vạn quân sang trả thù. Phúc Khang An có ý sợ cái uy vũ của vua Quang Trung và khí diệm của

quân ta, nên không ngần ngại bỏ chiến mà chủ hòa.

Riêng vua Quang Trung cũng định tạm gác binh đao và muốn giải quyết việc giao thiệp với nhà Thanh bằng cách hòa bình. Sau đó, nhà vua lại nhận được mật thư của Tả giang Binh bị đạo Thang Hùng Nghiệp gửi cho, gợi ý bảo vua Quang Trung nên nhân dịp này, vận động lên thế vị họ Lê. Nghiệp sẽ đứng trong ngầm giúp cho chóng nên việc. Nhận được thư của Nghiệp, vua Quang Trung biết người Thanh ra mặt chủ hòa, vì thế nhà vua lại càng coi khinh Thiên triều. Chứng là tờ biểu của ngài gửi cho vua Thanh Càn Long do phó Đô đốc Hô Hổ hầu thân đem sang Thanh:

.... Tôi là Nguyễn Quang Bình, ở khuất nẻo bên An Nam, bấy lâu vẫn được tắm gội trong thánh giáo.

Nguyên từ hai trăm năm tới nay, quốc vương họ Lê tôi mất quyền, việc nước do bầy tôi là họ Trịnh cầm nắm. Kịp đến Tiên vương Lê Duy Chuyên (tức vua Hiển Tông nhà Lê) tuổi già, tiền Phụ chính Trịnh Đống68mờ tối, biếng nhác; binh kiêu, dân oán, trong nước ra rời!

Tôi vốn là kẻ mặc áo vải ở Tây Sơn, nhân thời thế, nổi lên làm việc, mùa hạ năm nay Bính Ngọ (1786), cất quân ra diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê.

Năm ấy, tiền Lê vương tạ thế69 tôi lại phò lập Tự tôn là Duy Kỳ (Chiêu Thống) lên nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm bạo, không lo chính sự nước nhà, trong thì kỷ cương rối bét ở triều đình, ngoài thì gây hiềm khích với biên giới. Lại còn hãm hại kẻ trung lương, giết chết người đồng tông là khác nữa! Thần dân trong nước chạy đến kể lể với tôi, nài xin đem binh ra trừ kẻ loạn.

Tôi nghĩ: nước này là nước được Thiên triều phong cho, tôi đâu dám tự tiện làm việc phế truất?

Mùa đông năm Đinh Mùi (1787), tôi sai một viên tiểu tướng đem quân ra hỏi tội nhưng kẻ ở bên tả hữu giúp Kiệt làm xằng thì Duy Kỳ lại sợ bóng sợ gió, đương đêm chạy trốn, tự chác70 lấy cái lo vào mình!

Mùa hạ năm Mậu Thân (1788), tôi tiến đến đô thành nhà Lê lại giao cho Duy Cẩn, con tiền Lê vương giữ lấy nước, coi việc thờ tự. Tôi từng sai sứ giả sang gõ cửa ải, hòng đem hết nội tình trong nước mà trình bày.

Nhưng mẹ Duy Kỳ đã trước sang Đầu Sơ ải (có sách viết là Khả Lưu ải) kể lể xót xa với Tôn Sĩ Nghị, Tổng đốc Lưỡng Quảng rồi lăng lưng

cầu cứu.

Sĩ Nghị là kẻ đại thần ở biên cương, đáng lẽ phải xét kỹ căn do, dò tìm cái cớ tại sao Duy Kỳ lại trốn bỏ nước và tại sao tôi phải vào nước, rồi tâu cùng Đại hoàng đế, đợi ngài phân xử để dẹp mối loạn.

Trái lại, vì ham tài sắc, vì nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu Thống), Nghị xé biểu chương của tôi ném xuống đất, làm nhục sứ giả, xua đuổi về. Ý hẳn muốn khua dân dấy binh, tâng công gây chuyện!

Mùa đông năm ngoái (Mậu Thân 1788), Nghị điều bát, huy động nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước đổ tội cho tôi! Hắn trực đánh rốc đến Quảng Nam, đào cây đánh rễ, để trừ mối lo sau cho Duy Kỳ.

Tôi ở hẻo lánh tận tít chân trời, đường sá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hẳn do ý Đại hoàng đế sai làm hay do Tôn Sĩ Nghị vì một người đàn bà (mẹ vua Chiêu Thống) xui khiến, rồi mong kiêu hãnh lập công ở biên giới để hòng kiếm lợi lớn?

Hay tin có binh mã Thượng quốc ra khỏi cửa ải, tôi nghĩ: tấc lòng "sợ mạng trời, phục nước lớn" của mình bấy nay đã bị kẻ khổn thần ngăn trở, mà cái cớ Duy Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấp không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh bùng ra thì tai vạ không phải là ít!

Ngô Hồng Chấn[71]*, viên tiểu tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê Thành. Tôi sai nhóm hỏi ý kiến họ hàng Lê vương, văn võ thần liêu và kỳ lão cùng hào mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi.*

.... Bản thân tôi không phải tham đất đai và nhân nhân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

Vì thế tôi phải sai viên gia tướng là Trần Danh Bính cùng tám người sứ thần đem ba đạo bẩm văn của Duy Cận, con Lê vương và của quần thần cùng dân chúng, đến gõ cửa tướng doanh, khẩn khoản nài xin Tôn Sĩ Nghị hãy cứ đóng quân ở nơi quan ải, tra rõ nội tình trước đây đã.

Cùng một lúc ấy tôi lại sai tha trả bọn tuần dương binh Hách Thiệu Tông[72] bốn mươi người mà Ngô Hồng Chấn (tướng Tây Sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công nhiên chống cự đâu.

Vậy mà Tôn Sĩ Nghị riêng nghe lời ton hót đặt để của mẹ Duy Kỳ, xoay hại Trần Danh Bính, giết bọn tuần dương binh, giam cầm sứ giả, lừa

quân vượt sông Nhị Hà[73] *thẳng tới Lê thành (Thăng Long). Tướng tá của tôi phải rút quân về Nam.*

Tôn Sĩ Nghị được thể tàn sát dữ quá! Hắn lại phi sức[74] *cho các quan nhà Lê lùng những tướng sĩ của tôi ẩn náu ở các thôn trại để bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết ba, bốn chục người! Chứa dồn lại có hơn nghìn mạng.*

Duy Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những chức viên sắc mục đã theo tôi. Rất đỗi và phanh mổ cả những người đàn bà có mang, không để sót giống lại! Cái ngôn thảm độc ấy còn gì quá quắc[75] *hơn nữa!*

Ôi, kể ra nhân dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của triều đình? Đại hoàng đế là bực: "Cửu quá hóa thành", há lại ưa viển vông, tham công lợi, trước gây sự với ngoài biên cương, khiến hàng dân phải sa vào vòng tên đạn?

Thế mà Sĩ Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại đi giết cho kỳ tuyệt vây cánh của tôi nữa! Hắn rao toác lên tờ hịch, cốt dồn người ta vào chỗ chết mới nghe.

Ôi, cứ kể nhân sĩ, giáp binh ở một dải bờ biển này sánh với Trung Quốc, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu trước, cọp dữ ở sau, lòng người sợ chết tất ai cũng phải cố gắng hăng hái.

Tôi không tránh cái tiếng "ném chuột vỡ đồ", bèn đem sắm ba tên trai tráng trong làng trẩy ra.

Mồng năm tháng giêng năm nay Kỷ Dậu (1789), tôi tiến đến Lê thành, những mong Tôn Sĩ Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem lụa ngọc thay đồ can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo? Tôi nhũn nhặn xin yết kiến nhưng Nghị không hề trả lời.

Qua bữa sau quân Nghị xông vào đánh trước; vừa mới giao phong đã đổ vỡ, chạy tan bốn ngả, vồ đè lẫn nhau mà chết. Thây xác đầy nội nghẽn sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn trong ngoài thành thì bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn ở quanh thành, hắn không biết ngăn cấm quân gia để chúng hiếp gái, cướp của, làm cho nhân dân căm giận đến tận xương tủy!

Ngay bữa vào thành, tôi lập tức ngăn cấm trong xứ: hễ thấy bại binh chạy trốn, nhân dân không được phép giết. Bọn tàn binh ấy được đưa đến đô thành, còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương thực trong kho mà ban phát cho.

Trộm nghĩ: Binh đao vẫn là việc bất đắc dĩ của thánh nhân. Đại hoàng đế thâm nghiêm ngự nơi cửu trùng. Những chuyện cương trường[76] *Tôn Sĩ Nghị không hề tâu rõ từng việc một! Hắn che lấp tai mắt nhà vua đến nỗi làm cho sự thể rối ren đến thế.*

Châu chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa cách muôn dặm, hễ tôi nhúc nhích làm gì đều bị kẻ khổn thần hiếp đáp. Không sao nhịn nổi, nên hình tích mới dường như chống cự.

Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh, Lê, Lý, Trần trở đi, thế đại đổi thay chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam thì Thiên triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo trời, cốt giữ lòng rất công bình, rất nhân từ, mà vun xới cho cái cây đã mọc, mặc dầu có những chuyện như bọn Ô Mã Nhi và Hoàng Ngũ Phúc đã làm bất lợi cho nước nhỏ này!

Nay lòng trời đã chán nhà Lê, con cháu họ Lê đốn kém, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

Tôn Sĩ Nghị, vì cớ nông nổi, không thấu suốt sự tình và lý do, nên mới chực vừa giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy? Hắn gây mối binh tranh khiến cho bọn sinh linh phải cay đắng khốn khổ! Hắn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng!

Tôi đóng quân ở thành Long Biên (Thăng Long), nghển cổ ngóng trông về trời... Gọi có tờ biểu tạ tội và trần tình này nhờ quan Quảng Tây, phân trần Tả giang Binh bị đạo (chỉ Thang Hùng Nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

Nép nghĩ Đại hoàng đế là bậc theo ý trời, ban trị hóa, làm cho cành khô lại xanh tươi, cây kiệt lại nẩy nở. Xin ngài lựa theo tự nhiên, thứ cho cái tội đón đánh Sĩ Nghị và xét cho tấc thành mấy phen đã gõ cửa ải, dâng lời tâu bày. Xin Ngài lập kẻ tù mục để chăn dân, dùng nước phên dậu để vững thế, ban ơn mệnh trời cho tôi làm An Nam quốc vương, dùng làm phiên bình một phương, kính giữ cái chức phiên mục, khiến cho bản quốc có người cầm đầu cai quản.

Tôi xin kính cẩn sai sứ sang cửa cung khuyết, xứng phiên, sửa lễ cống. Lại sẽ xin đem số người (tù binh) hiện còn của nhà vua mà dâng nộp để tỏ tấc dạ rất thật này.

Chính Ngô Thì Nhậm đã đóng vai sứ thần sang Thanh vận động Phúc Khang An để nối lại tình thân thiện với nước lớn. Các thần Hòa Thân lại vận động ở bên trong. Vì vậy, chẳng bao lâu vua Thanh cũng phải vuốt bụng làm lành, nhưng không quên rửa mặt

bằng mấy điều kiện này:

1) Để đền bù cái chết của Đề trấn Hứa Thế Hanh, Tây Sơn phải lập cho cái đền thờ tại nước Nam mà xuân thu tri tế viên tướng tử trận ấy.

2) Sang năm, nhân dịp bát tuần khánh thọ của vua Càn Long, quốc vương nước Nam phải thân sang triều cận.

Ngày 26 tháng bảy năm Kỷ Dậu (1789), vua Thanh Càn Long xuống chỉ dụ phong cho vua Quang Trung làm An Nam quốc vương và lại giáng chỉ vời sang chầu.

Vua Quang Trung bèn chọn một người hình dung giống mình, tên là Phạm Công Trị, giả làm quốc vương rồi sai bọn Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân77, Phan Huy Ích, Võ Huy Tấn đưa sang Yên Kinh, vào chầu vua Càn Long. Ngoài những phẩm vật đem cống, vua Quang Trung lại đem cống thêm đôi tượng đực78, làm cho các cung trạm ở dọc đường bên Tàu phải phục dịch đưa đón thật là vất vả. Tổng đốc Lưỡng Quảng là Phúc Khang An và Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh phải đưa quốc vương An Nam vào kinh.

Sang đến Yên Kinh, vua Càn Long nhà Thanh tưởng là Nguyễn Quang Trung thật, vời đến chầu ở Nhiệt Hà cho vào làm lễ ôm gối, như là tình cha con một nhà, và cho ăn yến với các thân vương. Đến lúc về nước, vua lại sai thợ vẽ làm một bức ảnh truyền thần để ban cho, ân lễ thật là hậu.

Khác hẳn các triều trước, đối với Mãn Thanh, không những vua Quang Trung đã chiến thắng về quân sự mà lại còn chiến thắng cả về ngoại giao. Khi Phúc Khang An lên tiếng yêu sách về việc bắt cống người vàng, ngài đã đưa thư phản kháng như sau:

... Xưa, các đời Trần, Mạc vì có tội với Trung Quốc, phải dâng người vàng để thế hình.

Quốc trưởng nước tôi từ bước là một người áo vải, nhân thời thế, vùng lên làm việc, đối với Lê vương không có cái vai lứa ai là vua, ai là tôi chi cả. Còn hay mất, là ở số trời; theo hay là bỏ, là ở lòng người. Quốc trưởng nước tôi, có ý lấy nước của Lê đâu mà sánh với kẻ giành cướp được?

Vả trước đây, Tổng đốc họ Tôn (Sĩ Nghị) đem binh lính đến. Quốc trưởng nước tôi, bất đắc dĩ phải ứng phó lại, chứ không hề xâm phạm bờ cõi để có tội với Thượng quốc.

Nay thấy ngài Phúc Khang An theo lệ Trần, Lê, Mạc cũ mà bắt cống người vàng, thế thì quốc trưởng nước tôi được nước một cách quang minh chính đại, hóa ra lại phải liệt vào hàng tiếm ngụy như nhà Mạc, mà chút lòng cung thuận ra từ tấc thành sợ Trời, thờ nước lại phải chịu chung một luật như nhà Trần bắt Ô Mã Nhi, nhà Lê giết Liễu Thăng ư?

Thế thì kể về tình, quốc trưởng nước tôi có điều bị ức, không thể không trông ở ngoài cân nhắc cho vậy.

Xưa kia, chư hầu triều kiến thiên tử, hoặc trực ở phương nhạc, hoặc chầu ở kinh sư. Ai đi được thì tự mình đến, ai không đi được thì sai con em vào hầu, chỉ cốt dâng ngọc thảm, tỏ đồ tin, để cho cái tình trên dưới được thông suốt.

Đến như bắt lấy người vàng thế hình vào chầu thì suốt từ Đường, Ngu, Tam đại (Hạ, Thương, Chu) đến Hán, Đường và Tống đều chưa làm thế bao giờ.

Ngài đã rao truyền tiếng tăm giáo hóa ở Thượng quốc, cũng nên đem phép hay, ý tốt của triều đại thịnh trị đời xưa mà sai bảo mọi nước dưới, chứ bắt chước làm gì việc làm của Nguyên Minh không học theo cổ ấy?

Mong ngài soi xét, miễn cho sự đúc dâng người vàng...

Bức thư phản kháng ấy rất có công hiệu, vua Thanh phải nhượng bỏ lệ cống ấy.

Từ hồi cuối Lê, sáu châu thuộc Hưng Hóa và ba động thuộc Tuyên Quang đều bị nhà Thanh sáp nhập bản đồ Lưỡng Quảng. Vua Quang Trung không muốn nước ta mất một tấc đất nào, mạnh bạo đưa tờ biểu nhờ đạt lên vua Thanh yêu cầu chia lại cõi bờ cho minh bạch. Nguyên văn tờ biểu đòi đất ấy như sau:

Thần được nhờ ơn trời, cho ở cõi Nam, vâng lời ngự thi dạy đạo gìn giữ bờ cõi, đời truyền con cháu, thần vẫn sớm tối kính sợ, theo để giữ nước.

Nay nghĩ: thần từ kẻ áo vải dấy lên, may có đất nước. Một thước đất, một người dân, đều là ơn của Đại hoàng đế ban cho cả, há dám phân biệt bờ này cõi khác, làm nhàm đến bậc chí tôn? Chỉ vì phần đất cõi Nam, lạm đứng làm phên giậu, bốn bề giáp ranh những đâu đã có sách báu chép rõ.

Một giải biên thùy nước thần, mặt Tây Bắc tiếp giáp ba phủ Lâm

An, Quảng Nam, Khai Hóa bên Thượng quốc. Trước kia, từ Mạc Kính Khoan đem ba động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên phụ vào Thượng quốc đã kính được đức Thanh tổ Nhân hoàng đế ban tên tù họ Mạc cho nhà Lê và trả lại đất ấy rồi. Đó là việc năm Khang Hi thứ hai mươi tám (1689). Về sau, thổ mục là Vi Phúc Lâm lại đem đất ấy mà phụ vào Thượng quốc. Việc xảy ra đã lâu, tôi cứ lấy sông Đổ Chúc bên nước thần làm giới hạn. Ở chỗ đất Hưng Hóa và Tuyên Quang, trước kia do viên Tổng đốc Vân, Quý, Ngạc Nhĩ Thái vâng chỉ dụ, đứng dựng mốc; từ sông Đổ Chúc trở về phía Tây cho đến bảy châu Trung Lang, Lễ Toàn, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì, Lai Châu, Khiêm Châu nước Xa Lý (?) đều thuộc về đất Hưng Hóa của nước thần.

Đến năm Canh Thân, nhà Lê trước, Hoàng Công Thư, cha của tên nghịch thần Hoàng Công Toản dấy binh, giữ đất đến ba mươi năm! Nhà Lê nhù nhờ không trang trải xong. Dân bảy châu ấy, vì thấy địa thế xa xôi, nước thần không thống chế được, bèn dần dà phụ vào Thượng quốc.

Từ đó trở đi, các quan chức nơi biên giới của Thượng quốc bắt ép nhân dân vùng biên viễn đổi lối ăn mặc, đeo thẻ, chịu sưu thuế. Thần từ ngày chịu mệnh mở nước đến nay, ràng rịt tổ ở, còn bận nhiều về việc nội trị nên tình hình ngoài biên giới hãy còn nấn ná chưa kịp khuôn xếp.

Hiện nay viên trấn mục của bản quốc báo cáo rằng: thổ dân bảy châu ấy, từng chịu Thượng quốc đánh thuế và cai quản đã lâu, nên bản quốc hễ ra lệnh đánh thuế hoặc điền bắt binh lính thì nhất nhất lại bị chống mệnh ngăn trở. Còn cớ đầu đuôi chỉ vì nhà Lê trước không biết kính giữ lấy đất, lâu dần thành quen, nên mới đến thế!

Kính nghĩ: Đại hoàng đế bệ hạ, lượng thánh hiền từ rộng rãi, vỗ yên khuyên bảo mọi bang. Năm ngoái, tên Hợp Lăng rợ Bắc phiên theo Thổ Nhĩ Hỗ Đặc đầu hàng cung thuận, liền được thưởng cấp cho đất du mục, huống chi đối với chỗ biên ngung nhỏ xíu ấy, há lại vào chức phương! Đó chắc là bởi kẻ quan lại ở biên cương không chịu tâu trình việc này lên nhà vua, dân vùng ấy lấy sự được nấn ná quả quít làm tiện việc và quan viên sở tại đứng bên trong xúi giục bắt ép.

*Thần không dám bỏ một phần đất làm đất hoang, nên không thể không đem tình do*79 *và khúc nội*80 *màgiãi bày ở dưới ánh sáng.*

Vậy xin đánh liều, mạo muội làm biểu, nhờ quan Tổng đốc Lưỡng

Quảng Phúc Khang An tâu lên cho.

Thần kính sai các viên chức chuyên trách cho đợi ở cửa Nam quan, lại sai văn võ viên mục đến tận cõi Hưng Hóa lần lượt tra xét cho rõ ràng, ổn thỏa, để đất bảy châu ấy lại được ban về thuộc trong bản đồ bản quốc.

Thần ngước nhờ oai linh ân sủng của Bệ hạ, kính xin gìn giữ lấy đất đai. Xa trông cửa khuyết, vâng theo lời dạy của đấng thánh, khôn siết sợ hãi ngóng trông...

Sau thấy nhà Thanh làm lơ không chịu trang trải việc đất đai ấy, vờ lấy cớ rằng bấy lâu bờ cõi đã định, không thể thay đổi được nữa. Vua Quang Trung bất bình lắm, liền dung nạp một viên tướng Tàu bị quan Thanh đánh đuổi chạy sang ta, cho làm chức tổng binh, sai sang quấy nhiễu ở mặt bể nước Tàu. Có người thuộc đảng Thiên Địa hội làm giặc ở Tứ Xuyên, mưu lật đổ Thanh triều, vua cũng thu dùng cho làm tướng.

Năm Nhâm Tý (1792), niên hiệu Quang Trung thứ năm, nhà vua sắp đặt kế hoạch Bắc phạt. Muốn dò ý vua Càn Long và dò thăm nội lực nhà Thanh hư thực ra sao. Vua Quang Trung liền sai sứ sang Tàu dâng biểu cầu hôn công chúa Mãn Thanh và xin trả lại cho An Nam đất Lưỡng Quảng. Tờ biểu cầu hôn ấy như sau:

Thần vốn là một kẻ áo vải, được nhờ ơn cả, lại giữ cõi Nam. Từ khi vào triều cận nơi cung khuyết, đã được đặc cách làm lễ bảo kiến vấn an lại được ban thưởng trọng hậu, ơn lạ dồi dào. Phàm những sự mà cõi Giao Nam từ xưa chưa ai từng được, đều nhất nhất ban cho thần cả.

Kịp khi thần khâm mạng về nước, lại được rủ ơn đoái thương, luôn ban thánh chỉ. Cái ơn lồng lộng của nhà vua thật không sao kể ra, tả ra cho xiết! Thần là kẻ hèn mọn ở nơi hẻo lánh, chẳng ngờ lại được hưởng ơn đến thế! Tấc lòng canh cánh mong báo đáp bậc tôn thần, song vẫn chưa bởi đâu mà đền bồi được!

Chỉ mong được thường gõ cửa trời, gần nhìn bóng nhật, nhưng đất ở xa, thế cách trở, sức làm không được như ý muốn: – hễ qua khỏi cửa Nam quan thì lại thành xa và sợ ngay!

Thân vẫn mơ tưởng nhạc Quân thiều, ngóng trông Vân hán, hằng e mình rồi cũng đến như hạng tầm thường, phải liệt tràn ở ngoài vòng thanh giáo, làm cô phụ cái ơn sinh nuôi tất cả của thánh tử!

Trộm nghĩ: Thánh nhân tỏ lòng giúp đỡ chư hầu, liên lạc chỗ sơ

cho thành thân mật, phàm việc cư xử theo đạo xưa.

Nước thần, ban đầu vua Kinh Dương chịu mệnh nơi Viêm Đế, bà Âu Cơ kết duyên với vua Lạc Long, tổ nước Văn Lang mở cõi giao chỉ, trăm trai nối dõi, đời làm phên giậu phía Nam, may nhờ phúc ở Trung Hoa, được nổi danh là nước văn hiến. Thế đại dầu xa, sử sách còn đủ khảo xét.

Từ khi nhà Tống dấy lên, ràng buộc nước thần, ruồng ra ngoài vòng đức hóa, không liệt vào hàng Minh Đường, chỉ để cũng như hàng Bành Bệc. Nhà Thanh ta được trời quyến cố, rộng có muôn phương, chỗ nào có bóng mặt trời soi đến đều coi nhân dân là chung một bọc mà ra, lấy hoàn doanh làm gia đình mà không gảy ai ra ngoài cả.

Kính nghĩ: Đại hoàng đế bệ hạ, đức ngang với trời đất, đạo cao hơn vua Hiên Viên, vua Ngu Thuấn, vỗ về cho các chư hầu mến phục, dịu dàng cho người xa hướng về. Không choèn theo cái lối thường của các triều đại gần đấy.

Thần lạm được thánh thượng coi như con ruột, liệt vào hàng các thân vương. Phận này dầu tận nơi xa khuất, nhưng tình ấy vẫn được kể như đẻ nuôi.

Thiết nghĩ: muôn vật không giấu hình với trời đất, con cái không giấu tình với cha mẹ, thì câu chuyện tâm sự về gia đình dám chẳng giãi tỏ ở trước bậc chí tôn? Mới đây nhà thần gặp vận rủi ro, thiếu người giữ việc dâng cơm canh thờ cúng: trên nên gây dựng phong hóa đang thiếu người đỡ đầu. Vậy muốn núp ở dưới bóng cây ngọc hòng bám vững vào gốc dâu.

Ngước thấy thánh triều phát tích tự Trường Bạch, đầy rẫy phúc lành, con cháu hàng nghìn hàng ức, nối dõi phồn thịnh. Bấy nay lề lối nhà vua, vẫn chọn những chỗ quý hiển gần gũi để gả các công chúa, chứ không có lễ gả tràn đến các bầy tôi ở ngoại phiên. Cái phận đã nghiêm chia trong ngoài như thế, thì thật khó bởi đâu mà chòi với được. Chỉ vì một niềm tôn mến, lòng riêng ngóng trông, nên cứ trằn trọc không sao thôi được.

Trộm mong cành ngọc nhà trời lan rộng đến cả kẻ ngoại phiên ở dưới, ngỡ hầu thần được, ngửa đội ơn lành, gần gụi[81] gót lân, đem phong hóa Quan thư ban ra những phúc nguyên cát. Những điều kính nhìn hòa thuận từ nơi gia đình sẽ nêu làm khuôn mẫu cho người trong nước, để họ tập quen cái dư phong của chốn trung hạ, trút bỏ cái thói cũ của nơi bờ biển, khiến thần dân trong nước của

thần, được thỏa sự trông mong ở vòng đức hóa.

Chắt chút dòng dõi nhà thần đời được giữ mãi phiên phong, hưởng sự tốt lành không cùng, đó là điều mong mỏi lớn của thần vậy.

Chỉ vì nay cần ơn ngoài phận, việc xảy khác thường, nên bàn với những kẻ chấp sự, không ai dám vì thần mà chuyển tấu lên! Cửa vua muôn dặm, trông ngóng đăm đăm. Nay bèn đánh bạo không tự suy xét, mạo muội , nhằm tỏ tấc thành, kính sai kẻ bồi thần sang chầu hầu để sau lúc tâu bày rảnh rang sẽ vì thần mà kêu thay kể lể khúc nội cơn cớ.

Nép mong bậc cao sáng rủ thương, xét cho thần lòng thành thiết tha trìu mến, tha cho thấn cái lối rợ mọi cầu liều.

Thần xa ở biển Nam, ngóng trông sao Bắc, xin kính chúc thánh Thiên tử thọ khảo muôn vạn năm, mãi làm cha mẹ muôn nước. Thần bao xiết quá đỗi run sợ trông mong...

Sau khi tờ biểu này dâng lên do Vũ Quốc công Vũ Văn Dũng[82] sung chức chính sự trong cuộc ngoại giao kiêm trinh thám chuyên môn về quân sự, vua Thanh Càn Long đều chuẩn y cả. Tuy vậy, chuyến đi sứ này ngoài việc cầu hôn, sứ giả nước Nam còn phải tâu xin đất đóng đô, lấy cớ là quốc vương ở một nước hẻo lánh, thủy bộ không tiện mà vượng khí trong nội địa thì hết mất rồi. Riêng việc đòi đất Lưỡng Quảng mà Vũ Văn Dũng đã dâng bản tấu chương thứ hai khi vào bệ kiến Thanh đế ở Y Lương các thì vua Thanh chỉ ưng cho một tỉnh Quảng Tây để làm đất đóng đô thôi. Sau đó, vua Thanh lại sai bộ lễ sửa soạn nghi lễ việc cưới gả, định ngày cho công chúa sang Nam đẹp duyên với Quốc vương.

Nhưng sau đó mấy hôm, Vũ Văn Dũng nhận ngay được tin vua Quang Trung mất (Nhâm Tý 1792). Vì vậy mọi việc đều lỡ làng cả và bọn Dũng đành ôm mối hận mà trở về.

MỐI BANG GIAO VIỆT HOA VỀ THỜI ĐẠI CẬN KIM

Năm Nhâm Tuất (1802), vua Gia Long lên ngôi vua sau khi dứt được nhà Nguyễn Tây Sơn và lấy được đất Bắc Hà. Ngài lại đổi tên nước là Việt Nam và sai chức Binh bộ Thượng thư là Lê Quang Định làm Chánh sứ sang Tàu cầu phong.

Theo một sách khác thì sứ bộ này gồm có Thượng thư Trịnh Hoài Đức, sung chức Chánh; Binh bộ Tham tri Ngô Nhân Tĩnh, Hình bộ Tham tri Hoàng Ngọc Uẩn được gửi sang Thanh triều để quốc thụ, phẩm vật và đem nộp cả ấn sách của Trung Hoa phong vương cho vua Tây Sơn.

Năm Giáp Tý (1804), nhà vua được Án sát sứ Quảng Tây là Tề Bố Sâm khâm mạng vua Thanh Nhân Tông (1796-1820) sang phong cho làm Việt Nam quốc vương, lễ thụ phong cử hành rất long trọng ở Bắc thành (Hà Nội).

Sau đây, vua sai Lê Bá Phẩm làm Chánh sứ đem đồ cống sang tạ và từ đó cứ chiếu lệ ba năm một lần sang cống. Đồ cống phẩm là: 200 lạng vàng, 1.000 lạng bạc, lụa và cấp mỗi thứ 100 cây, 2 bộ sừng tê giác, ngà voi và quế mỗi thứ 100 cân

Năm Minh Mệnh thứ hai (1821), Án sát sứ Quảng Tây là Phan Cung Thì sang tuyên phong cho vua ta. Tháng chín năm Tân Tỵ (tháng mười 1821), Nam triều cử hành bang giao lễ. Ngày mồng 6 tháng chín làm lễ tế cáo ở Thái miếu, ngày mồng 7 (2 tháng mười 1821) lễ ở điện Hoàng Nhân (bây giờ là điện Phụng Tiên), ngày mồng 8 (3 tháng mười năm 1821) làm lễ chúc thọ tại điện Tu Thọ.

Ngày 12 tháng chín, vua Minh Mệnh cử một vị tôn thất họp với các quan Khâm sai Chưởng hưu quân83quận công Nguyễn Văn Nhân, Hữu dinh Phó Đô thống chế Tôn Thất Vinh, Hình bộ Thượng thư Lê Bá Phẩm quyền nhiếp việc triều chính. Kế đó, ngày

15 tháng chín (10-10-1821) chọn được giờ Hoàng đạo, nhà vua đã cùng với 1782 quan văn võ và 5.150 lính thị vệ ngự ra Bắc thành đợi sứ giả Trung Hoa đến tuyên phong.

Lúc sứ đoàn đến Bắc thành (Hà Nội) và khi rời Bắc thành về nước, Nam triều đều thết đãi tiệc. Bữa thịnh soạn ấy có một bàn cỗ 50 đĩa đồ ăn thượng hạng; 7 bàn, mỗi bàn có 40 đĩa đồ ăn trung hạng và 25 bàn mỗi bàn 30 đĩa đồ ăn hạ hạng.

Khi sứ đoàn sắp qua cửa Nam quan về nước, các Hậu mạng sứ lại còn phụng mệnh Nam triều tặng tống sứ đoàn vàng bạc và nhiều đồ quý giá khác nữa.

Dưới triều Nguyễn, những cống phẩm của ta để sang Tàu chỉ phải giao cho viên Tổng đốc Lưỡng Quảng để về Yên Kinh, còn sứ Việt Nam chỉ khi nào cần bàn bạc về những việc quân quốc đại sự mới sang kinh đô Tàu. Cứ ba năm, ta lại phải đệ cống phẩm sang Tàu một lần. Vua nào lên ngôi cũng chiếu lệ sai sứ sang Tàu cầu phong. Những đời vua trước về triều Nguyễn đều phải ra Bắc thành tiếp sứ Tàu và thụ phong. Đến đời vua Tự Đức (1847-1883) thì sứ Tàu lại vào tận kinh đô Huế tuyên phong.

Ngày 22 tháng bảy năm Tự Đức thứ 2 (1848), sứ bộ Trung Hoa lĩnh sứ mệnh của vua Thanh gồm có Án sát sứ Quảng Tây Lao Sùng Quang, quán tại Trường Sa, Hồ Nam, làm Chánh sứ. Lê Lương Trạch tước Dung Đạo và Trương Nhữ Dinh, tri phủ xung chức Phó sứ.

Sứ đoàn đến cửa Nam quan, thì các quan chức hạt Lạng Sơn và các Hậu mạng sứ, đã xếp đặt sẵn Longđình, để sắc phong và đồ tặng hảo của Thanh triều ban cho vua ta. Sứ đoàn gồm có trên một nghìn người, trong có chừng bốn, năm trăm tùng viên, thông ngôn, thầy thuốc, thơ lại, đầu bếp và người mang hành lý, rất nhiều voi và ngựa. Đi đến đâu là lính cầm biển, cầm cờ, giáo mác, đánh trống, đánh chiêng. Kế đó là 15 cặp cầm trường kiếm, cán mạ bạc, sau mới tới Long đình.

Quan Chánh sứ ngồi trên kiệu, theo sau có các quan tùy tòng hoặc đi cáng hoặc cưỡi ngựa, sau hết đếnnhững người khiêng hành lý. Cả những lúc qua sông cũng vẫn giữ trật tự như vậy.

Suốt dọc đường sứ bộ đi qua, ở địa đầu các phủ, huyện, tổng, làng, chỗ nào cũng có dán hai chữ "Cung nghênh" viết trên giấy hồng điều. Các cửa hiệu đều bày hương án bái vọng. Trẩy qua miếu mạo nào linh ứng, sứ đoàn cũng ngừng lại để chiêm yết. Khi sứ đoàn

qua các hạt Hải Dương, Bắc Ninh, Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình thì các quan đầu tỉnh dâng lễ mừng và thết tiệc. Sứ bộ đến Hộ xá84 (phía bắc tỉnh Quảng Trị) thì quan Khâm mạng Nam triều đã đem long thuyền trang hoàng rất mỹ quan do 1.400 lính và 1.000 thủy thủ chở, đến nghênh tiếp và mời sứ bộ về bến Hương Giang.

Những chòi trong hoàng thành đều cắm cờ và trên vọng lâu phấp phới là hoàng kỳ. Bộ binh nai nịt gọn gàng cùng 200 lính kỵ mã xếp hàng từ bến đò đến nhà công quán. Rời bến Hương Giang, sứ đoàn tiến đến cửa Đông Nam rồi lưu lại phía tây nam công quán, Long đình để ở gian giữa. Quan phủ Doãn Thừa Thiên, một vị hoàng thân và các vị Hậu tiếp sứ lần lượt đến chúc tụng và đem đồ tặng hảo đến tặng hai viên chánh, phó sứ Thanh triều.

Sáng hôm sau, ba hồi trống vừa dứt, các quan được cử ra để thuộc quyền sai phái của sứ Tàu và các viên Hậu tiếp sứ từ sáng sớm đã mặc triều phục túc trực tại sứ quán. Một đoàn gồm có 100 lính kỵ mã cùng tề tựu tại đó để chờ lệnh. Các hoàng thân văn võ triều thần từ tam phẩm trở lên đều túc trực tại điện, từ tam phẩm trở xuống thì ở bên Kim Thủy. Một vị thân thần và hai quan Khâm mạng đến sứ quán mời Thanh sứ tiến cung.

Ba phát súng thần công lần lượt nổ. Trống rong cờ mở. Các hoàng thân và quan khâm mạng đi đầu. Phường bát âm theo sau, rồi đến Long đình và kiệu Bắc sứ. Đoàn tùng viên theo sau, hoặc cưỡi ngựa hoặc đi cáng. Đến mé đông nam Hoàng thành, cả đoàn đứng lại xuống ngựa, chỉ có viên Chánh sứ thì đến tận phía tả lầu "Cung nghênh" mới xuống kiệu.

Vua Tự Đức đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, lưng thắt ngọc đái, ngự tại phía hữu lầu "Cung nghênh". Trước điện Thái Hòa đã dựng một thể điện. Từ điện ấy đến phía nam cầu Kim Thủy đều trang hoàng lộng lẫy. Chiếu cạp điều trải khắp các sân. Khi Long đình tiến đến giữa điện thì vua ta, các quan khâm mạng, các hoàng thân quốc khích cùng văn võ trăm quan đều quỳ xuống. Long đình đi qua rồi, mọi người đều đứng dậy, Long đình tiến vào Ngọ môn, thì chín tiếng thần công liên tiếp nổ. Qua cửa chính điện Tuyên Đức, Long đình trân trọng được đặt tại thể điện. Thanh sứ đến phía tả lầu "Cung Nghênh" thì vua ta cúi đầu chào. Nhà vua và Thanh sứ ùng tiến vào thể điện. Lễ tuyên phong cử hành.

Theo lời nội thị xướng, Hoàng thượng tiến đến trước Long đình quỳ xuống. Trăm quan quỳ theo. Hai vị trong sứ đoàn mở sắc

phong ra. Một vị khác trịnh trọng tuyên đọc. Khi đọc xong liền chuyển cho Thanh sứ dâng lên vua Tự Đức. Ngài nhận lấy trao cho hai vị hoàng thân. Nhà vua lễ tạ rồi ban hỏi Thanh sứ vài câu.

Kế đó, Hoàng thượng ngự ở phía tây, Thanh sứ ở phía đông, bên phải Hoàng thượng là các hoàng thân và văn vũ đình thần, bên trái là tùng viên sứ đoàn.

Sau tiệc trà, Hoàng thượng lui vào cung, Thanh sứ cùng các tùng viên trở về công quán và được Nam triều thết tiệc rất long trọng. Vài hôm sau Thanh sứ Lao Sùng Quang về nước. Cuộc tống tiễn cũng long trọng như cuộc tiếp rước.

Trong đời vua Dực Tôn, nhiều lần sứ Việt Nam cũng sang Tàu. Năm Mậu Thìn (1868) có các ông Lê Tuấn85, Nguyễn Tư Giản86 và Hoàng Tịnh sang sứ Tàu. Năm Quý Dậu (1875) có bọn ông Phan Sĩ Thục, ông Hà Văn Khải và ông Nguyễn Tu sang sứ Tàu để bày tỏ việc đánh giặc Khách ở Bắc Kỳ.

Từ năm Giáp Tuất (1874) trở đi, Nguyễn triều ở Huế đã ký hòa ước với Pháp công nhận nước Nam độc lập, không phải thần phục nước nào nữa, song đó chỉ là một tình cảnh vạn bất đắc dĩ, sự thực vua Tự Đức không phục và cứ theo lệ cũ mà triều cống nước Tàu, có ý mong khi hữu sự, nước Tàu sang giúp mình.

Năm Bính Tý (1886) vua Tự Đức sai bọn ông Bùi An Niên (Bùi Dự)87 các ông Lâm Hoàng và Lê Cát sang sứ nhà Thanh. Năm Canh Thìn (1880) nhà vua lại sai bọn ông Nguyễn Thuật, Trần Khánh Tiến, Nguyễn Hoan sang Yên Kinh dâng biểu xưng thần và dâng các thức cống phẩm. Năm sau, Thanh triều sai Đường Đình Canh sang Huế bàn việc buôn bán và lập Cục Chiêu thương, chủ ý để thông tin cho chính phủ Trung Hoa biết mọi việc bên nước ta.

Khi sang Tàu, sứ giả nhà Nguyễn thường dùng đường biển và ngoài đường biển sứ bộ lại noi theo hành trình của các sứ thần nhà Lê vào hồi năm Canh Thân (1680) nhưng đáng lẽ theo dòng sông Dương Tử và Vận Hà thì lúc tới Vũ Xương sứ bộ lại đi đường bộ lên Bắc Kinh.

Cuộc bang giao Việt – Hoa chấm dứt hẳn vào ngày 27 tháng tư Ất Dậu (1885) là năm Quang Tự thứ 11, khi Hòa ước Thiên Tân ra đời mang chữ ký của Patenôtre88 và Lý Hồng Chương, Thanh triều công nhận cuộc bảo hộ của Pháp với Việt Nam và rút hết quân đội ở Bắc Kỳ về nước.

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, cuộc bang giao Việt - Hoa đã tỏ ra

rất khắng khít. Vua Việt Nam về danh nghĩa chỉ được Bắc phương đãi như một biên thần nho nhỏ, song về thực tế, vua ta nghiễm nhiên vẫn là những vị quân chủ độc lập hoàn toàn.

Nước Việt Nam không bao giờ có đại sứ bên Bắc triều. Vua Việt chỉ phái tuế cống sứ sang Tàu để chủ trương mọi cuộc giao hảo hay mang cống phẩm sang hiến cống.

Tuế cống sứ đời trước có cái nhiệm vụ của những vị ngoại tướng thời nay. Đi sứ mà ứng đối không giỏi tức là làm nhục quốc thể. Bởi vậy, suốt mấy nghìn năm giao hảo, các nhà đại diện nước Nam đều là những văn quan, học thức quảng bác, ngôn ngữ bặt thiệp, giao thiệp rộng, mánh khóe tinh và nhất là có nhiều kinh nghiệm, họ đã từng phen làm sáng rỡ cả những trang sử bang giao của nước Việt.

Chu Sán, một sứ thần Trung Hoa đời Thanh, sang khoảng niên hiệu Chính hòa (1680-1705) đời Lê Hi Tông, đã phải viết trong tập Sử giao ngâm hoàn như sau: "Nhân tài nước Việt Nam, lý học giỏi nhất Trình Toàn (Nguyễn Bỉnh Khiêm)89, văn học có Nguyễn Đăng Cảo, Hồ Sĩ Dương, Vũ Duệ, có tài kinh tế không ai bằng Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Trãi, v.v.."

Xét như vậy, các sứ giả và nhân sĩ Việt Nam, đối với con mắt của "Thượng quốc" cũng không phải hổ thẹn là thiếu tài khí phách, thiếu anh tài. Nhất là vua Quang Trung; vị đại anh hùng nước Việt, đã tạo cho lịch sử những trang sử bang giao đẹp đẽ nhất từ trước đến giờ. Đem chuông đi đấm nước người, khiến cho người phải e dè, kính nể, đó chẳng phải là sự thành công lớn lao nhất hay sao?

Ôn lại mấy trang sử bang giao Việt - Hoa, chúng tôi đã mang một ngọn bút khách quan, không có gì nói tốt cho mình và bới xấu người. Lịch sử là lịch sử, qua những dòng này, xin đừng ai hiểu sai ý người viết, như thế tức là chúng tôi đã thành công một phần nào rồi vậy.

Viết tại Hà Thành
xong ngày 15 tháng tư năm 1952

SÁCH THAM KHẢO

Ức trai thi tập - Nguyễn Trãi

Khâm định Việt sử thông giám cương mục - Quốc Sử Quán

Lịch triều hiến chương loại chí - Phan Huy Chú

Tây Sơn bang giao tập

An Nam chí lược - Lê Tắc

L'Empire d'Annam - Ch. Gosselin

Histoire Moderne du Pays d'Annam - Ch B. Maybon

Notion d'Histoire d'Annam - Maybon & Ruissier

Cours d'Histoire d'Annam - Trương Vĩnh Ký

Việt Nam sử lược - Trần Trọng Kim

Việt Nam thống sứ sử - Lê Lãng Ngoạn và Lê Văn Hòe

Việt Nam cổ văn học sử - Nguyễn Đổng Chi

Nguyễn Trãi - Trúc Khê

Quang Trung Nguyễn Huệ - Hoa Bằng

Thuyết Mạc - Thi Nham Đinh Gia Thuyết

Nam Hải dị nhân - Phan Kế Bính

Nam Phong tập chí, Tri Tân tập chí và Trung Bắc chủ nhật.

CHÚ THÍCH

1. Niên hiệu Thiệu Bảo.

Các năm trong ngoặc đơn của sách này chỉ thời gian tại vị của các vị vua.

Cuốn sách biên chép nhiều tư liệu lịch sử, tham khảo ở các nguồn khác nhau, nên có một số điểm chưa đồng nhất. Người biên tập sử dụng Khâm định việt sử thông giám cương mục (Quốc Sử Quán), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim)... làm tư liệu đối chiếu. Về bản chữ Hán, do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác nhất có thể và có tham khảo đối chiếu với nhiều tài liệu khác. Tài sơ học lậu, khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

Chú thích trong sách này là của người biên tập, ngoại trừ một vài chú thích có dấu (*) là của sách gốc.

2. Thô kệch.

3. Sách gốc chép là "Nam di", đối chiếu với bản chữ Hán thì là "Man di".

4. Nghe phong phanh, nghe đồn.

5. Sách gốc chép là "Vũ thị", nhưng ở đây đang nói về Cù thị. Đối chiếu với bản chữ Hán thì chữ ở đây đúng là "Cù thị".

6. Sách gốc chép là "Triệu Khuông Dận".

7. Giao phó trọng trách quân sự.

8. Vốn, vẫn.

9. Nhậm chức.

10. Bảo vệ.

11. Đầu đuôi của sự việc.

12. Hay Phạm Cự Lượng

13. Sách gốc chép là "Lý Nhược Khuyết", đối chiếu lại bản chữ Hán thì là "Lý Nhược".

14. Trao trả.

15. Sách gốc chép là 1018-1225

16. Sách gốc chép là 1034-1078.

17. Sách gốc chép là 1068-1078.

18. Sách gốc chép là Lưu Gi.

19. Người xem xét việc công tại địa phương, thời xưa.

20. Sách gốc chép là 1048.

21. Sách gốc chép 1133-1175.

22. Sách gốc chép là "Tống Hiến Tông". Trong sử sách Tầu, đời nhà Tống không có miếu hiệu Tống Hiến Tông, trước đó có nói đến năm Giáp Thân (1164) thì phù hợp với đời Tống Hiếu Tông (1162-1189).

23. Sách gốc chép là 1040-1225.

24. Sách gốc chép là Ngột Lường Hợp Thai (Vouleangotai).

25. Hốt Tất Liệt

26. Sách gốc chép là "Bách lạc thiên", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Bạch lạc thiên".

27. Sách gốc chép là "Giáng châu long", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Giang châu long".

28. Ách tắc.

29. Sách gốc chép là "Nguyễn Hạnh Thông", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Nguyễn Mạnh Thông".

30. Sách gốc chép là "Nguyễn Đại Pháp".

31. Sách gốc chép là 1364.

32. Sách gốc chép là Hồ Hán Thượng.

33. Sách gốc chép là "Lê Canh Tuần", đối chiếu bản chữ Hán và một số tài liệu khác thì là "Lê Cảnh Tuân".

34. Sách gốc chép là Thân Báo Tư.

35. Sách gốc chép là Trần Khoang, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là Trần Khang.

36. Sách gốc chép là "Yến Kinh". Ở đây chính xác gọi là "Yên Kinh" là một tên phổ biến khác không chính thức của Bắc Kinh, Trung Quốc.

37. Về tên thật của Trần Thiêm Bình, sử sách đề cập khác nhau. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Thiêm Bình có tên là Nguyễn Khang, Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì ghi Thiêm Bình vốn có tên là Trần Khang.

38. Sách gốc chép là "Lê Trân", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Lê Vận".

39. Sách gốc chép là Lương Như Hốt.

40. Dung.

41. Năm Ất Tỵ (1425) vua Minh Nhân Tông mất. (*)

42. Quý thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu. Chuyên Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng Tử, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kẽ vách như là việc Cao Hư làm phản cũng chưa biết chừng. (*)

43. Sử ký: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, hủy đi để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông Quan, đào hào, đóng cọc. (*)

44. Đinh Mùi.

45. Ải Nam quan, nay là Hữu Nghị Quan.

46. Thất phu.

47. Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô. (*)

48. Bấy giờ hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía Bắc, đặt niên hiệu

là Thiên Nguyên. (*)

49. Lưu Bị Chiêu Liệt đế nhà Thục Hán.

50. Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cảo lên ngôi, tự xưng là con cháu nhà Trần. (*)

51. Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú nói có một người vàng. (*)

52. Sách gốc chép là Chinh lự.

53. Nước Lào.

54. Bảng nhãn.

55. Kỷ Mùi.

56. Cầu mưa.

57. Bản chữ Hán chép là 9 lạng.

58. Bản chứ Hán chép là một đôi hạc bằng bạc.

59. Sách gốc chép là 1570-1620.

60. Sách gốc chép là Nguyễn Nhân Thiềm.

61. Sách gốc chép là "Triều Khánh thuộc Quảng Tây". Ở đây có sự nhầm lẫn về địa danh. Theo sử sách Tàu, năm 1644, quân Thanh tiến vào quan nội, triều thần nhà Minh dời xuống phía Nam. Minh Quế Vương Chu Do Lang cháu Minh Thần Tông xưng đế tại đất Triệu Khánh, Quảng Đông, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch, tại vị 16 năm (1646-1662). Sau này, nhà Thanh truy đuổi gắt gao, ông chạy sang Miến Điện, nhưng rồi vẫn bị Ngô Tam Quế bắt được và xử tử tại Côn Minh.

62. Sách gốc chép là "Trinh Trang", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Trịnh Tráng".

63. Sách gốc chép là 1781-1788.

64. Sách gốc chép là 1662-1622.

65. Loại vải trắng mịn, khổ rộng.

66. Hiện có nhiều tài liệu ghi chép khác nhau về thời gian vua

Quang Trung lên ngôi. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện là ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788); Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái) là ngày ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788).

67. Sách gốc chép là "Kiền Long". Trong cuốn sách này sử dụng song song cả hai tên gọi Kiền Long và Càn Long, để thuận tiện cho tra cứu chúng tôi mạn phép được đổi thống nhất là "Càn Long".

68. Có thể là Trịnh Bồng.

69. Vua Lê Hiển Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786). (*)

70. Chuốc.

71. Hay Ngô Văn Sở, một danh tướng nhà Tây Sơn.

72. Sách gốc chép là "Hắc Thiệu Tông", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Hách Thiệu Tông".

73. Nguyên văn chép là sông Phú Lương. (*)

74. Ra lệnh, răn đe.

75. Quá quắt.

76. Vùng biên giới.

77. Bản gốc chép là "Đặng Văn Chấn", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Đặng Văn Chân".

78. Voi đực.

79. Nguyên nhân, lý do.

80. (Hay khúc nôi, khúc nhôi) nỗi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc.

81. Gần gũi.

82. Sách gốc chép là "Vũ Văn Dung".

83. Có tài liệu chép là Chưởng Chấn võ quân.

84. Sách gốc chép là "Hổ xá", đối chiếu bản chữ Hán thì là "Hộ xá", nghĩa là nơi tiếp rước, hộ tống.

85. Sách gốc chép là “Lê Thân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Tuấn”.

86. Sách gốc chép là “Nguyễn Tử Giản”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Tư Giản”.

87. Có tài liệu chép là “Bùi Ân Niên”, tức Bùi Văn Dị (1833-1895), còn gọi là Bùi Dị, tự Ân Niên.

88. Jules Patenôtre - Sứ thần Cộng hoà Pháp.

89. Tài liệu khác chép là Trình Tuyền.

昔日歲貢使之任務，與今日之外長同，出使而應付無方，即有辱國體，因此，數千年邦交中，各朝歲貢使代表越南者全屬文官，學識廣博，經驗丰富，善詞令，廣交遊，彼等已為越華邦交史創下光榮之記載。

一六八〇年至一七〇五年間，清朝一使者在其（史交吟還）錄中，曾有如下之批評：〝越南人才，理學最佳者為程全（阮秉謙），文學則有阮登皋，胡士楊，武裔。長於經濟者莫如莫挺芝，阮中岸，阮鷹等。〝

越南歷代使者實不失為有氣魄，有才華之人士。對文獻大邦亦無愧色也，尤其是光忠帝，越南之偉大英雄，已為越南創下輝煌之邦交矣。

越華邦交史撰畢，余等深感慶幸，即余等係以一客觀之態度執筆，不偏不倚，歷史即歷史，事實即事實，請讀者勿誤會我等之眞意，是則我等對越華之邦交已盡其一部份之責任矣。（完）

庚辰年（一八八〇年），越主復遣阮述，陳慶洊，阮歡等，到北京稱臣納貢。來年，清室派唐廷庚到清化商議貿易事務及設招商局。目的在向中國呈報關於越南之一切情形。

該時代越使往中國常假水路，俱照黎朝時期之行程，卽沿楊子江，運河，至武昌後改旱路趨燕京。

李鴻章與巴德諾德羅簽訂之天津條約，（清朝承認法國保護越南，並撤退駐越北之清兵。）便中絕了越華之邦交關係，時為乙酉年四月廿七日，（西歷一八八五年）。

數千年歷史過程中，越華邦交呈顯出其緊密關係，越主雖然僅得中國視若一偏臣，但實際上，越主儼然不失為完全獨立之國君。

越南從來有大使駐於北朝，僅派歲貢使前往中國，負責商議和好之邦交或携貢品往進貢而已。

照內侍唱禮節，越主趨龍亭前跪下，百官隨跪，兩位華使開策封，另一位華使團人員鄭重接起、宣讀、讀畢、復轉交清使，呈交嗣德帝，越主接受交兩位皇親，越主禮謝後，與清使略談片刻，隨後，越主坐於西位，華使坐於東位，越主之右，為各皇親暨百官，越主之左為使團隨從人員。

茶後，越主回宮，清使及各隨員返使館，越延設宴，隆重款待。數日後，清使勞崇光返國，餞行時禮節之隆重，亦如迎接時焉。

翼宗年間，越使往中國者頻繁，戊辰年（一八六八年），出使中國者計有黎俊阮恩簡及黃靖等。癸酉年（一八七三年），出使中國，商討剿越北匪患者有潘士實何文啓，阮修等。

甲戌年（一八七四年）起，順化阮朝已與法國簽和約，公認越南獨立，無需臣服某國，但嗣德帝一仍舊例朝貢中國。

丙子年（一八七六年），嗣德帝遺裴安年，林黃，及黎吉等出使中國。

皇城各處飄揚黃旗，步兵及騎兵由香河岸邊直排列至公館（招待華使之地方），抵公館，龍亭放于館之正中。斯時，承天府丞及各候接使，依次來為華使祝頌及呈獻禮物。

翌晨，三向鼓聲過後，委派侍候華使團之各官員及各候接使，黎明即穿朝服，肅於使館，另有騎兵百名亦侍候於館前。各皇親，各文武官員，自五品以上者，俱肅值於大殿上，自五品以下者，則在金水橋邊恭迎，由一位皇親大臣及兩位欽差大臣前赴使館，請華使進宮。

神弓砲鳴三向後，鼓樂齊奏，大旗招展，各皇親及欽差大臣前導，次為八音隊，再次為龍亭及華使轎輿，隨員殿後，有乘馬，有坐轎。抵皇城東南角時，全體暫停，落馬下轎，只有正使一人則仍乘轎，直至恭迎樓方下轎。

嗣德帝戴九龍冠，穿黃袍，腰纏玉帶，坐於恭迎樓之右，太和殿前，搭蓋牌坊，由此直至金水橋之南，裝璜異常華麗，花席鋪地，當龍亭行經殿中時，越主，各欽命大臣，皇親國戚及文武百官俱下跪，龍亭過後纔起立。龍亭到午門時，九响神弓砲接連轟出。過宣德大殿，龍亭珍重放於殿中，清使趨恭迎樓左邊，越主低首叩見，之後，越主偕清使共趨正殿，舉行宣封及受封禮。

親到北城，迎接華使受策封，但至嗣德帝時（一八四七至一八八三年）華使則親臨越京順化宣封。

嗣德二年七月廿二日（一八四八年）華使團奉清帝命來越策封，該使團人員計有廣西按察使勞崇光（充正使）黎良澤及張如定（充副使）等抵南關時，諒山地轄各候命使已將"龍亭"佈置妥當，恭迎"策封"及清帝所頒賜各物品。華使團數達千人，隨員，翻譯，醫生，工匠，厨師，挑伕等一應俱全，騾馬行李甚多，所經各處，鼓樂喧天，由佩長劍之軍士前導，隨後為龍亭，龍亭之後為正使轎輿，繼之為各隨從官員，或乘馬，或步行，行李隊殿後，過江時亦一樣嚴守此秩序。

華使團所經各處，無論府縣鄉村，隨處張貼書有"恭迎"二字之紅條，各商店門前，俱擺列香案迎拜。

經過各靈神廟宇，華使團俱停下瞻仰。華使團沿北寧，河內，南定，寧平，清化，義安，河靖，廣平等地，直趨順化，各處地方官員，俱呈獻禮物及設筵款待。當使團抵達滬社之時（在廣義之北）越朝欽差大臣，即備華麗龍船，另派軍士千四百名，水手千人，護送華使團至順京，泊於香河。

載，則該次之歲貢使人員計有正歲貢使鄭懷德尚書及兵部探知吳仁靖，刑部探知黃玉蘊，同往清室呈遞國書，除貢品外，尚有昔日清室封與西山王之印冊）。

甲子年間（一八〇四年），嘉隆皇得廣西按察齊布森奉旨來越策封越主為＂越南國王＂，是次被封典禮舉行於北河，儀式極為隆重。自是，越南照例三年一貢，貢品如次：黃金二百兩，白銀一千兩，綢緞各一百疋，犀角兩對，象牙一百斤，玉桂一百斤。

明命二年（一八二一年），廣西按察使潘公時來越策封，辛巳年九月舉行邦交大禮，九月十二日，明命帝遺宗室大臣與各欽命大臣及郡公阮文仁，右營副都統治宗室榮，刑部尚書黎伯品等共攝朝政，九月十五日（西歷一八二一年十月十日）擇得黃道吉日，帝偕文武官員一千七百八十二人及衛軍一千一百五十人，駕臨北城，等候華使到來宣封。當華使初到北城及返國時，越延均大排筵席款待華使團人員。上好佳肴五十味乙席，四十款中菜者七席。卅款者廿五席。華使團過南關預備返京時，越朝各候命使俱奉命致送華使金銀及珍品。

阮朝時期，越南貢品係交兩廣總督轉上北京。除非有特別軍國大事，越使方親赴北京，照例三年一貢。每朝新帝卽位時，均要求中國策封。阮朝之前，各帝均要

迨前黎庚，本國逆臣黃公瓚之父，黃公舒阻兵據守，垂三十年，前黎姑息不辦七州之民，以地勢遼遠，本國不能控制，緣內附，自此以來，內地沿邊，內官勒令邊民改裝，插牌征稅。

臣自受命啓邦，綢繆鳩集，內事正殷，邊情委曲，未及辦理，迺茲本國鎮目報稱：七州之民，久經內地征繕，本國行移調徵，一切勒旨阻當，原委情由，蓋由前黎不能恪尊封守有馴致。

欽惟：大皇帝陛下，聖量洪慈，安勸庶邦，年前，北藩合愕隨土爾扈特投順。族賞給遊牧之地，矧此邊隅蕞爾，豈是列於職方？必是封疆之史，不以其事上聞，邊民便其遊移，所在官員從而驅勒，臣不敢委分土為閒土，而曲隱情由，不一清明於光輝之下也，輒敢冒昧繕表，憑兩廣總督公福康安轉奏，臣謹於南關界首，專員等候，並遺文武員目，咸就興他界首，節次查清質當七州土界，賜歸本國屬籍。

臣仰藉寵靈，虔修保守，遙望闕廷，候奉聖訓，不勝貼仰惶懼之至。

壬戌年（一八〇二年），擊敗西山阮朝及佔據北河（河內）之後，嘉隆皇卽帝位，改國號曰"越南"，遣兵部尚書黎光定充正使往中國求封。（但據另壹史冊所

虞三代卽漢唐宋，未嘗有是。大人宣佈教聲。亦惟以隆古治朝之良法美意令諸下國，元明二代之所為，事不師古，何足效也，伏望追繳鈞命，免鑄替身金人之事。“

該反抗書甚見效力，清帝卒讓步放棄替身金人舊例。

黎朝末年，興化六州及宣光三洞俱被併入中國版圖，（歸入兩廣）。光忠帝不願失去國家寸土，乃上書清帝，要求重新劃定邊界。書云：

”臣仰荷天恩，賜履南服，欽奉御詩，訓以保守疆界，世傳子孫之道，夙夜祇懼，奉以守邦，今惟：臣起自布衣，辛有國邑，尺土寸民，皆大皇帝之賜，豈敢以彼疆此界，塵瀆至尊，祇以交南分土，叨忝作屏，四封所抵，俱在寶書。

臣國西北一帶沿邊，接內地臨安，廣南，開化三府，自前莫敬寬以牛羊，蝴蝶，普園三峒內投，欽奉聖祖仁皇帝賜莫俘於前黎，復還其地，乃在康二十八年事，其後，土目迎福廉又以其地內屬，事已經久，斷以本國覩祝河為界，乃在興化，宣光邊地，經前任雲貴督部郭鄂爾泰遵旨豎碑，自覩祝河以西至車里國嵩陵，醴泉黃巖，綏阜，合肥，萊州，謙洲等七州，並屬本國興化之地。

（一）撫恤追功在越陣亡之許世亨提督，立廟於越地，四季祭祀。

（二）明年乾隆帝八十大壽，越主須親自來祝賀。

光忠王難於退却，乃選相貌酷肖己者，（由范公治假扮光忠王），加派吳文楚，鄧文眞，潘輝益，武輝進等陪同前往燕京覲皇，乾隆帝以為眞，熱誠款待假王於熱河宮，回越時，特頒賜乾隆書像紀念，恩禮殊隆。

清室對光忠王甚為好感，故事軍外交處處予以讓步，當福康安重申進貢替身金人時，光忠王卽上書清帝，極力反對，書云：

"昔陳莫歷代以得罪於中國，獻代身金人，本國國長，起自布衣，乘時集事，與黎王本無有君臣之分。其去留在天數，向背在人心，非有意於黎之國，如篡奪者此。且前者孫部堂提兵而來，本國國長不得已而應之，從無侵犯邊境以得罪於上國。今乘概按陳，黎，莫，貢金人之例，是本國國長明正得國，反儕於偽莫之科，而一念恭順出於畏天事大之誠，反與陳烏馬兒，黎殺柳昇同律，本國國長，於情有屈，不能無望於鈞衡也。夫古者諸侯朝見天子，或朝於方岳，或覲於京師，能來自來，不能親來者，遣其子弟入侍，貴在奉琛熱贊，上來之情通。至於替身金人入朝，唐

得八百餘口，臣糜住給之廩食，竊惟兵革之間聖人諒非獲已，大皇帝深居九重，疆場之事，孫士毅不肯一一奏明，壅蔽宸聽，遂使事勢推移至此，臣誠不敢螳臂當車、然而帝閽萬里，動輒為閽臣所脅，不能忍耐，迹似抗衡，竊念本國自丁黎李陳以來，世代遷革，不是一姓，有能為南交藩翰，卽與烏馬兒黃福輩，不利於小國。天朝春海為量，大抵略其細過，偕之大道，裁者培之，惟至公至仁而已，今天厭黎氏子孫孱弱，不為國人所留，孫士毅不能深推事理之致，却為之全成封植，構起兵釁，使生靈橫罹荼苦，罔上虐下，一至於此，臣按兵龍編都城。翹貼聖閽，奉有謝罪陳情表章，憑廣西巡左江兵備道轉為上奏伏惟大皇帝體天行化，榮枯敷寂，順其日然，恕臣迎敵孫士毅之罪，而諒其數番款開陳奏之誠，樹牧立屏，用新厥命，錫臣為安南國王，保障一方恪恭候服，俾本國有所統攝，臣謹當遣使詣闕，奉藩修貢，幷奉將存人口徼納，以表至誠，夫以堂堂天朝，較勝負于小夷，必欲窮兵黷武以快貪殘，拂上帝好生之意，諒聖心之所不忍，萬一兵連不止，勢到那裏，誠非臣之所願，而亦不敢知也，臣拱北馳神，不勝激切屏營仰候命之至，謹奉表奏以聞"

吳時任領命出使中國，乃與清室大臣福康安謀重整兩國邦交事，其時各主和重臣又協助於內，不久，清帝亦回心轉意，與越交好。但令迫越南履行下列兩條款：

萬口同辭，以臣為留，臣本心非貪戀黎土地人民，乃輿情交迫，有辭之而不能獲已者，因委家將陳名炳以黎王子維謹，及臣氏稟文三道，偕使臣使八人叩稟轅門，懇清孫士毅按兵關上，查明前情，吳洪振拏，猶巡洋兵郝紹宗四十人，一同發致遺回，道達恭順之意，不敢公開抗拒，而孫士毅偏聽維祁之母，百般巧詞，殺陳名炳並誅巡洋兵丁，縶執來使，驅兵直趨黎城，師渡富良江，臣之江校，領衆而南，孫士毅乘勢追殺甚衆，又飛飭黎官，搜查各村寨，有臣之江校駐寓。盡行於獻，日日戕殺三四十人，共千餘人，維祁乘機將國內員目之効順於臣者，概行誅戮，甚至刳剖孕婦，不俾遺育，其慘毒莫斯為甚！夫以海隅蒼生，莫非朝廷赤子，大皇帝久道化成，豈其好大喜功，生事遠外，使無辜之民陷於鋒鏑，而士毅不能體上德意，殺人如麻，不但專辦臣一人，且欲臣之黨羽，全數擒誅，播諸文誥，用是人人危懼，維以一帶海濱，人士甲兵不能當中華之萬一，而深澗在前，猛虎在後，衆情迫死，咸思奪勵，臣不避投鼠之謗，遂以三五邑丁相從，今年正月初五日進至黎城，猶冀孫士毅回思，或得以玉帛代干戈，轉兵車為衣裳之會，臣卑辭求見，並無回答，是日士毅之兵將來迎戰，才一交鋒，奔潰四散，互相枕籍而死，滿野塞川，其走躲城外村庄，又緣前屯剳環城，士毅不能禁戢，姦淫婦女，攘奪市肆，人民怨入骨髓，以殘殺殆盡，臣入城之日，立即禁止，境內軍民，見有敗兵行走，不得妄殺，一切送到都城，該

臨御五十餘年，洪恩二洽，華交內外，同氣共貫。臣安南界居炎徼，久沐教聲，乃自二百年來，國王黎氏失柄，權臣鄭氏專有其國，暨前王黎惟禋年老，輔政鄭棟昏惰，兵驕臣怨，國內乘離。臣以西山布衣，乘時舉事，丙午夏興兵滅鄭，邊國於黎，其年前黎王謝世，又擁立嗣孫為祁襲位，維祁為人淫暴，不恤國政，朝綱弛於內，邊寨生？於外，方且陷害忠良，誅鋤宗姓，國內之臣若民，奔愬於臣，請為出兵除亂，臣自惟國奉天朝所封之國，臣何敢行廢置。丁未冬遣小將，以兵問其左右之助桀者，而維祁望風宵遁，自遺伊戚，戊申夏臣進至黎城，復委前黎王之子維謹監國乘祀，經遣行價叩關，備以國情題奏，而維祁之母。先趕？至粵隘，哀愬於兩廣總督孫士毅，委身丐援，士毅以封疆大臣，理該審究情由，核辦維祁所以亡國之由，臣所以入國之故，題奏大皇帝，伏候處分，以止其亂，却為才色之故，惟婦人是聽，將臣之表章裂擲於地，凌辱行價，強遂遣回，意欲動衆興戎，邀功生事。去年冬，調動大兵出關，以收復黎氏為名，傳檄境內。歸罪於臣，期以直擣廣南，翦草去根，為維祁除其後患。臣僻處天末，道路悠遠，山川阻隔，不知其事果出於大皇帝差遣否？抑孫士毅為一婦人所使，倖邊功以邀大利也。臣聞有出關人馬，念以來一片畏天事大眞衷，既為閽臣所阻，而維祁亡國緣故，又塞於上聞，將來兵端一開為禍不淺，臣之小校吳洪振，見駐黎城，臣使集合黎王宗姓文武臣僚，及國內之耆老豪目，

綢緞六百疋。白竹布二百疋。

越南在南北朝分爭時，以靈江為分界，西山地方，有阮岳兄弟者，布衣崛起，拒抗阮主，立帝業於歸仁（越中）

戊申年間（一七八八年），清室籍救黎朝為名擬進兵昇龍城，由滇貴桂粵四路舉兵廿萬下越。北平王得此消息後，即集羣臣會議，商討抗拒之計。戊申年元月廿五日，北平王下令設壇於盆山，舉行即帝大典後，即親自統領水陸大軍。迎擊清兵，由兩廣總督孫士毅調遣之廿萬清軍，盡被擊潰。己酉年（一七八九）元月五日，孫士毅且惚忙領隨從數名敗走，直返燕京。

清軍大敗，乾隆皇帝非常震怒，孫士毅回京後，即派福康安為兩廣總督，擬再出兵五萬復仇。然福康安有怯意，力主和，越光忠帝亦早有此心，和議遂成。其後光忠帝復接清廷左江兵備道湯雄業來書，力勸乘此機會，承繼黎朝帝位，彼將從中鼎力吹噓，早日成事。光忠帝得書後，知清室急於言和也，遂有輕視之心，看其交都督胡虎候致清乾隆帝之奏章，便知其梗概矣。書云：

"安南小頭目臣阮光平稽首頓，謹奏為冒瀝微誠，仰干天聽，伏乞懲奸罔以柔來附，覆昏暴以濟蒼生，曲款大願望事，欽此，大皇帝陛下，受天明命，為萬國君，

不久，明帝策封黎朝舊日爵位。黎眞宗年間（一六四三至一六四九），明桂王失勢，遷都肇慶，有意求助越南，乃遣使來越，策封眞宗為"安南國王"，鄭莊為副主。

癸卯年（一六六三），明亡清興，（一六四四至一九一一）曾遣使來越，勸諭越主朝貢。西王鄭柞遣使攜貢物到北京進貢，並求封策。（壹六五七至一六八二年）。

丁未年間（一六六七），清康熙帝遣使來越，封黎玄宗為"安南國王"。（一六六三至一六七一）自時以往，歷朝各帝，俱蒙清室策封為安南國王。

黎朝中興時期，黎世宗以路遙險阻為辭，求清室改六年一貢，貢品則兩倍於往昔，明神宗允之。丁未年（一六六七）歲貢使阮潤極力辯解，請得康熙帝取銷多種貢物。

數年後，因政治情勢變動，清室再迫令越南四年一貢，該時期之貢物如次：

沉香六百枝。薰薏香一千二百枝。

象牙兩對。犀角兩對。

阮仁贍副使俯頭拿起金錢，交還馮氏曰：〝明帝處置我主雖屬過太，但弱肉強食，乃係常事，我等不從亦無法也。況兵火之難，不能不避免也。我等遠適異域，更應忍辱將事，誠恐隔牆有耳，此舉聞之明帝余深慮我等之難回國也。苟正使以佩此金錢為辱者，何不賜與小弟，弟當將兩錢同載於一盒內，留作出使中國之紀念也。〝馮氏盛氣答曰：〝好！我與你，為主求爵封而不得，此區區賞賜何用哉！雖知安南統使一職，我尚不放在眼內，況此重僅一兩之金錢？你要，不妨留來賞玩，回國佩戴，徒增羞辱矣。〝

但此事仍為明朝士大夫所知，欲羞恥馮克寬，乃出頭聯譏之曰：〝銅柱至今苔未綠〝。馮氏亦不示弱，乃引陳興道大破元軍於騰江之事蹟，作下聯以和之曰：〝騰江自古血猶紅〝，其詞慷慨激昂，溢於言表，故當時士大夫雖多方留難，然卒賴其過人之才智，克服一切，安然回國。馮氏留中國期間，潛心學習中國之紡織，歸而授越人。且取粟米及芝蔴種子帶回播種，故越南之有粟米芝蔴應自馮氏始，此舉對越南經濟更得一莫大之利益。

艱辛之任務也。）然馮氏具卓越才華，雄才大略，蜚聲異域。既抵燕京，時值元旦，延臣及各國使者，俱要獻詩一首，為明帝賀年，而馮氏獻詩達三十六首之多。詩詞美妙，明神宗深為贊賞，且御筆親題于該詩集云：〝何地不生才〝幷恩賜特科狀元，（在越南馮僅舉二甲進士）。

馮克寬且以其善變能言之才，得明帝豁免越南進貢替身金人之慣例。馮氏常與高麗使者李遂豐唱和詩詞，李對馮詩才甚為拜服。

明帝雖收納黎朝貢品，但仍偏護莫朝，故僅封黎世宗為安南都統使，襲明朝二品職，明帝並賜馮克寬金錢一枚。阮仁贍銀錢一枚，其時係神宗萬歷年間，故該兩枚金錢均刻有萬歷通寶等字樣，馮氏見明帝僅封越主為都統使官職，甚為不悅，乃奏稟明帝：〝……都統使一職，係莫氏舊職，臣等當今國主，係越南正統，黎朝後裔。天朝封策該職，實不適合，臣等不敢遵命，恭請陛下明察……〝。

但明神宗答曰：〝本不應以黎朝比莫朝，然初次策封，可權領此職，容當加封王將爵號，未為晚也。〝

馮克寬忿然退朝，回使館，餘怒未釋，解明帝所賜之金錢，擲諸地上曰：〝明帝輕我主若是，我保此物非更恥辱乎？〝

丙申年三月（一五九六），黎世宗（一五七三至一五九九年）派兵部尚書杜汪及都卸使阮文階前赴南關迎接華使。

其後，越主又派黎梗，黎榴及工部侍郎馮克寬等，帶領耆牧十人，黃金百斤，白銀百斤，莫朝之安南都統使璽印及前黎安南國王之璽印等，呈上南關華使王建立檢查，但明臣又令黎世宗須親赴南關會見。

鄭松委黃延愛，阮有僚領軍萬人，護駕親到南關赴會，到時，明臣又要進貢替身金人，且不赴會，黎世宗久等無結果而回。來年四月，明使又召越主來南關赴會，越延乃派黃延愛太尉領軍五萬護駕前往。

丁酉年（一五九七），當黎世宗御駕由南關回昇龍城之時，平安王鄭松（一五七二至一六二三）委馮克寬充正使，阮仁贍充副使，携貢物到燕京，進貢明朝，及請求策封。

馮克寬出使中國，非但不辱君命，且以其所學助益國民。馮氏于黎世忠時舉首科，而于黎光忠年間（一五八〇）舉榜眼，當時明朝仍偏袒莫氏，在此艱辛情勢中，領此重責。（編者附註：當時越南有兩朝，一為莫朝（莫登庸子孫），一為黎朝，兩朝俱各據地稱王，而明朝則偏袒莫朝，故馮氏充黎朝使者，出使中國。實係壹最

金龜一雙（重九兩）。
銀鶴一雙（重五十一兩）
沉香六十斤。
茄香十八斤。
降眞香卅扎。
犀角廿對。
象牙卅對。

壬辰年（一五九二），鄭松復興黎朝，莫氏子孫乃走往中國，稟奏明帝，謂鄭氏崛起爭拉，而非黎朝子孫之中興。明神宗（一五七三至一六二〇年）派王建立道越關調查。

莫敬恭走往中國，奏稟天朝，初時住于龍州，後又領兵回攻高平及諒山。鄭松帶兵往擊，但莫敬恭得明朝掩護，且致書黎帝，迫令留高平地帶與莫氏子孫。

鄭松已收服昇龍城，莫氏乃走中國。求救于明朝。

人卽回，察看雞頸，見現白點，知天將雨，隨回奏天子，請設壇舉祭，祈禱剛畢，果然大雨滂沱。明朝君臣相顧謂曰：“隨從尚如此利害，其主可知矣。”自此，如虎主僕得別帶，異於其他使臣。

明帝意欲留如虎謂太子傳，如虎心雖不願，但口頭不敢拒絕，乃虛奏謂，太子讀書，要另築一樓，設備各種教具，苟有犯規，卽以最嚴厲之法懲罰。皇后素來溺愛太子，聞之力阻帝，遂罷請如虎為太子傳，幷遣其返越。

如虎返國後，因功得升尚書，後且封為春江候。

當莫登庸得明朝策封為二品銜都統使時，明朝嘉靖年間（一五二二至一五六七年），明又將越南十三鎮改為十三宣撫司。（計太原，諒山，京北，明須（卽宣光）興化，山匝，安邦，海陽，中鄉府（河內）山南，清化，義安，順化，廣南等。）

莫登庸崩，莫福海繼位，仍襲都統使職。

莫福海遣莫敬典携方物往進貢明朝，其時貢物如次：

金香爐一個。金花瓶四個（共重一〇四九兩）。

銀托盆十二個（共重六四一兩）

辛丑年間（一五四一），莫海廣和年間（一五四一至一五四六年）莫帝開會議，親為主考，黎如虎舉進士，得派出使明朝。如虎係仙侶縣仙州鄉人氏（屬今之興安省）有齎力，具文才，相傳為越南國，最大食，者。年三十，舉進士，任左侍郎，充歲貢使。出使前，在同縣中得一極有口才之屠夫，收作隨從。抵燕京，該地人氏聞如虎好食量，乃設宴一席，計十八層，款待如虎，如虎舉梯而食，由下而上，食完一層，盡棄碗碟，如此沿梯而上，食完第十七層，至第十八層，不見菜肴，只有人頭四個，如虎卽以筷穿入人頭雙目，高高舉起，眾人見狀，皆轉面他處不敢再視，如虎謂其隨從曰：〝我未嘗得食奇味，今皇上賜食，定必美味，爾等快拿醋來！〝

原來，此四人頭者，實乃〝人魚〝之頭也。看去與眞人頭無異，明人特設此，試看如虎敢吃否也，不料如虎早已知曉，乃以醋來点，大嚼一頓云。

時值大早，數月不雨，明帝傳令各使臣禱雨。如虎預知天尚無雨，乃入朝見天子，奏曰：〝安南原係小国，不敢爭雄，謹讓各使先行禱雨，如不靈驗，小臣再行効勞。〝明帝乃分派各使臣，輪流求雨，但並無效果。遂傳越使來見，如虎啓奏：〝小臣有一隨從，學得諸葛武侯神法，能呼風喚雨，靈驗非常，請陛下着來一試，便能分曉。〝明帝聞說，卽傳令着該人前來，如虎隨從朝見天子，允擇日作法，該

丁亥年（一五二七年），莫登庸奪黎朝稱帝，改元明德，明世宗嘉定皇，承此機會，圖謀越南，卽派人到安南詳查此事之虛實，其時黎朝遺臣，亦赴滇詳報莫氏篡逆情形。

丁酉年（一五三七年），明帝派都督九鸞，督理軍務毛伯溫，領軍駐紮於南關附近，來威脅莫朝，明帝更遣使致書莫登庸，迫令將土地人民歸附，賜以一死之罪於是莫登庸派阮文泰等出使明朝，請求歸降。

庚子年間（一五四〇年）莫登庸見明軍有準備攻越態勢，甚為驚慌，乃留莫福海在朝暫理國事，莫氏本人偕侄莫文盛，黨屬武如桂及將領四十餘人，親趨南關，跣足帶枷，親到明將毛伯溫叩頭請罪。呈奏章後，莫登庸將越南之田土戶口冊籍呈納明將，並願獻出犀扶，金樂，古林，留吉，拉扶等地，歸屬廣東之欽州，並令送金帛等物於明朝。

明將外表雖假作恐嚇，要派軍來平定越南，但亦恐遭遇前昔平定王之抵抗，又因為莫氏進貢金銀，故其熱誠為國之心亦漸淡去，於是呈奏明帝，要求策封莫登庸為明朝二品銜都統使。因此，明朝已直接承認莫氏在越南主權矣，莫朝各帝，沿黎朝制度管制越地。

五歲已有神童之名，十六歲中鄉解，卅三歲中黃甲。黎氏領使命携送方物進貢中國，到南寧時，廣西總督開箱檢查貢物，發覺替身金人並非眞金，乃上奏明帝，明帝以無禮之罪，下獄黎氏於北那關，以蜆殼蓋黎氏雙目，並聲言曰：〝俟何時雄羊生子，馬生角則予子回國〝。黎氏態度自若，毫無恐懼，時屬隆冬，常袒腹於陽光下曝曬，明人有問，黎氏指肚曰：〝晒肚中書籍，免其發霉矣。〝明人聞說：以其口出大言也，乃難之，令卽背誦〝大學〝全書，黎氏背誦如流，不遺一字，朝臣見此，乃為之奏請明帝，釋放黎氏。黎氏雖獲釋放，但仍未得回越。寓居驛旅，閒來無事，曾編詩集二：〝詠故鄉之前輩〝，及〝思鄉韻錄〝，其中有詩兩首，詠黎景恂及武瓊者，情辭淒切，極為傷感。黎氏之才學，漸為京中人士賞識。有舉人鄧紅神者亦師事其門下，後鄧舉進士，派任廣東知縣，族且擢任京官，見光秘淹留中國已久，乃將情由上奏明帝，明帝令朝見，慰勉有加准黎氏回越。起程之日，鄧紅神為之設宴餞別及墊送金帛甚厚。黎氏出使中國，在中國滯留達十七年之久，幾與漢之蘇武出使絕域無異。迨黎氏返國，越南已易新朝（莫朝憲宗年間，一五四一至一五四六年）得越朝新君封為史部尚書蘇川候，死後更得追封為少保蘇郡公。

明軍陸續撤退，從此，越南又回復其昔日之自主態勢。自是，越南謹依和好邦交成例，三年進貢方物一次。越使到中國皆顯異才，甚得漢人敬重。

黎仁宗太和年間（一一四三至一四五三年），越南狀元阮直，榜眼鄭鐵長，常出使中國，遇試，二人亦參加應考。鄭氏文章稍優於阮氏，鄭乃謂阮曰：〝在祖國我中榜眼，而君中狀元，來至中國又何能使君居我下，不若于應試時，我假作一錯字，則我名居君之下，免貽外邦笑我國選材不精也。〝鄭氏試文中有句：〝南之豬北之馬〝，而馬字則故意只點三点，因此，鄭氏文章雖好，然以馬字三點故考中榜眼而已，而阮氏則中狀元。（兩氏在中國中狀元榜眼一事，是否屬實，未見載於我國冊籍。編者附誌）。

據云，當時士大夫對於鄭氏寫〝北馬〝之馬字，只點三點，即三脚馬，甚覺不滿，故兩氏返國時，即受時人戲謔，將鄭氏坐騎縛起一脚，鄭氏倘無法騎三脚馬，則惟有留落中國矣。鄭氏乃將馬加一木脚，於是馬仍能行，當時士大夫見鄭氏如次靈敏，遂為之解馬脚，鄭始得與阮幷騎返國云。

另有越使黎光秘者，出使中國，（黎光忠年間）當時黎光秘係以戶部左侍郎職出使中國。黎光秘係黎乃之子，黎叔顯之孫，黎景詢之玄孫，海陽省慕澤縣人氏。

至如此，雖率於國人之不得已，而亦臣等之罪也。然其所獲官軍馬匹，一皆收養，秋毫無犯。臣等與國人計議，以為王師不班，兵必再舉，小國生靈之苦，終無休息，將前備情呈書，及其呈情本，遺黎某大頭目節次赴總兵官成山候王通等軍門呈訴，請乞班師，轉行奏達，蒙准奏請於本年十一月內班師。臣修整橋道，備辦脚力粮，至日應赴回還。臣自知負罪深重，進退兩難。竊思惟天地之於萬物，雖有雷霆之怒，而生生之意。每行乎其間，父母之於衆子，雖有笞扑之威，而鞠育之恩。實存乎其內，是以人有疾病，則未嘗不呼天地，呼父母。此臣之不能不瀝懇陳詞，以伸哀籲者也伏望皇上依太宗文皇帝訪求陳氏子孫之詔，念臣祖宗先入朝貢之誠，赦臣丘山之罪，寬臣斧鉞之誅，使臣得嗣服南荒，輸貢天闕，是非獨臣一身一家之幸，實亦一國生靈之幸，而臣祖宗亦豫浩聖恩於地下矣。臣惟銘心刻骨，孝順輸忠，奉表稱臣，歲貢罔缺。謹將代身金人銀人賫捧謝罪表文，所貢方物，並起送印信回京，官軍人馬，一同進到，備細文冊一本，差頭目黎少穎等，賫捧赴京，今將告數目開呈，謹具奏聞，伏候敕旨。"

明宣宗閱奏後，明知虛情，然亦樂於接受，俾結束此場征戰也。予羣臣閱讀奏章後，眾人同聲議和，明帝卽派禮部侍郎李奇，親到越南策封陳暠為安南王，並廢布政司及撤兵回國。

綢緞卅匹。象牙十四對。

薰蕙香十二瓶，香塔二萬個。

沉香廿四枝。

又奉還明朝銀印兩枚，安遠侯柳昇將軍之軍符一對，及被捉之明軍官兵人名單乙份。餘外，平定王復用陳暠名譽，向明帝上奏云：

"安南國先陳主三世嫡孫臣陳暠，大頭目臣黎其等，謹奏為陳情謝罪事，臣竊維普天之下，莫非王土，率土之濱，莫非王臣，當太祖高皇帝龍飛之初，臣祖陳某。先入朝貢，特蒙裹寵，錫以王爵，自是世守封疆，朝貢罔缺。頃因胡氏篡奪，太宗文皇帝興師討罪，克平之後，詔求陳氏子孫，以奉宗祀。時總兵官未及遍求，豪聽土人所言，奏稱陳氏子孫，俱被胡氏子孫誅滅盡絕，遂置郡縣，設官分治，臣暠先因國亂，奔竄老撾，，欲以苟延殘息而已，豈意國人狃於夷習，追思臣之先世，逼臣還國，臣不得已而強從之，雖其倉卒出於國人之所逼，而亦臣不能裁度之罪也。乃於宣德元年，回還本國，一國之人，悉皆歸附，各在陣失陷官軍人等，臣擬具本起送回京，及差人進貢，呈請謝罪，緣於軍前再三致書，並不聽從，於是國人恐懼誅戮，遂相率守備關隘，以為自衛之計，豈期新來官軍，遇象驚駭，自相奔潰，事

政馬騏，務行苛虐。生靈塗炭。天下怨嗟，掘我邑之墳墓，虜我民之妻子，生者受害，死者含冤，卿等深察時機，詳明時務，斬方政馬騏之首，送赴軍門，則免城中魚肉，蘇國內瘡痍，和好復通，干戈永息，若欲班師振旅，則修整橋樑，辦備船隻，水陸二途，惟意所欲，送軍出境，萬保無虞，臣禮不虧，貢物不闕，如其不聽，則當整軍布陣，交戰平原，以決雌雄，以見巧掘、不可深居窮窟，以效老嫗之態也。"

明軍自萃峒失敗後，王通派人回奏朝帝，要求加派援兵。不久，明軍舉兵由滇桂而下，攻打越南，結果，安遠侯柳昇被斬于道馬化山（即今越北溫州梅山鄉之馬鞍山）而保定伯梁明亦在陣上被斬死，兵部尚書李慶自殺死，工部尚書黃福及都督崔聚與三萬軍兵俱遭生擒。王通聞援軍到後亦遭大敗，懼甚，於是致書求和。平定王亦首肯，乃偕王通設壇東關，相約於冬末班師回中國。

平定王既與王通言和，明軍在西都及其他各地者均解甲。平定王隨派黎少穎，黎光景，及黎德煇等携方物及奏章往明朝進貢，進貢方物如次：

替身金人兩座（即柳昇，梁明二將）。

銀香爐乙座。銀花瓶一對。

天命與之，人心歸之，非吳國所能奪也。且古之毫傑，未遇而隱，見時而作，是以伊尹莘野之耕失，太公渭水之釣父，一為王者之佐，一為王者之師，是豈豪貴之人耶？貧賤之人耶？如燕之摹容，趙之石勒，此是中國之人耶？朴野蠻貌之人耶？深味卿言，眞蠻獠小人語，非中國人之言也。今計窮力盡，士卒疲勞，內乏粮儲，外無救援，空取蕞土，假息孤城，豈非俎上之肉，釜中之魚乎？更欺誑吾民，踰以非義，彼忠臣義士之人，雖窮厄時，臥薪嘗胆，不肯異圖。奈何今日肯信卿等不義之言乎，但恐城南中之人懷舊主，及吳人之不勝困苦，共害卿等，相繼來降，如張飛呂布反為羣下所害，此必然之理也。今各城自都司以下，恨卿等詐已，誘以屠城，或奪身而踰壘，連告攻具，繕修車梯，被因之人，反相殺戮，何必我之士卒乎？今為卿籌之，其敗有六：潦水橫流，牆柵崩頹，樵蘇匱乏，馬死兵疲，此一敗也。昔太宗擒建德而世充出降，今長關險塞，兵象俱屯，援兵若至，萬一必敗，援兵既敗，卿等成擒，此二敗也。健兵肥馬，今在北地，防備元兵，不遑南顧，此三敗也。干戈屢動，征伐頻興，人不聊生，嗷嗷失望，此四敗也。奸臣專政，弱主當朝，骨肉相殘。蕭牆起禍。此五敗也。今我興起義兵，上下同心，英雄盡力，士卒日練，器械日精，且耕且戰城中疲弊，自取滅亡，此六敗也。今取一蕞之城，以待六者之敗，深為卿等惜之。古云：遠水不能救近火，如有援兵之來，亦何益於敗亡乎？昔者方

而人同一心，此不同二也。今大人幸能不以人廢言，决成歸志，今得親信之人，同山大人過江為會，僕卽退師石室之清潭州，以候出處，如其不然，未知何也已。“

丁未年六月間（一四二七年）顧興祖領軍一路來越相助。亦被平定王將領黎有黎倍等擊敗於化壘。王通因此甚感失望，惟有守候正式援軍到來而已。平定王知王通無能為也，於是再下書王通招降。書云：

”端肅奉書總兵官列位大人鈞座，夫善用兵者，在乎審時勢而已，得其時，有其勢，則變亡為存，化小成大，失其時，無其勢，則反強為弱，轉安為危，在乎反掌之間爾。今卿等不明時勢，更飾巫辭，豈不是庸劣匹夫？何足與言兵事也。往者內懷詭詐，外托謀和，掘壕築壘，坐待援兵，心迹不白，內外不一，安能使我必篤信而勿疑乎？古人云：‘他人有心，予忖度之‘，此之謂也。昔秦吞併六國，專制四海，德政不修，身亡國破。今吳之強不及秦，而苛刻殆甚，不滿期年，必相繼而死，所謂天命，非人力也。方今北有天元之敵，內有潯州各據內外之憂，江左一區，不能自守，況有他國之圖哉，卿等不諳事勢，為人所敗，竟托張輔欲籍其威，此豈大丈夫哉？抑亦婦人耳。當今事勢，雖使上位舉兵而來，亦促亡耳，況於張輔自至送死，何足道哉。昔漢昭列劉氏之遺派耳，孔明能使大業復興，況皇陳之子孫乎？

書發後不見復，平定王再作書勸諭，詞意婉轉，剛柔幷凑，甚為得體，該書亦係致王通者，（成山候）書云：

”書達總兵成山候鈞座前。昨者奉書，未蒙報示，差人往候。又却不與。回是大人前日言行不符，果何在乎？僕以小國事大國之道，宜當敬畏，且以大人前日所言者，于義弗忍絕，故累奉書不憚煩數，然卒不得所願，不知是勢使然耶？僕竊為大人計，不如班師凱還，以解兩國干戈之苦，以免國家窮黷之禍，以成興滅繼絕之義，以視王者一視無私之仁，上焉不負朝廷委任之隆，下焉不失將臣出國之義，名垂史冊，豈不偉哉！與其襲漢唐好大喜功之弊，豈若行仁義吊伐之師？今乃舍此不圖，惟汲汲于築城鑿池，每日狼顧城門，偷掠柴草，何至若是自苦耶？大人若謂城池險固可恃，則僕恐遠水不能救近火，若謂城中勇敢之士尚多，欲決雌雄於一戰，則僕昔在可藍茶麟之日，公等以數萬之衆，兵強志脱，而僕以數百父子之兵，猶能迎刃而解，以成破竹之勢，况今以演義清化，新順，及東都諸路，選其精鋭者，不下數十萬人，則其雌雄之勢，可坐而策也。然國之盛衰，一關乎天，兵之強弱，不在乎多，而大人每以往日胡氏為喻，僕以為今日之事。與往日不同，夫胡氏欺天虐民，而臣敬天順民，順逆不同一也，胡氏之兵百萬惟百萬心，僕之兵不過數十萬，

經過一場大敗，退守東關之後，又見各城陸續開城報降南軍，王通知情勢危急非常，于是一方面派使向平定王議和，一方面又急遣使飛報朝廷，請求援軍，不獨此也，恐朝廷派軍來遲，更向廣西鎮守使顧興祖求救。

平定王見王通差使致書求和，甘願大軍撤退回國，乃准之。但其時有越人陳風梁忽等扶助明軍，深恐明軍一旦撤退，則彼等定遭殺戮，乃以烏馬兒前事勸阻王通回軍，王通從之，故表面上雖言和，但暗中又掘壕築壘，且派人返國求援。帶書人為平定王捉獲，王怒甚，乃中止與王通開和好之邦交，且致書責王通山壽等，書云：

"僕聞信者國之寶，人而無信，其何以行之哉？前者得書併使人來言，約以和解，一一俱已聽從。今見城中猶掘壕放矢，高棚樹壘，壞古器以鑄火筒，修戰器，是大人等將班師回京耶？將固守城池耶？俱不可得而知也。傳曰："不誠無物"蓋心不誠，則事皆虛妄，大人誠能不棄前言，凡所行之事，要宜利害明白。班欲師則班師，欲固守則固守，何以陽言結好，陰懷異圖？不宜前後相反，內外不一若此也，夫小民愚而神，雖以僕昏憒無知，然必若孔子所謂視其所以，見其所由，察其所安，則人之情偽毫髮，有不容隱者矣，不宜。"

”示爾虐賊方政，夫善用兵者，無險無不險，無易無不易，勝負在于將，不在于地之險易也。入險而鬥者，如兩虎鬥於空谷中。善用者勝，誤用者敗，是以地無常形，戰無常功，何險易之有哉？汝若不退，必引兵以決戰焉。“

丙午年間（一四六二年），越軍下山，到叉安城外挑戰，明軍緊閉城門，不出迎戰，平定王乃帶兵圍城，然明軍仍固守，于是平定王又致書云：

”示爾虐賊方政，吾聞名將貴仁義，賤權謀，爾等權謀猶不足，況仁義乎？昔者汝書之來，眞笑我首鼠竄伏山林，不敢出平原坦地以相攻。今我已至此叉安城外，皆為戰場。汝謂此為山林乎？平原乎？汝乃閉城固守，正如老嫗矣，吾恐汝等不免巾幗之辱矣。“

其後，平定王第四次作書致明將方政，書云：

”夫圖大事者，以仁義為本，成大功者，以仁義為先，惟仁義之兼全，故事功之必濟，爾國因胡氏失道，假以吊伐為名。濟其暴戾之實，侵奪我疆土，漁獵我民生，重賊繁刑，搜求珍異，閭里小民，不得其養，仁義固為是耶？今民怨神怒，繼有大喪，曾不知內省厥躬，而乃黷武窮兵，甘心遠略，使十卒暴露，人民塗炭，吾恐季民之憂不在顓臾，而在蕭墻之內也。“

皆被殺戮，曾不放回，僕計無所出，於是奔亡逃匿，偷生數月，以侍上司之察情，糊口山林已經六歲，日嘗兩飯，未曾一飽，然精衞豈辭填海之勞，寃酷不顧死生之報，因率其衆以襲杜富之家鄉，虜彼宗親皇巷，庶得攄其宿忿耳，非敢他志，今聞總兵官大德浹人，餘恩及物，以鄧禹諭敵之心為心，以黃霸化民之政為政，誠僕改過自新之日也，虔差從兄黎運等，奉書敬詣轅門，陳寃哀籲，伏乞赦既往之愆，許以自新之路，倘垂寬宥，乾坤造化之力也。"

當平定王駐軍於清化山林一帶之時，明將方政，致唐問罪，王卽令阮廌復書云：

"示爾虐賊方政，夫為將之道，以仁義為本，智勇為資，今爾等從持詭詐，慮殺無辜，每陷其衆於死亡之地而不之恤，天地所不容，人鬼所共忿，是以連年征伐，常取挫敗，而不能先為之改過，乃猶起穢以自臭，悔將何及？況今春水方生，嵐瘴流毒，其勢不能耐久，今爾徒擁大兵，逗撓不進，使軍人染瘴癘而死，是誰罪過？兵法曰：仁者以弱制強，義者與以寡敵衆，爾今欲戰，則宜勒兵相攻，以決雌雄，毋徒苦兩軍為也。"

明將方政讀書後怒甚，卽作書罵平定王，謂如欲一決勝負，可下軍平原地帶，平定王再令阮復書如次：

兵五千，護送陳添平回國，胡季犛聞報，派各軍到支稜打退明兵，並捉護陳添平，解京殺戮，其後，明成祖派成國公朱能，及新成候張輔舉大兵來攻，胡氏不敵，盡被擒於高望，從此，越南完全隸屬明朝。

藩屬明朝期間，每年，越南要進貢明朝貢物如次：穀米十三兆八十萬斛，象，牛馬等十三萬五千頭，戰船八萬七千艘，及軍器二百五十三萬九千件。

明成祖永樂十六年（一四一八），黎利及黎石黎柳諸將起義於藍山，（黎利籍貫中越清化府水源縣藍山村）自稱平定王，搏檄天下，歷舉明朝罪狀，並申述起義宗旨。十年艱苦抗戰途程中，黎利與明將書翰往還甚多，聞多出自文臣阮廌手筆云。

王寅年（一四貳貳年）平定王三次失敗回兵，曾兩月無糧，盡殺軍中馬象充飢，將士疲乏，俱有倦意，力請平定王與明軍言和，由黎運持書前往。書曰：

"僕聞生太平之世，人莫不得其所，遇聖明之時，人莫不遂其生，今僕生長明時，遭逢盛世，而嘗有失所之嘆，何哉？往因鄉人之縣，杜富與僕有隙，彼賂參政梁汝笏，謂僕欺慢土司，恃強跋扈，若不圖之，必生後患，汝笏乃告管兵官及內官馬騏等，因發官兵來襲僕衆，不問老幼，並為斬馘擒俘，族黨俱亡，妻兒分散。發掘祖父墳墓，骸骨暴露，僕無所控訴，進退維艱，乃遣親人詣三司謝罪，使者再三，

陳事陵夷未可期，含寃抱恨有天知，
南方臣子懷忠義，誓國捐軀伐季厘。“

當明成祖平定北方元朝餘黨後，有意取越南為屬地，故胡漢蒼派使到朝貢時，元成租亦派楊僕大臣往越察看眞實情形。胡季厘便令官員及父老等上表陳奏明朝，其奏文壹如越使以前所奏者。因此，明帝無計推辭，迫得策封胡漢為安南國王。

甲申年間（一四〇四年），有陳康者，自老撾取道雲南赴燕京，冒名陳添平，自認為叉宗帝之子，向明帝細奏胡季厘簒逆之事，明成祖卽派李綺御史來越調查此事，李綺回奏簒奪帝位事實。

乙酉年（一四〇五），明使來越，取回祿州之地，先時胡季厘不從，後亦願割姑勞五十九村之地與明，並謹依朝貢。但明帝仍時責胡氏簒逆之罪，胡氏派使者往明，俱為明拘留不准回國，而明使者則往來頻繁，詳查越地山川險阻情況，為將來進兵之謀。

自李綺使者回國後，胡氏亦派使往元謝罪及請求迎陳添平回國。其時，陳添平在中國，亦請明帝派兵復仇。丙戌年間（一四〇六年），明遺督將韓觀及黃忠等領

胡漢蒼卽帝位，（一四〇一至一四〇七年）卽遣使到明朝，假說陳朝無嗣，故以外孫之資格攝朝政。當朝氏羽翼謀專陳朝帝位之時，卽遭陳朝戚系反對，一派潛組實力於國內，另一派則向外求援，此輩大部份係官使士大夫，以裴伯琦，及黎景詢為代表，裴且親往明朝請求除胡復陳，當時裴氏曾向明太宗上奏云：

"臣祖父皆執政大夫，死於國事，臣母陳氏進族，故幼侍國王，官五品，後隸武節候陳渴眞為裨將，洪武末年，渴眞軍寇東海，而賊臣黎季厘父子殺主篡位屠戮忠良，滅族者以百十數，臣兄弟妻孥亦遭害，遺人捕臣，欲加誅醢，臣棄軍遠逃，伏處山谷，恩詣闕庭，披瀝肝瞻，輾轉數年，始覩天日，臣窃惟季厘乃故經略使黎國耄之子，世事陳氏竊叨寵榮，及其子蒼，亦蒙重任，一旦得志，遂成篡奪，更姓易名，僭號改元，不恭朝命，忠臣良士，疾首痛心，願興吊伐之師，隆繼絕之義，蕩除奸凶，復立陳氏之後，臣死且不朽，願效申包胥之忠，哀鳴闕下，維皇帝垂察焉。"並附詩兩首言志，詩云：

"孤臣忠孝效胥為，跋涉山川上帝畿，
碎首玉墀滂淚，仰祚聖主向無阼。

"廣寒一片月，"

噫！雲散、雪消、花殘、月缺。"

莫氏此篇祭文，雖廖廖廿九字，但已深為當時士大夫所稱賞，且載於中國歷代文獻云。

不久，元朝衰微，朱元璋起兵於安徽之徐州，據金陵，十五年間滅元而有天下，奠定明朝基業。

戊申年間（一三六八年），當陳裕宗年間（一三四一至一三六九），明太宗遣使來越，勸諭越朝，裕宗派禮部侍郎陶文往進貢明朝。越人雖來貢，但明朝無時不存心窺取越南，常遣使臣來越諸多勒索，甲子年間（一三六四），明太祖遣使來越，令越南供給穀五千石矛駐越之明軍將士，來年，又遣使來，帶僧侶二十人往金陵，又令貢貴重木材，納賦稅，目的在測驗越南當時之情形。

胡氏叛反，篡少帝而自稱帝（一三九八至一四〇〇年）。改胡，號"大虞、即位一年，讓位于子胡漢蒼，自為太上皇，同理國事。

深冬某夜，莫赴元朝丞相府宴，與宴者盡屬當朝文武大臣，宴將畢，莫氏閒見相府當中懸壹名書，書中繪一鴉棲於竹枝之上，筆書簡單，但奕奕如生，在醉態朧朦中，莫氏竟把書鴉當眞鴉，趨前撲捉，舉座哄然大笑，莫氏自知失儀，乃計上心來，隨將書扯下，撕毀之，從容回座，坦然自若。某大臣乃質莫氏曰：

"敢問安南狀元，撕毀相府寶書，究是何故？"

莫氏從容答曰："余常見繪鴉棲于梅，今乃繪鴉棲于竹，故我撕毀，雖知，竹乃君子者也，鴉乃小人者也，今竟以小人而高踞君子之上，此風一張，誠恐小人之道日盛，而君子之道日衰也。"舉座聞之，無不悅服，由是明日隆，時下士大夫來與莫氏交者日衆。時適元公主病終，舉行祭吊之禮，莫氏得禮部尚書荐為司祭官亡，任讀祭文，不意祭文中只有四個一字，莫氏卽已意會，此舉實士大夫欲雖己者也。于是，泰然起立祭，朗誦四個一字之祭文：

"巫山一朵雲，"

"紅爐一點雪，"

"上苑一枝花，"

一國生靈，萬口一辭，共祝聖壽無疆于萬萬也，微臣無任瞻天仰聖，激切屏營之至。謹奏。

至元二十六年叁月。

其時外交文字措詞雖甚卑恭，然仍包涵軒昂不屈之氣概。元帝自經兩度用兵失利，表面上雖以越通好，但其內心，則無時不忿激，無時不俟機以圖報復者也，延臣獻議，先派使勸越主來覲，苟彼不從，方行舉兵，元帝從之。乃派尚書張立道出使安南，仁宗藉詞在喪，拒不往，遣使者阮代乏代己前往。阮代乏到宋，虛奏仁宗明年來朝。到期不來，元帝復遣史部尚書梁曾及禮部尚書陳孚來越，摧仁宗上道，元朝使臣雖多方迫逼，仁宗終不往，僅派使者陶子奇携方物往宋朝貢而已。元帝不見越王來朝，乃禁使者子奇，並令劉國傑擇日起兵攻越，未出師而元世祖崩，元成宗繼位，乃罷前事，並釋越使返國。由是，中越邦交又復通，再無干戈往還矣。

陳朝越外交人員輩出，蜚聲異邦者不少，其最著者有杜克忠，丁拱垣，莫挺芝等。

莫挺芝出使中國，係在庚戌年間（壹叁一〇年），莫氏雖屬株儒，相貌不揚，然奇才華智慧，實超凡出衆者。

間二參政落後，緣於大軍纔退，意恐參政未息怒心，必興禍害，是以慢慢行遣，豈其微臣無福，事與願違，樊楫參政忽遭熱病，迎臣盡其所有藥物購丁部醫人療之。不何漸至身亡，微臣火葬修功德訖，因給馬匹付他妻妾，駝其香骨，千戶枚世英等為之護還，劉天使至日，亦云已抵邕州，兀茲平日館待，敬之與否，問諸妻妾亦可知已。

烏馬兒參政，當陸續回去，彼以歸路，經由萬劫，因諸先就興道整其行具，不幸夜間船為水漏，參政身材長大，難於拯援，遂至溺亡，小國人夫，尋亦俱死，他之妻妾小童，幾於陷沒。賴其輕小，救得乃免，臣火葬修功德，天使郎中有眼親見，其或不恭，有妻妾在，難可掩藏，微臣謹具送禮，亦付之妻妾，一同舍人，郎中續後回國，外存別數，微臣即差軍計八十餘人，其間或有頭目皆不知之，今蒙詔諭，微臣更行搜索，所得軍人頭目若干名，軍人若干名，並從天使回去，別後尚有遺亡猶未盡到，微臣亦當教遺，不敢一留。

伏望陛下山海包涵，汙垢發納，旒其目明，廣其耳聰，一一寬宥，置之度外，微臣得一生保領，以終事大之心，便期世世生生，粉骨碎身，圖報聖恩萬壹，抑亦

至元二十伍年四月。“

”方今三月春媚，萬景敷榮，恭維聖躬起居萬福，微臣於至元二十六年三月初一日，見劉徵天使等奉賚綸詔，及將小國使臣阮義全等數輩同歸，微臣不勝欣幸。謹於正殿焚香拜讀，至趣裝一同來見，微臣神魂俱喪。心腑如摧，所謂樂未極而悲來，苦未終而懼至也，微臣僻處海隅，久嬰疾病，道途遙遠，水土艱難，雖命由天數之所付，而死乃人情之所怕，加以大軍殺伐尤多，兄弟無良，構讒不少，往者國叔遺愛，的是逃亡，及誣指為專殺，而仲弟益禍，將使軍前代拜，乃先去以為已功，又況遺人代奏，輒為訛言，微臣十死殆無一生，陛下德過唐虞，明並明月，誠偽無所不周，悉徵無所不燭，是以大軍前後屠滅，微臣惟以忠順二字，銘於心腑。方物之信不曾廢缺，蓋恃其聖人在上，天日照臨，未有不明者矣，大軍纔去，天使未來，微臣已差中大夫陳克用從義郎阮孟聰、希齎陳謝，菲物詣獻尚蒙寬宥，曲賜矜察，諒亦明見，微臣怕死貪生之意，除外別敢無行迎逆事也。

去年小國百姓，送到遺軍，微臣親問，只得昔捩機大王烏馬兒參政，樊楫參政三名，百姓皆言殺他妻子，燒他房宇之故，多欲肆行非義，惟微臣深自庇護，厚加給養，妻妾完全，衣食充到，先備行禮物，特差使臣從義郎阮盛隨昔捩機赴闕，其

政，說與國人，傳報臣云，你走上天，我上天去，你走入地，我入地去，你逃水裏，我水裏去，你逃山裏，我山裏去，百端毀辱，不可容言，臣聞斯語，愈行遠遁，迨蒙太子矜恤，曲從小國，情願發回大軍，烏馬兒參政又領船軍，別出海外，盡捕海道邊民，大者殺之，小者掠之，至於懸縛解剖，身首異處，百姓逼死，輒起鳥獸之禍，微臣自恐累及，親行制止，道遠已無及者也，嗣見百姓送到，昔戾機大王一名，稱係大國貴戚，臣於是日平禮相待，極加尊重，敬與不敬，大王必知。若烏馬兒所行酷虐，大王眼見，微臣不敢妄道，小國水土甚惡，炎瘴甚繁，臣愚住坐欠淹。咸生疾病，雖微臣盡於奉養，亦不免貪利邊功誣奏之罪也，微臣謹具行路禮物，差人前就界首，迎送大王回國。

伏望陛下德配乾坤，恩過父母智可以燭幽顯，辨可以識眞偽，願垂矜察，密加寬宥，庶令微臣免于罪戾，得全始終事大之意，豈惟微臣與一方生靈，死生骨肉，世受生成大造之恩，亦普率諸國，實蒙陛下仁心無間之大幸也。此外大軍遺亡者千餘人，臣已發令歸了，或後別有見知，臣亦尋教回去，小國近遭兵火，今且天氣尚熱，貢物人使，難於卽辦，待至冬間方可遣發，臣下情無任叩天籲聖惶恐昧死伏罪之至。謹奏。

萬里上林無雁到，三更函谷有雞鳴，
金戈影裏丹心苦，銅鼓聲中白髮生，
已幸歸來身健在，夢中猶覺瘴魂驚。

元軍攻越雖兩次失利，但越南究係小國，終有不敵之虞，且戰禍連年，生靈塗炭，萬民受苦。戊子年冬（一二八八）仁宗派杜千秋出使元朝，願照舊例朝貢，元帝亦願通好。該時代兩國文書往來甚多，茲舉數篇為例：〝安南國世子微臣陳日燇，惶恐百拜昧死伏罪，上言于上天眷命皇帝陛下聖旨，方今薰風解慍，欽維聖躬起居萬福，微臣父子歸順天朝三十有餘年矣，雖微臣因攖疾病，道路遼遠，陛下置之度外，而納貢方物，使臣來獻，未嘗欠缺。

至元二十一年，阿里海牙平章貪厥邊功，迎却聖旨，是以小國生靈，化為塗炭，大軍回後，微臣知其下情壅塞，惡語見誣報，稱及臣成罪，特差通侍大夫阮義全，協中大夫阮義榮等奉齎進貢方物。前詣款請，意謂必加矜恤，豈其並不回歸。

至元二十四年冬，又見大軍水陸進攻，焚燒國內宇宅，開掘祖先墳墓，虜掠民間老少，摧破百姓產業，諸殘酷行，無所不為，臣以次怕死，先己逃去，烏馬兒參

不卑不屈，且說"家狗會咬主人"，眞乃善于應對，堪稱不辱使命，有此人才，越南未易謀也。"

元軍攻越兩次失敗，軍心似有胆怯之表現。

黎貴惇氏所著之"見聞小錄"一書中，會紀華使陳剛忠在越之事，陳剛忠係於越南大破元軍之後來越者，氏對越南之風土習慣有極詳細之記述，得仁宗賜宴後，氏有如下之一段敘述，"越使常宴於集賢殿，歌者男女各十人，席地坐于殿中，有琵及琶秦代獨弦琴，琴音與歌聲相和，歌後再和以唱。殿下有竿上行走之遊戲及舞蹈。以錦緞圍于身上，無，跳，大聲疾呼。婦女足趾俱塗蔻丹，立于台前歌舞，另有裸體小童十餘，手握手圍走歌唱，一人拍手，餘人和之，舉動整齊劃一。所唱歌調，有莊周夢蝶，白樂天，母別子，答歌，清歌等，至于歎世文則極盡悲慘之詞意。大宴設于殿前，大樂班則設于殿後，音樂歌手則隱蔽不見，每次斟酒，軍士齊聲高呼"奏樂"，旋聞樂聲及歌聲大作，曲詞有"江州龍"，"人黃對"等曲，歌調仿似古樂，但聲調稱為短促粗重。……"陳剛忠對越軍之勇于作戰，甚表敬仰，有詩為證，詩云：

少年偶此請長纓，命洛南州一羽輕，

宗聞報，卽派大將軍引人馬一路北上，迎擊柴軍逆賊，柴通被越軍射傷一目，逃走返國，陳遺愛被捉，解去充軍。元帝遂藉柴通受傷為名，派太子及烏馬兒領大軍五十萬來攻越南，但是次元軍亦大敗而回。

在干戈擾亂之際，越使亦曾一度親赴元軍營寨，進行議和工作，是卽乙酉年間之事也（紀元一二八五年），蓋元軍于佔領諒山後，進軍至萬劫，越軍敗走，戰船全部損失，元軍乘勝下武寧，嘉林，東岸等地，其時，另一枝元軍，循海路攻占城者，亦折從陸路進兵至義安（越中）在此危急情勢當中，仁宗便欲遣將至元軍營要求停戰，順便察看元軍情形，越將杜克忠願領此重責，抵步時，烏馬兒質問越使曰：〝爾等軍士，人人手足之上刺有〝殺韃〝二字，是誰指使？如此輕視天兵，該當何罪？〝杜克忠從容答曰：〝此乃軍士忠奮之心，自動刺紋，幷無人指使。家狗且咬主人，將軍為何盛怒如斯？〝烏馬兒又問曰：〝天朝大軍自遠方而來，爾等國王為何不前來相迎？而又敢抗拒大軍？〝杜克忠答曰：〝將軍不行韓信攻燕之計，駐軍邊疆，卽下書通報，而我等不來通好，是乃我等之罪。今大軍一鼓而下，雖知亡獸趕絕猶反噬，飛鳥趕盡且反啄，何況人乎？〝烏馬兒又問：〝天朝大軍借路打占城，爾等國王出迎，則萬事皆休，如若不然，山川踏為平地，爾等君臣便成肉醬，斯時悔之晚矣。〝杜克忠告辭回去。烏馬兒顧謂諸將曰：〝余以威臨越使，彼詞氣自若，

無將？何國無山村險阻乎？我國雖小，敢以螳臂當車者，為勢所迫也。“元世祖見越使對答如流，合情合理，無奈之何，乃着令越使回館休息，但元世祖仍不願放棄監治之權。且強迫越南履行以前所頒之五項規例，而聖宗亦不服。

元帝聞太宗崩，聖宗讓位，即派禮部尚書柴通使越，此次來越路徑係取道湖北之江陵至廣西之吳州，與從前各代使者取道雲南者有別。

柴通既抵越京，氣燄迫人，策馬直過唐朝門，隨着人持書責問仁宗：”為何不先行奏准天朝，遽爾自立為王？應即覲見天主謝罪方合。“仁宗派大臣出迎，柴通幷不回禮，越主排宴請飲，通亦不來，越朝廷臣人人忿慨，其後越主迫設宴於集賢殿，多次邀請，通始赴宴。席間，仁宗謂柴通曰：”寡人向生長宮中，不慣外間風土，故不能往覲見天子“。數日後，柴通返，仁宗托其奏上宋帝不能覲見之由。壬午年間（一二八二年），元帝復派使來勸越主謂：”越主如不能親往覲見，應進貢金銀幷醫卜星相等各二人。“仁宗遺族叔陳遺愛及黎俊黎目等，代己前往宋朝，覲見天子，但元帝仍未滿意，下旨設宣撫司，幷各僚屬到越，監視各州縣行政，元朝各官員到越時即為仁宗趕走，元帝見此，怒甚，遂立陳遺愛為安南國王，李目為翰林學士，柴通引兵千人護送陳遺愛，仁等返國，到鎮南關，即有飛馬報道越京。仁

辛未年間（一二七一年），忽必烈遣使來勸聖宗往覲，但越主推病不往。其後，元帝又派使者來越，找尋前馬援將軍所豎之銅柱，聖宗遣使奏復，謂銅柱日久湮沒，不知蹤跡。事亦寢。

乙亥年間（一二七五年），陳聖宗奉元帝詔書，不拜讀亦不重待來使，元太祖馳書往責，聖宗派黎佗及丁拱垣使元，元帝見越使喝問曰：〝你等便是南蠻使臣乎？〝丁拱垣對曰：〝啓奏天朝，蠻夷之國方為蠻，臣等越南係文獻之國，向無欺壓他人者，何得謂之蠻？臣等乃大越使臣，幷非蠻夷使臣。〝

元帝見越使答詞強硬，隨問曰：〝爾等蠻主，不自量力，敢傲慢天朝？〝丁拱垣理直氣壯曰：〝我主因臣服天朝，故派我等來朝貢，又何傲慢之有哉？〝問：〝既然如此，因何聖旨到來，而爾主不跪？又不重待天使？〝答：〝禮節徒掩人耳目矣，我等敬事天朝係發自內心，與圖事外表不同，苟無誠意歸附，即使供香案拜跪，亦虛有外表而已。至于使者，不過係天朝使臣之一員，陛下係大國之君，我王亦小國之主，屈居陛下一人則可，何能再屈于使臣哉？〝元世祖忽然喝曰：〝天軍所過，如摧枯拉朽，指川川涸，指山山崩，爾主何能，敢然抗拒？〝丁拱垣隨答曰：〝陛下倘以仁義治天下，則天下無不敬服也，苟全恃兵強將勇，則何國無兵，何國

前黎（九八〇至一〇〇九年）及李朝（一〇一〇至一二二五年）歷朝俱循先例，派使攜方物到中國朝貢，貢品主要者為金銀珠寶，象牙犀角，各種神香，木香沉香，砂仁，檳榔，朱砂，蘇合油等物。

越南陳朝繼李朝而有天下（一二二五至一四〇〇年）其時乃元滅宋統有中國之秋，越朝陳太宗年間（一二二五至一二五八年），元將兀良合台，遣使勸陳太宗臣服，太宗非但不從，且禁來使，又命陳國俊大獎帶兵北上抵抗，元軍雖排山而來，亦終敗北退兵而去。

陳聖宗年間（一二五八至一二七八年）元帝派使來越，為聖宗策封，幷令三年一貢，貢品指定以儒，醫，卜，星相，匠等各三人，及犀角象牙玳瑁等。

丙寅年間（一二六六年），元使復來越，陳聖宗派使往元答謝，幷求豁免醫卜星相各三人之苛禮。元帝又另頒六款：（一）越主親自來朝。（二）派皇弟或太子為人質。（三）呈報戶口冊。（四）服兵役。（五）納賦稅。（六）仍設官監治，但聖宗均不從。

不能上達宋帝，李朝忿恨，遣李常傑及宋丹提兵往圍欽廉邕三州，殺戮傷害軍民十萬，鹵掠人員金帛無數返國。

丙辰年（一〇七六年），宋軍來越復仇，李常傑率軍迎擊于如月江（今之北寧省球江）宋軍乃紮營於富良江。兩軍激戰甚烈，宋軍不能前進，因不服水土故，死傷過半，迫退軍駐守于廣源，思郎，蘇州，茂州等地。（今之高平諒山州縣）。

戊午年（一〇七八年）李仁宗派使者陶宗源攜大象往宋朝進貢，幷求發還廣源等地，宋帝以發還前所鹵獲，欽廉邕三州人民為交換條件，越主首旨，送還該三州人民二百廿一人，宋帝亦將廣郎各州發還越主。

甲子年間（一〇八四年），仁宗遣兵部侍郎黎文盛往宋朝商議分界事，越使據理力爭，卒得宋帝發回前據守之州地，從此，兩國邦交和好如昔。

丁卯年（一〇八七年）宋帝封仁宗為南平王。李英宗年間，（一一三三至一一七五年）宋孝宗改交趾郡為安南國，幷封英宗為安南國王。往昔漢人常呼越南為交趾郡，後改交州。唐朝改為安南都護府。越南丁朝時自號曰大瞿越（九六八至九八〇年）。李聖宗時改為"大越"（一〇五四至一〇七二年）但中國歷代俱封越主為"交趾郡王"，直至李英宗年間方改為"安南國王"，安南國由是出名。

九九〇年，宋帝復遣左正言宋稿及右正言王世作等，持制策來越，封黎桓為"特進"，黎帝於迎接華使時，常穿花布或紅布衣裳，滿佩珠寶，斟酒奉華使。

癸巳年（九九三年），宋帝加封黎桓為"交趾郡王"，來年，再封為"南平王"。

在此時期，宋使往來頻繁，但黎桓有時奉召不跪，見使不下馬，虛言剿盜傷足，宴頌席間，常以毒蛇猛獸配飲為樂，以示威武，其舉止傲慢不恭，為歷代越主所僅見者，此種自驕自大之態度，是否因小勝而驕之心理作祟，抑或非此不足以炫耀其武力乎？

由李朝庚戌年起，華越邦交再度恢復，（壹〇壹年至壹二二五年）李太祖順天元年，（一零一零至一零二八年）宋眞宗策封李太祖為"交趾郡王"。天喜年間，（壹〇一七至壹〇二一年）再加封為"南平王"。其後宋朝太宗及聖宗等改國號"大越"，俱受策封。（壹〇三四至壹〇七二年）。

李仁宗時代，華越邦交漸行惡劣，宋神宗用王安石新法，改革改治，王安石意圖立功邊外，遂派劉夷經略交州事務，劉氏使人繪山川軍事形勢，整軍器，修艨艟，禁鄰近百姓與交州人往還，李朝見此情形，遂上書稟奏宋朝，奏章俱為劉氏所阻，

言和，通好如初。天福五年。（九八五年）宋使復來越，回國時，黎大行帝（即黎桓）以金龜象牙等方物進貢宋朝，要求策封〝節鎮〝之職。來年十月，宋朝派左古闕李若，右古闕國子監李覺賚制策，封黎大行帝為：〝金紫光祿大夫，太尉安南都護，靜海軍節度使敬趙君，開國候〝制策中提及士燮開化及安定越人之功，趙佗歸漢之美德，黎桓敬謹受旨，厚款來使，並送回去歲扣押之趙郭等二人。同年，黎桓遣吳國恩出使，攜方物進貢宋朝，順奏占人百名來歸事。

天福七年（九八七年）宋太宗遣李覺再來越南，大行帝著杜法順禪師，化裝漁翁，迎於策江，李覺使者，素負詩才，見江上天鵝雙雙遊嬉，不覺詩興勃發，即口占兩律：〝鵝鵝兩鵝鵝，仰面何天涯〝。杜法順禪師隨和兩律：〝白毛鋪綠水，紅棹擺青波〝。李覺深為歎服，即題詩敬送該化裝漁翁，詩云：〝幸遇明辰贊盛猶，一身二度使交州，東都兩別心猶戀，南越千重望未休，馬蹄烟雲穿浪石，車聯青嶂泛長流，天外有天應遠照，溪潭波影見蟾秋。〝李覺辭別時，黎大行帝委吳眞流大師，（法號匡越）題詩贈李覺使者。詩云：〝祥光風好錦帆張，遙望神仙復帝鄉，萬重山水步滄浪，九天歸路長，情慘切，對離觴，樊戀使星郎，願將心意為邊疆，分明奏我皇。〝

丁先皇崩，儲君年少，宋乘此機會，欲窺取越南，集大兵邊界，十路大將軍黎桓見情勢危急，便用緩兵之計，不惜卑躬低首上書宋朝，以衞王之名譽，要求宋帝策封越主，書云：〝……世膺朝獎，僻居海隅，假節制於蠻陬，修貢于宰旅，屬私門之蒲祐，值先世之淪亡，白帛駿奔，敢稽於助祭，上茅世及，未預於守藩，臣父部領，兄璉，俱荷國恩，悉分閫寄，謹保封界，敢有背違，汗馬之勞未除，朝露之悲倏至，臣堂構將壞，衰裳未徐，管內軍民將吏藩裔耆耋等，共詣苫塊之中，俾權軍旅之事，臣懇辭數四，請逼念緊，將待奏陳，又慮稽緩，山野獷惡之俗，洞壑狡猾之民，倘不徇其情，恐或生異變，臣謹以攝制度行軍司馬，權領州事，伏望假以眞命（即冊封王位之意），令備列藩，慰微臣盡忠之心，舉歷延賞之典，克治遺業因撫遠夷，銅柱之墟，庶宜扞禦之力，象闕之下，永獻琛之誠，惟陛下俯憐其過，未引加罪。〝

宋帝不准奏，並遣使責問黎桓稱帝之由，宣旨曰：〝丁朝已傳三世，應封丁慧統帥，黎桓副之，如丁慧年幼，未克勝任者，黎桓應著丁母子來中國，然後再封黎桓以官爵。〝其實當時黎桓已為王稱帝。黎桓知宋帝意，因置若罔聞，一面暗自準備一切。辛巳年（九八一年），黎桓大破宋軍於支棱（今諒山之溫州），殺宋將候仁保，越軍雖不時獲勝，然何能久抗宋軍，於是黎桓復施行一貫之外交政策，遣使

越南自主期內之邦交

在千年藩屬漢朝時代，兩國間已無平等之邦交可言。在此時期，曲承裕實乃得漢室策封之第一人。曲氏籍貫洪州，（今之海陽省寧江府與平江縣）得唐照宣封為海軍節度使（九〇六年），治理交州，後封為"同平章事"。

曲氏亡，吳王權繼位，（九三七至九六五年），時中國多事之秋，諸侯作亂，無暇南顧，中越邦交無形間斷。吳王權力謀獨立，奠定越南自主之根基，萬勝王丁部領平定十二使君之亂後，自主態勢益形堅定。萬勝王即帝位，（九六八年）號先皇帝，國號"大瞿越"，都化閭。西歷九七〇年改年，稱太平元年，置王后，封阮菊為定國公，黎桓為十路大將軍，太子丁璉為"越南國王"，時值中國趙匡胤取周而有天下，即宋太祖初期，（九七〇年）宋太祖派潘美謀取漢南地，越主恐宋軍來犯，乃遣使往宋通好，由是，中越邦交又正式恢復。

壬申年，（九七二年）越丁先皇派太子丁璉携方物朝貢宋帝。來年，宋太祖遣使來越策封丁先皇為"交趾郡王"，丁璉為"靖海軍節度使安南都護"。再二年，加封丁璉為"交趾郡王"，此後，越南嘗遣使來朝。

趙武王願改國號之後，中越重啓邦交，無復水火矣。

趙武王卽位七十年，傳謫子"胡"。是為趙文帝。文帝性懦弱，不如武帝剛強。文帝時代，漢帝曾遣使來越，說文帝來覲，然為廷臣所阻。文帝遣太子英齊代己前往中國直至文帝崩，太子英齊方返國繼位，是卽趙明王是也。

趙明王在漢時，娶樛氏，生子興，返國卽位後封樛氏為后，興為太子。

趙明王崩，太子興卽位，卽趙哀王。斯時，漢朝遣安國卿少貴來越，遊說趙哀王，少貴前與樛氏有染，來越後，復與樛氏通，幷從中慫恿趙哀王，勸其歸漢。越將呂嘉洞悉哀氏等奸謀，多方規勸無效，乃集大臣會議，領禁軍入宮，殺漢使弒帝及后。事聞于漢，漢帝卽派伏波將軍再度平南，越朝太傅呂嘉將軍抗拒不敵，挈趙陽王出走，卒為漢軍截獲，君臣同蒙於難。

漢軍卽佔越南，改為"交趾部"，分為九郡，置官治理，一如漢地。從此，越南淪入北屬者千年，越史冊中遂留下此段可悲之邦交印象。

亡一乘之使以通其道，是爭也，爭而不讓，仁者不為也，願與王分棄前惡，從今以後，通使如故。故使陸賈往馳諭告王以朕本意，王亦受之，無為寇災矣。"

文帝仁慈博愛之心，滿露字裡行間，好勇鬥狠之武王卒為之感動，復奏云：

"蠻夷大長老佗，昧死再拜上書皇帝陛下，老夫故越吏也。高帝幸賜璽綬，以為南越王，孝惠皇帝即位，義不忍絕，所賜老夫也甚厚，高后用事，別異華夷，出令曰：與，即予，予牡母與牝，老夫處僻，馬牛羊齒已長，自以祭祀不修有死罪，使內史藩，中尉高，御史平，凡三輩上書謝過，皆不及，又風聞老夫父母墳墓已土壞削，兄弟宗族已誅淪，吏將與議曰，今內不得振於漢，外無以自高異，故更號曰帝，自帝其國，非敢有害於天下，高后聞之大怒，削去南越之籍使，使不通，老夫窃疑長沙王讒臣，故發兵以伐其邊，且南方卑濕，蠻夷中，東閩西甌，幷稱王號，老夫稱帝，聊以自娛，豈敢以聞天王哉！老夫處越四十九年，于今抱孫焉，然夙興夜寐，寢不安席，食不甘味，目不視美曼之色，耳不聞鐘鼓之音，以不得事漢也。今陛下幸哀憐復故號，通使如故，老夫死骨不腐，改號不敢稱帝矣。謹因使者獻白璧一雙，翠羽千尾，犀角十座，紫貝五百，桂蠹一器，生翠八十，孔雀二雙，昧死再拜，以聞皇帝陛下。"

受殺戮，然後興師問罪，陛下將何以處置？“武王聞言悚然起迎，笑答曰：”惜寡人不起義于中國，否則何異于漢帝？“

漢高祖崩，（紀前一八三年）呂后奪權，信讒言，禁市五金田具與越人，武王怒，自稱”越南皇帝“，舉兵攻長沙。呂后崩，漢文帝繼位，復遺陸賈來越，賚書勸武王，書云：

”朕高皇帝側室之子也，棄外奉北藩于代，道里遼遠，壅蔽樸愚，未嘗致書，高皇帝棄羣臣，孝惠帝卽位，高后自臨事，不幸有疾，諸呂奪權為變，不能獨制，乃取他姓子為孝惠皇帝嗣。賴宗廟之靈，功臣之力，誅之已畢，朕以王侯吏，不釋之故，不得不立。乃者聞王遣將軍隆慮候書，求親昆弟，請罷長沙二將軍，朕以王書罷將軍博陽候，其兄弟在眞定者，已遣人存問，修治先人塚。前日聞王發兵于邊，吏為寇災不止，長沙苦之，南郡尤甚，雖王之國，庸獨利乎？必多殺士卒，傷良將吏，寡人之妻，孤人之子，獨人父母，得一亡十，朕不忍為也。卽欲定地犬牙將人者以問吏，吏曰：高皇所以界長沙者王之地也，朕不得擅變焉。今也得王地之不足以為大，得王之財不足以為富，嶺嶺以南，王自治之。雖然王之號為帝，兩帝並立，

上古時代之邦交

越南立國，始于鴻龐，傳十八世，共二十君，計二六二二年。（紀前一八七九至二五八年）該時代之邦交似甚模糊，蓋史家認為此一時代是否屬實，尚屬疑問也。

有書可考者始于周朝，周成王時（紀前一一零九年）南方有"越裳"者，來貢白雉，言語不通，需假通譯，其後又因不辨方向，周公造指南車，助越裳使者返國。

雄王十八世時，有蜀王判者，来侵文郎（古越南國）雄王敗走，投井自盡。蜀王判既佔文郎，稱安陽王，國號甌駱，都於封溪。其時正當秦始皇統一中國之時，（紀前二一四年）始皇乃遣屠睢攻百粵（今湖南廣東廣西等地），安陽王勢弱，派使稱臣，秦乃分百粵為南海桂林象郡三郡。

蜀安陽王五十年，（紀前二零八年）南海郡尉趙佗，興師滅甌駱，建越南國，稱武王，都偏吳（番禺）。趙武王十二年（紀前一九六年）漢高祖遣陸賈出使越南，策封武王，王素性驕橫，且不甘臣服，陸賈謁見，王盤膝坐，不起迎，陸賈問曰"陛下漢人也，祖宗墳墓俱在漢地，今漢帝已為天下主，遣使策封陛下，今陛下抗拒漢臣，不受策封之禮，漢帝必然震怒，則陛下之祖宗墳墓必遭毀壞，親戚故老定

屬貽笑大方。然而我等編著此書之目的，係誠意提出此問題，藉此"拋磚引玉"，極盼高明學者，對此問題，再作縝密之研討，從而出版較完善之專書。

編者編著此書，時刻抱有一誠意，時卽坦白暴露出歷史之真確性，不偏不倚，以大公無私之筆調寫述。希望讀者，勿誤會我等之觀念，而結怨于此歷史陳跡，雖知死灰不會重燃也。在歷史過程中，好事等如醜事，我人應以客觀之態度，掬誠相告。中越邦交史，雖係一幕已閉幕之史劇，但中越兄弟間之友好關係，將世代流傳不替也。

此書得陳文來博士借閱其珍貴藏書作參考，又蒙各友好及各界人士提供寶貴意見，及在精神物質各方面襄助。編者幷在此致謝。

編者謹識

政治經濟方面，越南因受惡劣環境所阻，故無甚特色，純以南鄰之占城哀牢，均係文化低落小國，無足借鏡，可為模範者，僅北鄰大邦之中國而已。

趙佗建立越南國後，將中國文化傳播南方諸國，而越南則直接受中國文化之薰陶，讀四書五經，孔孟哲理。越南紙筆田具，均仰給於中國，故歷代越主對邦交破裂，招致中國斷絕紙筆田具一事，均具戒心。

越南係一小國，故歷代帝王俱受中國策封，雖則常有兵戎相見，但每于干戈化玉帛之時，越南又派使者前往中國修好，而越主又受中國策封。有時越主為維持兩國之友好親善，即使戰勝沙場，亦派歲貢使到中國言和，戰勝者時要臣服中國，此類矛盾性之史劇時有上演。個中秘奧，實由于〝南進〝政策使然。因越軍常要越山過海，征討占城，袁牢，眞臘等國，越南既傾全力于南進，故不能常備大兵以抗拒中國雄師也。但臣服一大邦，完成〝南進〝政策，係歷代帝王一貫之外交作風。

在此書中，編者並不提及關于越人艱辛之鬥爭，而單純明確地，描繪出中越兩國間數千年之邦交史蹟而已。此項工作，本應留待才識廣博，學問淵深之專門學者担任，方為合適，我等今日〝越庖代俎〝，等於〝班門弄斧〝實

序

越南建國四千年，在此悠長歷史過程中，其間藩屬中國者千年，因此，中國之文化，影響于越南者至深且大。中越兩民族實有其數千年之邦交淵源。

自古迄今，中越邦交時刻維繫，有時雖因戰事影響暫告停頓，然每于干戈寢息之時，越南卽致力于結好中國，使無北顧之憂。

越南土地人口如以中國相比較，益顯其渺小，與中國結怨，誠屬不智，越人之臣服中國，並非一落後之象徵，歷史足為明證：蓋越人無時不努力圖強，且無刻甘作他人奴隸也。試觀北屬時期（藩屬中國時期）、越人之崛起抗拒漢人而謀自主獨立者，比比皆是，其顯著者如徵女王，李本，趙光伏，梅叔鸞，曲承裕，吳權……等，此數子者，俱係血肉之軀，擲頭顱，以謀祖國自主獨立之愛國英雄也。

吳朝以還，越南雖會擺脫外侵勢力，步入自主之階段，但中越邦交關係，却無時或間。誠如以前，中國文化影響于越南者至深且大，故越南各自主時代，均必須與中國結好，職是之故，在藩屬中國千年之悠長歲月中，越南之文化學術宗教習慣，在在仿效中國，越南之進化力幾完全受中國支配。隋朝時代，韓萱創造喃字外，其餘別無發明。

越華邦交史

編者：施達志

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 12/2014

1. Cao Bá Quát - Trúc Khê
2. Lê Thái Tổ - Nguyễn Chánh Sắt
3. Nhà Tây Sơn - Tạ Quang Phát
4. Trung kỳ dân biến thỉ mạt ký - Phan Chu Trinh
5. Thi tù tùng thoại - Huỳnh Thúc Kháng
6. Việt - Pháp bang giao sử lược - Phan Khoang
7. Việt - Hoa bang giao sử -
   Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
8. Việt - Hoa thông sứ sử lược -
   Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe
9. Việt Nam ngoại giao sử - Ưng Trình
10. Sử ký Đại Nam Việt - Khuyết Danh